SBD	HOTEN	NU	NGAYSINH	HL6	HL7	HL8	HL9	TBC	DTNGUVAN	DTTOAN	DTTIENGANH	VA_CH	TO_CH	AN_CH	LI_CH	HO_CH	SI_CH	MCH1	MCH2	DIEMXETTUYEN_CH1	DIEMXETTUYEN_CH2	UTKK	DIEMXETTUYEN_KC	LIET	DTNGUVANIN	DTTOANIN	DTTIENGANHIN	DTCH1	DTCH2	VVPQCNGUVAN	VVPQCTOAN	VVPQCTIENGANH	VVPQCCH1	VVPQCCH2	DIEMXETTUYEN_NGUON	NGUON	MHS	MPT	GHICHU
010001	PHẠM NGUYỄN HỒNG Á	Nữ	10/07/2006	8.9	8.6	8.5	8.8	8.70	6.25	9.00	7.75		5.25					TO	TI	33.5	33.5	0.00	46.95		6.25	9.00	7.75	5.25	5.25	0	0	0	0	0	28.25	X	912000003	1	
010002	HOÀNG TRƯỜNG AN	Nam	22/02/2006	8	8.4	8.8	8.3	8.38	4.25	4.25	5.50				1.00			LI	Không có	16		0.00	30.88	Liệt CH	4.25	4.25	5.50	1.00	0.00	0	0	0	0	0	15	X	107000105	1	Liệt CH
010003	HUỲNH HỒ TRÚC AN	Nữ	05/07/2006	9.5	9.8	9.8	9.7	9.70	9.00	9.00	9.75		6.00					TO	TI	39.75	39.75	0.00	55.45		9.00	9.00	9.75	6.00	6.00	0	0	0	0	0	33.75	X	108000097	1	
010004	LÊ NGỌC GIA AN	Nữ	03/11/2006	8.7	8.8	9.1	9.3	8.98	7.75	7.75	7.75					5.00		HO	Không có	33.25		0.00	47.73		7.75	7.75	7.75	5.00	0.00	0	0	0	0	0	28.25	X	108000023	1	
010005	NGUYỄN THỊ MỸ AN	Nữ	21/06/2006	9.2	9.4	9.5	9.2	9.33	7.50	9.00	8.00		6.50				3.75	TO	SI	37.5	32	0.00	50.33		7.50	9.00	8.00	6.50	3.75	0	0	0	0	0	31	X	108000095	1	
010006	PHẠM BẢO PHÚC AN	Nữ	20/10/2006	9.6	9.7	9.7	9.5	9.63	8.50	9.25	8.75		5.00					TO	TI	36.5	36.5	0.00	53.88		8.50	9.25	8.75	5.00	5.00	0	0	0	0	0	31.5	X	108000203	1	
010007	PHẠM QUỐC AN	Nam	24/10/2006	8.9	9.1	9	9	9.00	7.75	8.00	8.25		6.00					TO	TI	36	36	0.00	48.75		7.75	8.00	8.25	6.00	6.00	0	0	0	0	0	30	X	108000224	1	
010008	PHAN VŨ PHƯƠNG AN	Nữ	06/02/2006	9.4	9.5	9.6	9.5	9.50	7.50	9.00	8.75		6.75					TO	TI	38.75	38.75	0.00	51.25		7.50	9.00	8.75	6.75	6.75	0	0	0	0	0	32	X	107000036	1	
010009	TRẦN HOÀNG AN	Nam	13/01/2006	9.4	9.8	9.8	9.7	9.68	8.50	9.50	9.00		6.50			2.25		TO	HO	40	31.5	0.00	54.68		8.50	9.50	9.00	6.50	2.25	0	0	0	0	0	33.5	X	108000341	1	
010010	TRẦN PHƯƠNG BẢO AN	Nữ	08/11/2006	8.9	9.2	9.2	9	9.08	8.50	7.25	9.75	5.50		3.50				AN	VA	32.5	36.5	0.00	50.33		8.50	7.25	9.75	3.50	5.50	0	0	0	0	0	31	X	108000208	1	
010011	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	13/02/2006	9.5	9.4	9.4	9.4	9.43	7.75	7.25	9.50	3.50				2.50		VA	HO	31.5	29.5	1.00	49.93		7.75	7.25	9.50	3.50	2.50	0	0	0	0	0	28	X	108000325	1	
010012	DƯƠNG NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	18/04/2006	9.4	9.5	9.5	9.5	9.48	6.50	6.50	9.25			3.60				AN	Không có	29.45		0.00	44.73		6.50	6.50	9.25	3.60	0.00	0	0	0	0	0	25.85000038	X	404000005	1	
010013	ĐÀO VŨ DUY ANH	Nam	26/09/2006	8.7	8.3	8.8	7.6	8.35	5.00	6.25	5.00		0.50			0.75		HO	TI	17.75	17.25	0.00	35.85	Liệt CH	5.00	6.25	5.00	0.75	0.50	0	0	0	0	0	17	X	911000000	1	Liệt CH
010014	ĐỖ NGUYỄN MINH ANH	Nữ	04/01/2006	8.4	8.3	7.9	8.1	8.18	5.25	4.25	3.25		0.50					TO	Không có	13.75		0.00	30.43	Liệt CH	5.25	4.25	3.25	0.50	0.00	0	0	0	0	0	13.25	X	108000193	1	Liệt CH
010015	HÀ KIỀU ANH	Nữ	02/03/2006	9	8.6	8.1	8.2	8.48	7.50	7.25	5.00	5.00						VA	Không có	29.75		0.00	42.98		7.50	7.25	5.00	5.00	0.00	0	0	0	0	0	24.75	X	906000000	1	
010016	HÀ TUẤN ANH	Nam	21/04/2006	8.6	8.3	8.7	8.5	8.53	6.75	8.25	8.00		5.75					TI	Không có	34.5		0.00	46.53		6.75	8.25	8.00	5.75	0.00	0	0	0	0	0	28.75	X	115000110	1	
010017	HỒ ĐẶNG PHƯƠNG ANH	Nữ	10/04/2006	8.3	8.5	8.3	8.4	8.38	7.00	7.75	5.75						5.00	SI	Không có	30.5		0.00	43.63		7.00	7.75	5.75	5.00	0.00	0	0	0	0	0	25.5	X	404000258	1	
010018	HỒ NGỌC LAN ANH	Nữ	10/04/2006	9.3	9.5	9.4	9.3	9.38	7.50	9.00	7.25		4.50					TO	TI	32.75	32.75	0.00	49.63		7.50	9.00	7.25	4.50	4.50	0	0	0	0	0	28.25	X	404000221	1	
010019	HUỲNH THỊ LAN ANH	Nữ	14/08/2006	9.1	9	8.6	8.4	8.78	6.00	9.00	7.50		7.00					TI	Không có	36.5		0.00	46.28		6.00	9.00	7.50	7.00	0.00	0	0	0	0	0	29.5	X	115000014	1	
010020	LÂM THỊ LAN ANH	Nữ	14/01/2006	9.3	9.4	9.5	9.4	9.40	8.75	7.50	9.00	6.75		3.50				VA	AN	38.75	32.25	0.00	50.90		8.75	7.50	9.00	6.75	3.50	0	0	0	0	0	32	X	115000021	1	
010021	LÊ HOÀNG TRÂM ANH	Nữ	20/05/2006	9	8.9	8.8	8.7	8.85	8.00	6.00	5.50				4.00			LI	Không có	27.5		0.50	42.85		8.00	6.00	5.50	4.00	0.00	0	0	0	0	0	23.5	X	912000007	1	
010022	LÊ PHAN PHƯƠNG ANH	Nữ	05/11/2006	9.4	9.4	9.3	9.2	9.33	8.50	7.75	9.75			4.90				AN	Không có	35.8		0.00	51.58		8.50	7.75	9.75	4.90	0.00	0	0	0	0	0	30.89999962	X	107000001	1	
010023	LÊ TRANG ANH	Nữ	07/09/2006	9.6	9.4	9.6	9.3	9.48	6.00	6.50	9.50			2.20				AN	Không có	26.4		0.00	43.98		6.00	6.50	9.50	2.20	0.00	0	0	0	0	0	24.20000076	X	916000006	1	
010024	LÊ TRẦN MINH ANH	Nữ	19/04/2006	9.3	9.5	9.5	9.5	9.45	7.00	7.00	8.75	5.75		3.70				VA	AN	34.25	30.15	0.00	46.20		7.00	7.00	8.75	5.75	3.70	0	0	0	0	0	28.5	X	108000122	1	
010025	MA ĐỨC ANH	Nam	01/06/2006	7.9	8.3	8	7.8	8.00	4.75	4.50	7.25			1.40				AN	Không có	19.3		0.00	33.75	Liệt CH	4.75	4.50	7.25	1.40	0.00	0	0	0	0	0	17.89999962	X	108000118	2	Liệt CH
010026	NGÔ QUỲNH ANH	Nữ	21/05/2006	9.3	9.1	9.3	9.1	9.20	8.00	6.25	7.50		4.50					TO	Không có	30.75		0.00	45.20		8.00	6.25	7.50	4.50	0.00	0	0	0	0	0	26.25	X	111000023	2	
010027	NGUYỄN HOÀNG TRÂM ANH	Nữ	03/12/2006	9.5	9.3	9.6	9.3	9.43	8.75	8.25	8.75		7.50					TO	TI	40.75	40.75	0.00	52.18		8.75	8.25	8.75	7.50	7.50	0	0	0	0	0	33.25	X	112000000	2	
010028	NGUYỄN HỒNG PHÚC ANH	Nữ	31/05/2006	8.2	8.2	8.2	7.7	8.08	6.50	3.75	4.75	4.75						VA	Không có	24.5		0.00	33.33		6.50	3.75	4.75	4.75	0.00	0	0	0	0	0	19.75	X	107000095	2	
010029	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	11/05/2006	9.2	9.3	9.4	9.2	9.28	7.50	6.50	8.50			2.50				AN	Không có	27.5		0.00	45.78		7.50	6.50	8.50	2.50	0.00	0	0	0	0	0	25	X	107000135	2	
010030	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	Nữ	05/10/2006	9.5	9.6	9.7	9.5	9.58	8.00	9.00	9.75	5.25		4.20				AN	VA	35.15	37.25	0.00	53.33		8.00	9.00	9.75	4.20	5.25	0	0	0	0	0	32	X	108000079	2	
010031	NGUYỄN NHẬT ANH	Nam	02/10/2006	8.6	8.5	8.8	8.1	8.50	6.00	6.25	5.00		3.00		3.50			LI	TI	24.25	23.25	0.00	38.00		6.00	6.25	5.00	3.50	3.00	0	0	0	0	0	20.75	X	107000043	2	
010032	NGUYỄN PHẠM KỲ ANH	Nữ	28/01/2006	8.8	8.5	8.4	8.7	8.60	7.75	6.00	7.50	5.25						VA	Không có	31.75		0.00	43.60		7.75	6.00	7.50	5.25	0.00	0	0	0	0	0	26.5	X	108000221	2	
010033	NGUYỄN QUỐC ANH	Nam	27/11/2006	8.4	8.9	8.8	8.6	8.68	7.75	7.25	6.75		6.00					TO	TI	33.75	33.75	0.00	45.43		7.75	7.25	6.75	6.00	6.00	0	0	0	0	0	27.75	X	108000010	2	
010034	NGUYỄN QUỐC ANH	Nam	17/02/2006	8.3	8.5	8.8	8.7	8.58	7.00	6.25	9.50			3.50				AN	Không có	29.75		0.00	44.58		7.00	6.25	9.50	3.50	0.00	0	0	0	0	0	26.25	X	108000046	2	
010035	NGUYỄN QUỐC ANH	Nam	17/08/2006	8.3	8.6	8.7	8.7	8.58	6.75	8.00	7.50						7.25	SI	Không có	36.75		0.00	45.58		6.75	8.00	7.50	7.25	0.00	0	0	0	0	0	29.5	X	113000055	2	
010036	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	07/12/2006	9	9	8.7	9	8.93	6.50	8.00	9.50			3.30				AN	Không có	30.6		0.00	47.43		6.50	8.00	9.50	3.30	0.00	0	0	0	0	0	27.29999924	X	207000000	2	
010037	NGUYỄN TRỊNH TRÂM ANH	Nữ	04/08/2006	9.2	9.1	9	9.2	9.13	6.25	7.25	5.50					5.25		HO	Không có	29.5		0.00	41.63		6.25	7.25	5.50	5.25	0.00	0	0	0	0	0	24.25	X	506000018	2	
010038	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	17/03/2006	8.6	9	8.8	9	8.85	6.50	3.00	4.75			1.30				AN	Không có	16.85		0.00	32.60	Liệt CH	6.50	3.00	4.75	1.30	0.00	0	0	0	0	0	15.55000019	X	108000093	2	Liệt CH
010039	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG ANH	Nữ	03/04/2006	9.6	9.6	9.7	9.5	9.60	8.00	10.00	9.50		6.00					TO	TI	39.5	39.5	0.00	55.10		8.00	10.00	9.50	6.00	6.00	0	0	0	0	0	33.5	X	404000290	2	
010040	PHẠM LÂM TUẤN ANH	Nam	10/03/2006	8.7	8.8	8.8	8.9	8.80	5.50	7.25	6.25		4.75					TO	TI	28.5	28.5	0.00	40.55		5.50	7.25	6.25	4.75	4.75	0	0	0	0	0	23.75	X	404000028	2	
010041	PHẠM THỊ QUỲNH ANH	Nữ	28/10/2006	9.8	9.8	9.8	9.8	9.80	8.00	7.75	10.00		5.00	5.60				AN	TI	36.95	35.75	0.00	51.30		8.00	7.75	10.00	5.60	5.00	0	0	0	0	0	31.35000038	X	807000001	2	
010042	TRANG TUẤN ANH	Nam	01/12/2006	9.3	8.8	8.9	9.1	9.03	6.25	7.00	6.75		3.25		4.25			LI	TO	28.5	26.5	0.00	42.28		6.25	7.00	6.75	4.25	3.25	0	0	0	0	0	24.25	X	807000000	2	
010043	TRẦN NGỌC ANH	Nữ	21/06/2006	8.7	8.4	8.6	8.8	8.63	7.75	4.50	6.25	5.25						VA	Không có	29		0.00	39.38		7.75	4.50	6.25	5.25	0.00	0	0	0	0	0	23.75	X	111000063	2	
010044	TRẦN NGUYỄN MAI ANH	Nữ	25/01/2006	9.3	9.4	9.6	9.3	9.40	8.25	8.00	8.75			2.40				AN	Không có	29.8		0.00	50.65		8.25	8.00	8.75	2.40	0.00	0	0	0	0	0	27.39999962	X	107000008	2	
010045	TRẦN NGUYỄN XUÂN ANH	Nữ	23/07/2006	9	9	8.8	8.5	8.83	7.00	4.25	5.75	4.25						VA	Không có	25.5		0.00	37.08		7.00	4.25	5.75	4.25	0.00	0	0	0	0	0	21.25	X	107000184	2	
010046	TRẦN NHẬT MINH ANH	Nữ	31/12/2006	8.3	7.9	8.3	7.9	8.10	6.50	4.00	6.75	5.00		2.20				AN	VA	21.65	27.25	0.00	35.85		6.50	4.00	6.75	2.20	5.00	0	0	0	0	0	22.25	X	107000288	2	
010047	TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	30/09/2006	9.5	9.4	9.4	8.7	9.25	7.50	7.00	6.75	3.25						VA	Không có	27.75		0.00	45.00		7.50	7.00	6.75	3.25	0.00	0	0	0	0	0	24.5	X	405000138	2	
010048	TRẦN QUỐC ANH	Nam	20/10/2006	8.8	8.8	8.3	8.1	8.50	7.50	5.75	6.75	5.00						VA	Không có	30		0.00	41.75		7.50	5.75	6.75	5.00	0.00	0	0	0	0	0	25	X	404000202	2	
010049	TRẦN THỊ TRÂM ANH	Nữ	12/04/2006	8.7	8.8	8.6	9	8.78	7.50	8.00	6.25		2.25				4.75	SI	TI	31.25	26.25	0.00	46.03		7.50	8.00	6.25	4.75	2.25	0	0	0	0	0	26.5	X	404000248	3	
010050	TRẦN TUẤN ANH	Nam	03/10/2006	7.8	7.3	8	7.3	7.60	4.25	5.25	2.75		3.50					TI	Không có	19.25		0.00	29.35		4.25	5.25	2.75	3.50	0.00	0	0	0	0	0	15.75	X	814000002	3	
010051	TRỊNH TRÂM ANH	Nữ	03/09/2006	8.8	8.8	8.5	8.2	8.58	7.25	7.50	8.50	5.00		2.70				AN	VA	28.65	33.25	0.00	46.58		7.25	7.50	8.50	2.70	5.00	0	0	0	0	0	28.25	X	107000020	3	
010052	VÕ MINH ANH	Nữ	12/05/2006	8.5	9.2	8	8	8.43	8.50	7.00	8.25			2.20				AN	Không có	28.15		0.00	47.68		8.50	7.00	8.25	2.20	0.00	0	0	0	0	0	25.95000076	X	156000009	3	
010053	VŨ NGỌC DUY ANH	Nam	08/11/2006	9.5	9.5	9.4	9	9.35	7.75	5.50	7.00			2.60				AN	Không có	25.45		0.00	42.85		7.75	5.50	7.00	2.60	0.00	0	0	0	0	0	22.85000038	X	916000004	3	
010054	VŨ THỊ TÚ ANH	Nữ	28/06/2006	8.9	8.9	8.4	8.5	8.68	7.00	9.00	4.50		4.25					TO	TI	29	29	0.50	45.68		7.00	9.00	4.50	4.25	4.25	0	0	0	0	0	24.75	X	912000001	3	
010055	DƯƠNG NGỌC ÁNH	Nữ	22/11/2006	8.5	8.4	8.3	9	8.55	8.00	8.00	8.75				2.50			LI	Không có	29.75		0.50	49.80		8.00	8.00	8.75	2.50	0.00	0	0	0	0	0	27.25	X	912000002	3	
010056	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	Nữ	11/03/2006	8.2	8.3	8.7	8.8	8.50	7.00	7.00	6.75	5.00						VA	Không có	30.75		0.00	43.25		7.00	7.00	6.75	5.00	0.00	0	0	0	0	0	25.75	X	113000056	3	
010057	TĂNG CƯỜNG ĐỨC ÂN	Nam	08/04/2006	9.1	9.1	8.9	8.8	8.98	6.75	5.75	5.00		2.75					TO	Không có	23		0.50	39.48		6.75	5.75	5.00	2.75	0.00	0	0	0	0	0	20.25	X	108000042	3	
010058	LÊ HOÀNG XUÂN BÁCH	Nam	02/02/2006	9.3	9.4	9.6	9.3	9.40	8.25	8.00	9.75			4.70				AN	Không có	35.4		0.00	51.65		8.25	8.00	9.75	4.70	0.00	0	0	0	0	0	30.70000076	X	107000183	3	
010059	DƯƠNG QUỐC BẢO	Nam	14/06/2006	7.7	8.2	7.6	7.3	7.70	7.75	4.25	5.75	5.25					2.75	VA	SI	28.25	23.25	0.00	37.45		7.75	4.25	5.75	5.25	2.75	0	0	0	0	0	23	X	156000003	3	
010060	LÊ QUỐC BẢO	Nam	27/02/2006	8.5	8.9	8.2	8.5	8.53	5.00	4.00	3.50					1.75		HO	Không có	16		0.00	30.03	Liệt CH	5.00	4.00	3.50	1.75	0.00	0	0	0	0	0	14.25	X	108000345	3	Liệt CH
010061	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	01/09/2006	8.7	8.5	9.1	9	8.83	4.00	7.50	8.00					6.75		HO	Không có	33		0.00	39.83		4.00	7.50	8.00	6.75	0.00	0	0	0	0	0	26.25	X	606000032	3	
010062	PHẠM HOÀI BẢO	Nam	20/07/2006	8.6	8.8	9	8.8	8.80	7.25	8.25	6.75					4.00		HO	Không có	30.25		0.00	46.55		7.25	8.25	6.75	4.00	0.00	0	0	0	0	0	26.25	X	107000018	3	
010063	TRẦN ĐỖ QUỐC BẢO	Nam	05/08/2006	9.5	9.6	9.7	9.5	9.58	8.50	8.25	9.00					6.00		HO	Không có	37.75		0.00	52.08		8.50	8.25	9.00	6.00	0.00	0	0	0	0	0	31.75	X	108000226	3	
010064	VÕ HÀ GIA BẢO	Nam	24/02/2006	8.2	8.9	9.2	9.1	8.85	7.00	9.75	4.25		7.00					TO	TI	35	35	0.00	46.60		7.00	9.75	4.25	7.00	7.00	0	0	0	0	0	28	X	404000201	3	
010065	LÊ THUỲ BĂNG	Nữ	15/10/2006	8.7	8.3	8.2	8.1	8.33	6.00	7.25	5.25		3.75					TI	Không có	26		0.00	40.08		6.00	7.25	5.25	3.75	0.00	0	0	0	0	0	22.25	X	404000044	3	
010066	NGUYỄN LÊ NGỌC BĂNG	Nữ	27/04/2006	8.3	7.6	8	7.9	7.95	6.50	2.25	3.00	3.25			0.50			VA	LI	18.25	12.75	0.00	28.45	Liệt CH	6.50	2.25	3.00	3.25	0.50	0	0	0	0	0	15	X	113000015	3	Liệt CH
010067	ĐẶNG TIỂU BÌNH	Nam	23/10/2006	8.3	8.1	8.5	8	8.23	4.25	8.00	4.00						3.50	SI	Không có	23.25		0.00	36.73		4.25	8.00	4.00	3.50	0.00	0	0	0	0	0	19.75	X	115000108	3	
010068	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	17/04/2006	8.7	8.2	8.3	8.4	8.40	7.75	8.00	6.25				5.25			LI	Không có	32.5		0.50	46.65		7.75	8.00	6.25	5.25	0.00	0	0	0	0	0	27.25	X	914000019	3	
010069	TẠ THANH BÌNH	Nam	17/03/2006	9.2	9.2	9.1	8.7	9.05	7.50	8.50	7.25					6.00		HO	Không có	35.25		0.50	48.80		7.50	8.50	7.25	6.00	0.00	0	0	0	0	0	29.25	X	814000007	3	
010070	NGUYỄN LÊ NHÃ CA	Nữ	28/09/2006	9.5	9.5	9.5	8.9	9.35	9.00	7.50	9.75			5.10				AN	Không có	36.45		0.00	52.10		9.00	7.50	9.75	5.10	0.00	0	0	0	0	0	31.35000038	X	404000179	3	
010071	BÙI TRẦN MINH CHÂU	Nữ	15/01/2006	9.1	9.5	9.7	9.3	9.40	8.75	7.75	9.50			6.60				AN	Không có	39.2		0.00	51.90		8.75	7.75	9.50	6.60	0.00	0	0	0	0	0	32.59999847	X	108000078	3	
010072	KHƯU THỊ HỒNG CHÂU	Nữ	29/09/2006	8.7	9.2	9.4	9.3	9.15	8.25	8.00	6.75				2.50			LI	Không có	28		0.00	48.40		8.25	8.00	6.75	2.50	0.00	0	0	0	0	0	25.5	X	108000346	3	
010073	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	Nữ	27/06/2006	9.3	9.3	9.2	9	9.20	6.75	8.00	9.25					6.00		HO	Không có	36		0.00	47.95		6.75	8.00	9.25	6.00	0.00	0	0	0	0	0	30	X	204000007	4	
010074	TIÊU NGỌC CHÂU	Nữ	04/07/2006	9.3	9.8	9.7	9.7	9.63	8.50	9.00	10.00			6.30				AN	Không có	40.1		0.00	54.63		8.50	9.00	10.00	6.30	0.00	0	0	0	0	0	33.79999924	X	108000022	4	
010075	VƯƠNG HỒ NGỌC CHÂU	Nữ	03/03/2006	8.6	9.1	9	8.7	8.85	6.00	6.25	7.50		4.25					TO	Không có	28.25		0.00	40.85		6.00	6.25	7.50	4.25	0.00	0	0	0	0	0	24	X	511000003	4	
010076	PHẠM THỊ KIM CHI	Nữ	19/09/2006	8.6	8.3	8.7	8.8	8.60	6.25	4.25	9.50	4.75		3.60				AN	VA	27.2	29.5	0.00	39.10		6.25	4.25	9.50	3.60	4.75	0	0	0	0	0	24.75	X	916000001	4	
010077	TRỊNH KIM CHI	Nữ	23/04/2006	9.3	9.6	9.5	9.5	9.48	7.25	9.00	9.00		7.00					TO	TI	39.25	39.25	0.00	50.98		7.25	9.00	9.00	7.00	7.00	0	0	0	0	0	32.25	X	108000000	4	
010078	LÊ MINH CHÍNH	Nam	20/07/2006	9	8.7	9.3	8.5	8.88	6.50	7.75	7.50				5.75			LI	Không có	33.25		0.00	44.88		6.50	7.75	7.50	5.75	0.00	0	0	0	0	0	27.5	X	115000091	4	
010079	PHẠM NGUYỄN THANH CHƯƠNG	Nam	29/06/2006	8.9	8.6	8.8	8.7	8.75	7.75	7.50	6.00						5.75	SI	Không có	32.75		0.00	45.25		7.75	7.50	6.00	5.75	0.00	0	0	0	0	0	27	X	107000272	4	
010080	NGUYỄN PHỤNG CƠ	Nữ	10/08/2006	8.8	8.9	8.9	8.5	8.78	7.50	6.50	8.25			4.00				AN	Không có	30.25		0.00	45.03		7.50	6.50	8.25	4.00	0.00	0	0	0	0	0	26.25	X	404000037	4	
010081	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	Nam	21/03/2006	9.3	9.5	9.5	9.1	9.35	6.50	7.00	7.00					1.00		HO	Không có	22.5		0.00	43.35	Liệt CH	6.50	7.00	7.00	1.00	0.00	0	0	0	0	0	21.5	X	108000025	4	Liệt CH
010082	PHẠM LÊ BẢO CƯỜNG	Nam	29/09/2006	9.8	9.9	9.8	9.7	9.80	8.75	9.00	10.00			7.20				AN	Không có	42.15		0.00	55.30		8.75	9.00	10.00	7.20	0.00	0	0	0	0	0	34.95000076	X	108000013	4	
010083	BÙI CÔNG DANH	Nam	21/05/2006	8.9	8.8	8.8	8.9	8.85	7.50	5.75	7.00		4.25					TO	Không có	28.75		0.00	42.35		7.50	5.75	7.00	4.25	0.00	0	0	0	0	0	24.5	X	206000005	4	
010084	NGUYỄN TẤN DANH	Nam	07/05/2006	8.6	8.9	8.9	8.5	8.73	7.00	8.50	7.25		6.00					TI	Không có	34.75		0.00	46.98		7.00	8.50	7.25	6.00	0.00	0	0	0	0	0	28.75	X	115000028	4	
010085	TRIỆU DĨ	Nam	30/10/2006	8.4	8.4	8.6	8.3	8.43	7.00	7.00	3.75		4.25					TO	TI	26.25	26.25	0.00	40.18		7.00	7.00	3.75	4.25	4.25	0	0	0	0	0	22	X	404000099	4	
010086	TRẦN MỸ THÚY DIỄM	Nữ	16/07/2006	9	9.2	9.1	8.8	9.03	7.25	6.75	9.00	7.00		2.20				AN	VA	27.4	37	1.50	47.53		7.25	6.75	9.00	2.20	7.00	0	0	0	0	0	30	X	107000122	4	
010087	HOÀNG NGỌC HIỀN DIỆU	Nữ	06/01/2006	9.2	9	9	8.6	8.95	8.00	8.00	6.75			2.90				AN	Không có	28.55		0.00	47.70		8.00	8.00	6.75	2.90	0.00	0	0	0	0	0	25.64999962	X	111000095	4	
010088	PHAN SONG DU	Nữ	08/03/2006	8.6	9.2	9.1	8.7	8.90	5.75	6.75	9.50			6.40				AN	Không có	34.8		0.00	43.40		5.75	6.75	9.50	6.40	0.00	0	0	0	0	0	28.39999962	X	404000231	4	
010089	TRƯƠNG LÊ PHƯƠNG DUNG	Nữ	08/03/2006	9.6	9.3	9.4	9.1	9.35	8.50	8.00	9.75					4.25		HO	Không có	34.75		0.00	52.10		8.50	8.00	9.75	4.25	0.00	0	0	0	0	0	30.5	X	506000013	4	
010090	LƯƠNG BÁ DŨNG	Nam	13/06/2006	9	9	9.2	9.2	9.10	8.00	7.75	7.50					6.00		HO	Không có	35.25		0.00	48.10		8.00	7.75	7.50	6.00	0.00	0	0	0	0	0	29.25	X	113000008	4	
010091	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	Nam	17/08/2006	9.1	9.2	8.9	8.6	8.95	7.75	5.50	7.50	3.50			4.00			LI	VA	28.75	27.75	0.00	42.95		7.75	5.50	7.50	4.00	3.50	0	0	0	0	0	24.75	X	404000178	4	
010092	NGUYỄN HỮU TRÍ DŨNG	Nam	02/11/2006	8.6	8.9	8.8	8.6	8.73	6.75	6.00	7.25						4.25	SI	Không có	28.5		0.00	41.48		6.75	6.00	7.25	4.25	0.00	0	0	0	0	0	24.25	X	107000289	4	
010093	NGUYỄN MẠNH DŨNG	Nam	13/12/2006	8.5	8.9	9.3	9	8.93	6.00	8.00	8.75		3.00	3.20				AN	TI	29.15	28.75	0.00	45.68		6.00	8.00	8.75	3.20	3.00	0	0	0	0	0	25.95000076	X	108000222	4	
010094	HỒ NHẬT DUY	Nam	09/10/2006	9.5	9.6	9.7	9.6	9.60	7.75	6.25	6.75						7.25	SI	Không có	35.25		0.00	44.35		7.75	6.25	6.75	7.25	0.00	0	0	0	0	0	28	X	108000061	4	
010095	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG DUY	Nam	04/06/2006	8.6	8.6	8.9	8.7	8.70	9.25	9.00	7.00		5.00					TO	Không có	35.25		0.50	52.70		9.25	9.00	7.00	5.00	0.00	0	0	0	0	0	30.25	X	915000000	4	
010096	NGUYỄN HẢI DUY	Nam	20/02/2006	9.6	9.7	9.8	9.5	9.65	8.00	9.00	10.00			4.60				AN	Không có	36.2		0.00	53.65		8.00	9.00	10.00	4.60	0.00	0	0	0	0	0	31.60000038	X	108000009	4	
010097	NGUYỄN HOÀNG DUY	Nam	31/05/2006	9.6	9.4	9.5	9.3	9.45	7.00	7.00	9.75				7.25			LI	Không có	38.25		0.00	47.20		7.00	7.00	9.75	7.25	0.00	0	0	0	0	0	31	X	506000004	5	
010098	NGUYỄN HUỲNH QUANG DUY	Nam	12/06/2006	8.6	8.5	8.7	8	8.45	5.00	4.00	5.00			1.80				AN	Không có	17.6		0.00	31.45	Liệt CH	5.00	4.00	5.00	1.80	0.00	0	0	0	0	0	15.80000019	X	410000001	5	Liệt CH
010099	NGUYỄN NGỌC DUY	Nam	19/09/2006	8.8	9.3	9.4	9.1	9.15	5.75	6.00	8.00				8.50			LI	Không có	36.75		0.00	40.65		5.75	6.00	8.00	8.50	0.00	0	0	0	0	0	28.25	X	108000237	5	
010100	NGUYỄN PHAN KHANG DUY	Nam	31/03/2006	8.8	8.7	8.7	8.5	8.68	7.00	4.50	7.00	5.00		2.30				AN	VA	23.1	28.5	0.00	38.68		7.00	4.50	7.00	2.30	5.00	0	0	0	0	0	23.5	X	107000021	5	
010101	NGUYỄN QUỐC DUY	Nam	26/07/2006	9.3	9.1	9.2	8.5	9.03	6.75	8.75	5.25		4.00					TO	TI	28.75	28.75	0.00	45.28		6.75	8.75	5.25	4.00	4.00	0	0	0	0	0	24.75	X	514000000	5	
010102	NGUYỄN TRUNG DUY	Nam	17/01/2006	8.2	8.1	8.3	8.4	8.25	8.00	7.00	3.50		2.25					TO	Không có	23		0.50	42.25		8.00	7.00	3.50	2.25	0.00	0	0	0	0	0	20.75	X	916000005	5	
010103	PHẠM ANH DUY	Nam	28/01/2006	9.1	9	8.8	8.9	8.95	7.00	6.75	4.00						5.00	SI	Không có	27.75		0.00	40.45		7.00	6.75	4.00	5.00	0.00	0	0	0	0	0	22.75	X	404000029	5	
010104	TRẦN HÙNG DUY	Nam	13/02/2006	9.2	9.5	9.3	9.1	9.28	7.50	8.75	8.50		6.00					TO	TI	36.75	36.75	0.00	50.28		7.50	8.75	8.50	6.00	6.00	0	0	0	0	0	30.75	X	814000000	5	
010105	TRẦN NHẬT DUY	Nam	22/08/2006	8.2	8.6	8.2	8	8.25	6.25	5.75	5.00					1.25		HO	Không có	19.5		0.00	37.25	Liệt CH	6.25	5.75	5.00	1.25	0.00	0	0	0	0	0	18.25	X	404000027	5	Liệt CH
010106	CAO NGUYỄN KỲ DUYÊN	Nữ	15/07/2006	9	9.2	9.2	9.3	9.18	8.00	6.75	9.25						6.50	SI	Không có	37		0.00	47.93		8.00	6.75	9.25	6.50	0.00	0	0	0	0	0	30.5	X	108000027	5	
010107	NGUYỄN HỮU DUYÊN	Nam	16/07/2006	8.4	8.7	9.4	9.1	8.90	7.50	7.75	4.00		3.00				3.50	SI	TO	26.25	25.25	0.00	43.40		7.50	7.75	4.00	3.50	3.00	0	0	0	0	0	22.75	X	108000152	5	
010108	NGUYỄN THỤY QUỲNH DUYÊN	Nữ	01/01/2006	8.8	8.5	8.2	8.3	8.45	6.25	4.50	4.00	6.75						VA	Không có	28.25		0.00	33.95		6.25	4.50	4.00	6.75	0.00	0	0	0	0	0	21.5	X	204000010	5	
010109	ĐẶNG TÙNG DƯƠNG	Nam	21/01/2006	7.3	8.4	9	8.8	8.38	6.75	6.50	6.00		2.00			1.25		HO	TO	21.75	23.25	0.00	40.88	Liệt CH	6.75	6.50	6.00	1.25	2.00	0	0	0	0	0	21.25	X	108000218	5	Liệt CH
010110	HÀ ÁNH DƯƠNG	Nữ	05/12/2006	9.2	9.3	9.2	8.8	9.13	8.00	7.75	9.00	5.25		2.80				AN	VA	30.35	35.25	0.00	49.63		8.00	7.75	9.00	2.80	5.25	0	0	0	0	0	30	X	107000266	5	
010111	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	Nam	16/07/2006	9	8.8	8.7	8.9	8.85	6.25	6.50	7.25				5.50			LI	Không có	31		0.00	41.60		6.25	6.50	7.25	5.50	0.00	0	0	0	0	0	25.5	X	114000001	5	
010112	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	26/05/2006	9.1	9.1	9.4	9.5	9.28	7.50	8.00	6.50		6.00			7.00		HO	TO	36	34	0.00	46.78		7.50	8.00	6.50	7.00	6.00	0	0	0	0	0	29	X	108000365	5	
010113	NGUYỄN VÕ PHÚC DƯƠNG	Nam	07/02/2006	9.2	9.1	9.3	9.1	9.18	7.00	7.50	8.50		Vắng			6.00		HO	TO	35		0.00	46.68	Liệt CH	7.00	7.50	8.50	6.00	0.00	0	0	0	0	1	29	X	404000000	5	
010114	TRẦN ÁNH BÌNH DƯƠNG	Nữ	12/06/2006	9.3	9.1	9.1	9	9.13	8.50	8.00	7.50	6.25						VA	Không có	36.5		0.00	49.63		8.50	8.00	7.50	6.25	0.00	0	0	0	0	0	30.25	X	113000074	5	
010115	VÕ TRANG ĐÀI	Nữ	01/08/2006	8	8.3	8.6	8.5	8.35	6.50	3.00	3.25	3.50						VA	Không có	19.75		0.00	30.60		6.50	3.00	3.25	3.50	0.00	0	0	0	0	0	16.25	X	108000007	5	
010116	PHẠM HUỲNH QUỐC ĐẠI	Nam	21/11/2006	8.3	8.5	8.7	8.7	8.55	7.75	6.75	6.25	6.75						VA	Không có	34.25		0.00	43.80		7.75	6.75	6.25	6.75	0.00	0	0	0	0	0	27.5	X	113000002	5	
010117	TRẦN THỊ CẨM ĐANG	Nữ	26/07/2006	9.3	9.2	9.2	9	9.18	6.25	7.25	7.75					4.50		HO	Không có	30.25		0.00	43.93		6.25	7.25	7.75	4.50	0.00	0	0	0	0	0	25.75	X	814000008	5	
010118	PHẠM THỊ ANH ĐÀO	Nữ	18/02/2006	8.8	8.6	9	9	8.85	8.25	7.50	7.50	6.50						VA	Không có	36.25		0.00	47.85		8.25	7.50	7.50	6.50	0.00	0	0	0	0	0	29.75	X	113000020	5	
010119	HỒ TIẾN ĐẠT	Nam	05/10/2006	9.1	9.6	9.7	9.4	9.45	7.75	8.00	8.75		3.75	5.10				AN	TI	34.7	32	0.00	49.70		7.75	8.00	8.75	5.10	3.75	0	0	0	0	0	29.60000038	X	108000289	5	
010120	HUỲNH TẤN ĐẠT	Nam	27/01/2006	8.8	9.2	9.4	9	9.10	7.00	8.00	8.75			2.30				AN	Không có	28.35		0.00	47.85		7.00	8.00	8.75	2.30	0.00	0	0	0	0	0	26.04999924	X	108000271	5	
010121	LÊ TẤN ĐẠT	Nam	05/09/2006	9.3	9.4	9.3	9.6	9.40	6.75	8.00	9.00		1.50				2.50	SI	TO	28.75	26.75	0.00	47.90	Liệt CH	6.75	8.00	9.00	2.50	1.50	0	0	0	0	0	26.25	X	207000026	6	Liệt CH
010122	LÊ TRỌNG THÀNH ĐẠT	Nam	14/06/2006	8.2	8.5	8.9	8	8.40	6.75	4.00	3.75		1.00	1.30				TO	AN	16.5	17.1	0.00	33.65	Liệt CH	6.75	4.00	3.75	1.00	1.30	0	0	0	0	0	15.80000019	X	108000120	6	Liệt CH
010123	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	31/03/2006	9	9.1	9	8.8	8.98	7.25	8.00	6.25		3.25					TO	Không có	28		0.00	45.73		7.25	8.00	6.25	3.25	0.00	0	0	0	0	0	24.75	X	404000193	6	
010124	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	31/01/2006	8.5	8.4	8.1	8.4	8.35	7.50	6.75	6.00				5.75			LI	Không có	31.75		0.00	42.85		7.50	6.75	6.00	5.75	0.00	0	0	0	0	0	26	X	108000172	6	
010125	PHẠM XUÂN ĐẠT	Nam	22/11/2006	8.2	8.3	8.1	7.2	7.95	3.75	4.25	6.50					1.75		HO	Không có	18		0.00	30.45	Liệt CH	3.75	4.25	6.50	1.75	0.00	0	0	0	0	0	16.25	X	814000015	6	Liệt CH
010126	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	24/09/2006	9.1	9.3	9.3	9.1	9.20	6.00	8.00	9.00		4.00		3.00			TO	LI	31	29	0.00	46.20		6.00	8.00	9.00	4.00	3.00	0	0	0	0	0	27	X	107000005	6	
010127	NGUYỄN THIỆN ĐẮC	Nam	22/08/2006	8.2	8.2	8.1	7.9	8.10	5.75	5.25	5.25				2.25			LI	Không có	20.75		0.00	35.35		5.75	5.25	5.25	2.25	0.00	0	0	0	0	0	18.5	X	107000193	6	
010128	HOÀNG HẢI ĐĂNG	Nam	04/02/2006	8.6	8.7	9	8.6	8.73	6.75	6.25	7.00				3.50			LI	Không có	27		0.00	41.73		6.75	6.25	7.00	3.50	0.00	0	0	0	0	0	23.5	X	513000014	6	
010129	LÂM HOÀNG HẢI ĐĂNG	Nam	27/01/2006	9	9.2	8.9	8.8	8.98	5.00	4.75	6.25	5.50						VA	Không có	27		0.00	34.73		5.00	4.75	6.25	5.50	0.00	0	0	0	0	0	21.5	X	108000231	6	
010130	LÊ VĂN HẢI ĐĂNG	Nam	17/10/2006	9.7	9.8	9.8	9.7	9.75	8.75	6.50	8.75						6.50	SI	Không có	37		0.00	49.00		8.75	6.50	8.75	6.50	0.00	0	0	0	0	0	30.5	X	505000000	6	
010131	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	09/06/2006	9	9.2	8.7	8	8.73	4.25	5.00	6.75						3.50	SI	Không có	23		0.00	33.98		4.25	5.00	6.75	3.50	0.00	0	0	0	0	0	19.5	X	814000001	6	
010132	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	22/06/2006	8.5	8.9	9.1	8.8	8.83	7.00	9.00	6.25		7.00					TO	TI	36.25	36.25	0.00	47.08		7.00	9.00	6.25	7.00	7.00	0	0	0	0	0	29.25	X	909000018	6	
010133	TRỊNH QUỐC ĐĂNG	Nam	25/03/2006	8.4	7.7	8.5	8.3	8.23	7.50	7.75	5.75		2.75			0.00		TI	HO	26.5	21	0.00	44.48	Liệt CH	7.50	7.75	5.75	2.75	0.00	0	0	0	0	0	23.75	X	108000146	6	Liệt CH
010134	TRẦN LỆ ĐÌNH	Nữ	02/10/2006	8.8	8.6	8.6	9	8.75	7.00	8.25	8.25		5.00		4.75			LI	TI	33	33.5	0.00	47.50		7.00	8.25	8.25	4.75	5.00	0	0	0	0	0	28.5	X	113000014	6	
010135	DIỆP LÊ MINH ĐỨC	Nam	25/02/2006	8.8	9	8.7	8.6	8.78	7.50	7.00	6.00	5.75						VA	Không có	32		0.00	43.78		7.50	7.00	6.00	5.75	0.00	0	0	0	0	0	26.25	X	404000250	6	
010136	NGUYỄN TRẦN ĐỨC	Nam	03/07/2006	9.6	9.6	9.7	9.3	9.55	8.50	6.50	9.25			1.50				AN	Không có	27.25		0.00	48.80	Liệt CH	8.50	6.50	9.25	1.50	0.00	0	0	0	0	0	25.75	X	505000001	6	Liệt CH
010137	NGUYỄN VÕ DANH ĐỨC	Nam	28/11/2006	8.9	8.9	8.7	8.7	8.80	6.75	7.50	8.00		4.25				3.25	SI	TI	28.75	30.75	0.00	45.30		6.75	7.50	8.00	3.25	4.25	0	0	0	0	0	26.5	X	207000022	6	
010138	PHẠM ANH ĐỨC	Nam	26/04/2006	9.1	9.4	9.1	8.9	9.13	7.00	8.00	9.00		5.50					TI	Không có	35		0.00	48.13		7.00	8.00	9.00	5.50	0.00	0	0	0	0	0	29.5	X	204000015	6	
010139	TRẦN MINH ĐỨC	Nam	02/05/2006	8.6	9.2	9.3	9	9.03	5.75	6.25	5.75	3.00				2.50		HO	VA	22.75	23.75	0.00	38.78		5.75	6.25	5.75	2.50	3.00	0	0	0	0	0	20.75	X	108000197	6	
010140	NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM	Nữ	19/06/2006	8.9	8.8	9.3	9.1	9.03	8.25	6.50	9.00			2.00				AN	Không có	27.75		0.00	47.53	Liệt CH	8.25	6.50	9.00	2.00	0.00	0	0	0	0	0	25.75	X	206000001	6	Liệt CH
010141	DƯƠNG TRƯỜNG GIANG	Nam	23/05/2006	8.7	8.8	8.9	8.8	8.80	7.00	8.00	7.00	3.25						VA	Không có	28.5		0.00	45.80		7.00	8.00	7.00	3.25	0.00	0	0	0	0	0	25.25	X	107000019	6	
010142	NGUYỄN LÊ GIANG	Nữ	25/11/2006	9.3	9.6	9.7	9.6	9.55	6.75	7.25	9.25			4.70				AN	Không có	32.65		0.00	46.80		6.75	7.25	9.25	4.70	0.00	0	0	0	0	0	27.95000076	X	108000347	6	
010143	PHẠM HƯNG GIANG	Nữ	16/02/2006	8.3	8.7	9.1	9	8.78	7.75	6.00	7.00	5.75						VA	Không có	32.25		0.00	43.28		7.75	6.00	7.00	5.75	0.00	0	0	0	0	0	26.5	X	107000029	6	
010144	TRẦN THỊ QUỲNH GIAO	Nữ	16/02/2006	9.1	9.2	9.2	8.9	9.10	7.25	7.75	9.25			2.90				AN	Không có	30.05		0.00	48.35		7.25	7.75	9.25	2.90	0.00	0	0	0	0	0	27.14999962	X	814000012	6	
010145	VÕ THỊ QUỲNH GIAO	Nữ	16/09/2006	8.7	8.8	8.5	8.6	8.65	5.75	6.75	8.00			1.50				AN	Không có	23.5		0.00	41.65	Liệt CH	5.75	6.75	8.00	1.50	0.00	0	0	0	0	0	22	X	115000152	7	Liệt CH
010146	HUỲNH NGỌC GIÀU	Nữ	06/07/2006	9.3	9.3	9.4	8.9	9.23	7.00	7.00	8.25		4.25	3.70				AN	TO	29.65	30.75	0.00	45.48		7.00	7.00	8.25	3.70	4.25	0	0	0	0	0	26.5	X	108000129	7	
010147	NGUYỄN NGỌC GIÀU	Nữ	08/12/2006	9.1	9.1	9.3	9.1	9.15	7.00	8.00	8.75				6.50			LI	Không có	36.75		0.00	47.90		7.00	8.00	8.75	6.50	0.00	0	0	0	0	0	30.25	X	108000111	7	
010148	LÂM THỊ NGỌC HÀ	Nữ	13/06/2006	8.3	8.6	8.7	8.4	8.50	7.25	8.00	3.50	5.50						VA	Không có	29.75		0.00	42.50		7.25	8.00	3.50	5.50	0.00	0	0	0	0	0	24.25	X	206000068	7	

010149	NGUYỄN LÊ ANH HÀ	Nữ	06/06/2006	7.9	8.8	8.8	8.5	8.50	7.00	5.00	5.25	3.25						VA	Không có	23.75		0.00	37.75		7.00	5.00	5.25	3.25	0.00	0	0	0	0	0	0	20.5	X	108000147	7	
010150	NGUYỄN NGỌC THANH HÀ	Nữ	23/09/2006	8.3	8.7	8.3	8.2	8.38	6.00	6.00	3.25	3.00						VA	Không có	21.25		0.00	35.63		6.00	6.00	3.25	3.00	0.00	0	0	0	0	0	0	18.25	X	108000199	7	
010151	VÕ XUÂN HẢI	Nam	17/08/2006	9	9.1	9	8.8	8.98	4.25	5.25	5.00		4.00					TO	Không có	22.5		0.00	32.98		4.25	5.25	5.00	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	18.5		115000027	7	
010152	HỒ THỊ MỸ HẠNH	Nữ	19/03/2006	8.7	9	9.1	9.1	8.98	7.75	3.50	4.25	5.00					3.50	VA	SI	25.5	22.5	0.00	35.73		7.75	3.50	4.25	5.00	3.50	0	0	0	0	0	0	20.5	X	111000018	7	
010153	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nữ	31/10/2006	9.1	9.3	9.1	9.1	9.15	7.75	8.00	9.75	5.00		2.20				VA	AN	35.5	29.9	0.00	50.40		7.75	8.00	9.75	5.00	2.20	0	0	0	0	0	0	30.5	X	111000013	7	
010154	LÊ CHÍ HÀO	Nam	25/05/2006	8.9	9	8.9	9	8.95	7.25	7.00	6.25	5.25						VA	Không có	31		0.00	43.70		7.25	7.00	6.25	5.25	0.00	0	0	0	0	0	0	25.75		510000001	7	
010155	PHẠM GIA HÀO	Nam	27/01/2006	8.4	8.6	8.7	8.2	8.48	5.50	6.50	7.00						2.75	SI	Không có	24.5		0.00	39.48		5.50	6.50	7.00	2.75	0.00	0	0	0	0	0	0	21.75	X	506000003	7	
010156	TRÀ LÊ NHẬT HÀO	Nam	03/03/2006	9.2	9.1	9.2	8.5	9.00	7.75	7.25	3.50		2.00				6.00	SI	TO	30.5	22.5	0.00	42.50	Liệt CH	7.75	7.25	3.50	6.00	2.00	0	0	0	0	0	0	24.5	X	408000056	7	Liệt CH
010157	LÊ VÕ GIA HẠO	Nam	29/01/2006	9.5	9.2	9	8.8	9.13	8.00	7.50	9.00			4.40				AN	Không có	33.3		0.00	49.13		8.00	7.50	9.00	4.40	0.00	0	0	0	0	0	0	28.89999962	X	411000000	7	
010158	NGUYỄN THỤY MINH HẰNG	Nữ	30/06/2006	9.4	9.5	9.6	9.3	9.45	8.25	9.00	8.25		5.00					TO	TI	35.5	35.5	0.00	52.20		8.25	9.00	8.25	5.00	5.00	0	0	0	0	0	0	30.5	X	107000006	7	
010159	VŨ MINH HẰNG	Nữ	25/10/2006	9.5	9.6	9.7	9.6	9.60	8.50	8.00	10.00	6.00		5.60				AN	VA	37.7	38.5	0.00	52.60		8.50	8.00	10.00	5.60	6.00	0	0	0	0	0	0	32.5	X	108000002	7	
010160	CAO NGỌC HÂN	Nữ	23/03/2006	9.3	9.4	8.9	8.8	9.10	7.25	6.25	6.50	5.25						VA	Không có	30.5		0.00	42.60		7.25	6.25	6.50	5.25	0.00	0	0	0	0	0	0	25.25	X	405000011	7	
010161	HUỲNH BẢO HÂN	Nữ	29/05/2006	8.9	9.1	9.2	9.4	9.15	8.25	7.50	9.25	6.50		1.60				VA	AN	38	28.2	0.00	49.90	Liệt CH	8.25	7.50	9.25	6.50	1.60	0	0	0	0	0	0	31.5	X	108000020	7	Liệt CH
010162	LẠI TRẦN GIA HÂN	Nữ	29/09/2006	8.8	8.8	8.4	8.4	8.60	6.75	7.50	5.00		2.25					TO	TI	23.75	23.75	0.00	42.10		6.75	7.50	5.00	2.25	2.25	0	0	0	0	0	0	21.5	X	113000000	7	
010163	NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	03/12/2006	8.4	8.7	8.6	8.5	8.55	7.00	7.25	2.50		3.25					TO	Không có	23.25		0.00	39.55		7.00	7.25	2.50	3.25	0.00	0	0	0	0	0	0	20	X	111000005	7	
010164	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	Nữ	25/03/2006	9.8	9.8	9.8	9.6	9.75	8.00	10.00	10.00		7.00			1.50		TO	HO	42	31	0.00	55.75	Liệt CH	8.00	10.00	10.00	7.00	1.50	0	0	0	0	0	0	35	X	108000125	7	Liệt CH
010165	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	24/10/2006	9	8.7	8.8	8.8	8.83	8.25	5.50	9.00	5.50						VA	Không có	33.75		0.00	45.33		8.25	5.50	9.00	5.50	0.00	0	0	0	0	0	0	28.25	X	111000028	7	
010166	NGUYỄN THỤY NGỌC HÂN	Nữ	25/06/2006	9.2	9.4	9.4	9.1	9.28	8.25	8.00	10.00			4.00				AN	Không có	34.25		0.00	51.78		8.25	8.00	10.00	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	30.25	X	207000008	7	
010167	THÁI GIA HÂN	Nữ	06/12/2006	8.4	8.8	8.6	8.3	8.53	7.25	6.00	7.00		3.25					TO	Không có	26.75		0.00	42.03		7.25	6.00	7.00	3.25	0.00	0	0	0	0	0	0	23.5	X	107000080	7	
010168	TRẦN NGỌC BẢO HÂN	Nữ	14/01/2006	9.5	9.6	9.5	9.4	9.50	7.75	8.00	9.00	4.75						VA	Không có	34.25		0.00	50.00		7.75	8.00	9.00	4.75	0.00	0	0	0	0	0	0	29.5	X	405000041	7	
010169	TRỊNH NGỌC HÂN	Nữ	19/11/2006	8.9	9.2	9.2	9	9.08	4.75	5.00	9.75			4.80				AN	Không có	29.1		0.00	38.33		4.75	5.00	9.75	4.80	0.00	0	0	0	0	0	0	24.29999924	X	909000017	8	
010170	HUỲNH CÔNG HẬU	Nam	13/06/2006	8.6	8.7	8.4	8.6	8.58	5.00	9.50	6.00					1.75		HO	Không có	24		0.00	43.58	Liệt CH	5.00	9.50	6.00	1.75	0.00	0	0	0	0	0	0	22.25		119000000	8	Liệt CH
010171	LƯU THỊ MINH HẬU	Nữ	10/02/2006	9.3	9.7	9.7	9.4	9.53	6.75	9.00	9.75		6.50	4.70				AN	TI	34.9	38.5	0.00	50.78		6.75	9.00	9.75	4.70	6.50	0	0	0	0	0	0	32	X	108000168	8	
010172	NGÔ CÔNG HẬU	Nam	09/01/2006	9	8.5	8.7	8.6	8.70	4.50	8.00	7.25				5.25			LI	Không có	30.25		0.00	40.95		4.50	8.00	7.25	5.25	0.00	0	0	0	0	0	0	25	X	506000007	8	
010173	VŨ THỊ THANH HIỀN	Nữ	10/10/2005	9.3	9.5	9.3	9.3	9.35	8.00	7.00	9.00	6.75						VA	Không có	37.5		0.00	48.35		8.00	7.00	9.00	6.75	0.00	0	0	0	0	0	0	30.75	X	111000015	8	
010174	NGÔ PHÚC HIỀN	Nam	02/09/2006	9.4	9.4	9.5	9.3	9.40	5.75	7.25	7.75		4.00					TI	Không có	28.75		0.00	43.15		5.75	7.25	7.75	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	24.75		606000127	8	
010175	NGUYỄN MINH HIỂN	Nam	21/07/2006	8.2	8	8.4	8.2	8.20	6.75	6.50	5.75				5.75			LI	Không có	30.5		0.00	40.45		6.75	6.50	5.75	5.75	0.00	0	0	0	0	0	0	24.75	X	404000039	8	
010176	NGUYỄN QUANG HIỂN	Nam	16/03/2006	9.4	9.5	9.5	9.4	9.45	8.00	7.75	8.00				6.00			LI	Không có	35.75		0.00	48.95		8.00	7.75	8.00	6.00	0.00	0	0	0	0	0	0	29.75	X	404000015	8	
010177	NGUYỄN CÔNG HIẾU	Nam	30/07/2006	8.1	8.5	8.2	8.5	8.33	6.00	5.50	2.75					0.50		HO	Không có	15.25		0.00	34.08	Liệt CH	6.00	5.50	2.75	0.50	0.00	0	0	0	0	0	0	14.75	X	108000085	8	Liệt CH
010178	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	05/01/2006	8.2	8.7	9	8.8	8.68	6.50	6.50	5.00				3.50			LI	Không có	25		0.00	39.68		6.50	6.50	5.00	3.50	0.00	0	0	0	0	0	0	21.5	X	404000021	8	
010179	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	25/10/2006	9.1	9.3	9.2	9.1	9.18	6.50	7.75	6.75	6.25						VA	Không có	33.5		0.00	44.43		6.50	7.75	6.75	6.25	0.00	0	0	0	0	0	0	27.25	X	108000012	8	
010180	PHẠM VĂN HIẾU	Nam	07/01/2006	8.6	8.7	8.5	8.3	8.53	5.75	5.25	5.00					0.50		HO	Không có	17		0.00	35.53	Liệt CH	5.75	5.25	5.00	0.50	0.00	0	0	0	0	0	0	16.5	X	814000004	8	Liệt CH
010181	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	13/03/2006	8.4	8.7	8.6	9.2	8.73	6.25	7.50	6.50		4.00					TI	Không có	28.25		0.00	42.73		6.25	7.50	6.50	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	24.25	X	108000317	8	
010182	ĐỖ THỊ QUỲNH HOA	Nữ	01/06/2006	9.2	9.1	9	8.8	9.03	7.25	6.25	9.25			3.70				AN	Không có	30.15		0.50	45.78		7.25	6.25	9.25	3.70	0.00	0	0	0	0	0	0	26.45000076	X	811000001	8	
010183	ĐỖ XUÂN HÒA	Nữ	02/01/2006	8.7	8.5	8.8	8.5	8.63	8.00	4.25	5.50		2.75					TI	Không có	23.25		0.00	38.63		8.00	4.25	5.50	2.75	0.00	0	0	0	0	0	0	20.5	X	907000001	8	
010184	NGUYỄN KHẮC HÒA	Nam	09/05/2006	8.9	9.4	9.3	9.1	9.18	6.25	6.50	5.25		3.25					TI	Không có	24.5		0.00	39.93		6.25	6.50	5.25	3.25	0.00	0	0	0	0	0	0	21.25	X	108000322	8	
010185	PHẠM THỊ KHÁNH HÒA	Nữ	18/06/2006	8.8	9.2	9	8.8	8.95	6.25	6.75	6.25		3.75			3.75		HO	TO	26.75	26.75	0.00	41.20		6.25	6.75	6.25	3.75	3.75	0	0	0	0	0	0	23	X	207000017	8	
010186	LÊ MINH HOÀNG	Nam	09/01/2006	9.3	9.3	9.3	8.9	9.20	8.00	8.00	9.50		4.25					TO	TI	34	34	0.00	50.70		8.00	8.00	9.50	4.25	4.25	0	0	0	0	0	0	29.75	X	907000000	8	
010187	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	18/02/2006	7.4	8.2	8	8	7.90	6.50	5.75	3.75				1.00			LI	Không có	18		0.00	36.15	Liệt CH	6.50	5.75	3.75	1.00	0.00	0	0	0	0	0	0	17	X	404000008	8	Liệt CH
010188	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	16/01/2006	8.6	8.9	9.2	8.7	8.85	8.00	7.75	8.00					4.50		HO	Không có	32.75		0.00	48.35		8.00	7.75	8.00	4.50	0.00	0	0	0	0	0	0	28.25	X	513000021	8	
010189	NGUYỄN HOÀNG	Nam	21/06/2006	8.8	9.3	8.8	9	8.98	3.50	9.00	7.50		6.00					TO	TI	32	32	0.00	41.48		3.50	9.00	7.50	6.00	6.00	0	0	0	0	0	0	26	X	108000057	8	
010190	PHẠM TRẦN KIM HOÀNG	Nữ	27/11/2006	8	8.5	7.8	8.1	8.10	6.00	3.25	5.75	3.75						VA	Không có	22.5		0.00	32.35		6.00	3.25	5.75	3.75	0.00	0	0	0	0	0	0	18.75	X	108000090	8	
010191	VÕ MINH HOÀNG	Nam	09/01/2006	7.6	8.4	8.3	7.8	8.03	5.25	6.00	4.25		1.25					TO	TI	18	18	0.00	34.78	Liệt CH	5.25	6.00	4.25	1.25	1.25	0	0	0	0	0	0	16.75	X	107000096	8	Liệt CH
010192	TRẦN BÍCH NGỌC HỒNG	Nữ	19/01/2006	9.2	9.4	9.4	8.8	9.20	8.25	5.75	6.50	5.50						VA	Không có	31.5		0.00	43.70		8.25	5.75	6.50	5.50	0.00	0	0	0	0	0	0	26	X	412000009	8	
010193	NGUYỄN PHI HÙNG	Nam	07/01/2006	8.8	8.7	8.8	8.5	8.70	7.75	4.75	7.00		Vắng			2.75		HO	TO	25		0.00	40.70	Liệt CH	7.75	4.75	7.00	2.75	0.00	0	0	0	0	0	1	22.25	X	115000117	9	
010194	NGUYỄN TẤN HÙNG	Nam	10/04/2006	9.2	8.8	9.2	9	9.05	7.00	8.00	7.75		3.25	1.50				AN	TO	25.75	29.25	0.00	46.80	Liệt CH	7.00	8.00	7.75	1.50	3.25	0	0	0	0	0	0	26	X	107000265	9	Liệt CH
010195	CHÂU GIA HUY	Nam	16/07/2006	8.8	9	9.3	9	9.03	7.75	5.50	5.25	6.50						VA	Không có	31.5		0.00	40.78		7.75	5.50	5.25	6.50	0.00	0	0	0	0	0	0	25	X	404000235	9	
010196	DƯƠNG QUỐC HUY	Nam	15/02/2006	9.3	9.4	9.4	9.3	9.35	8.25	6.25	6.00	6.00				1.75		HO	VA	24	32.5	0.00	44.35	Liệt CH	8.25	6.25	6.00	1.75	6.00	0	0	0	0	0	0	26.5	X	108000259	9	Liệt CH
010197	ĐINH GIA HUY	Nam	01/01/2006	9.1	9.2	9.3	9.1	9.18	7.50	8.00	9.00		4.00		5.00			LI	TI	34.5	32.5	0.00	49.18		7.50	8.00	9.00	5.00	4.00	0	0	0	0	0	0	29.5	X	107000274	9	
010198	HỒ QUANG HUY	Nam	13/07/2006	8.5	8.8	8.7	8.3	8.58	7.50	6.50	8.25	5.00		1.70				AN	VA	25.65	32.25	0.00	44.83	Liệt CH	7.50	6.50	8.25	1.70	5.00	0	0	0	0	0	0	27.25	X	404000251	9	Liệt CH
010199	HUỲNH GIA HUY	Nam	22/07/2006	9.4	9.6	9.6	9.6	9.55	7.25	7.50	9.25		3.25	3.10				AN	TI	30.2	30.5	0.00	48.30		7.25	7.50	9.25	3.10	3.25	0	0	0	0	0	0	27.25	X	108000240	9	
010200	LÂM CHÍ HUY	Nam	15/11/2006	9.1	8.7	8.8	8.7	8.83	6.75	7.00	6.75					4.25		HO	Không có	29		0.00	43.08		6.75	7.00	6.75	4.25	0.00	0	0	0	0	0	0	24.75	X	107000002	9	
010201	LÊ ĐỨC HUY	Nam	21/02/2006	9.5	9.2	9.2	9.1	9.25	7.50	10.00	8.75		7.00					TO	TI	40.25	40.25	0.00	53.00		7.50	10.00	8.75	7.00	7.00	0	0	0	0	0	0	33.25	X	111000008	9	
010202	LÊ NGUYỄN MINH HUY	Nam	05/06/2006	8.9	9	8.8	9.1	8.95	7.00	8.25	3.75		5.00					TO	TI	29	29	0.00	43.20		7.00	8.25	3.75	5.00	5.00	0	0	0	0	0	0	24	X	108000245	9	
010203	LÊ QUỐC HUY	Nam	01/08/2006	8.7	9	9.2	8.9	8.95	5.50	6.50	6.75					1.25		HO	Không có	21.25		0.00	39.70	Liệt CH	5.50	6.50	6.75	1.25	0.00	0	0	0	0	0	0	20	X	107000171	9	Liệt CH
010204	NGUYỄN ĐẶNG GIA HUY	Nam	05/03/2006	8	8.2	8.7	8.6	8.38	6.50	7.25	8.25		2.25			4.00		HO	TO	30	26.5	0.00	44.13		6.50	7.25	8.25	4.00	2.25	0	0	0	0	0	0	26	X	108000261	9	
010205	NGUYỄN HOÀNG HUY	Nam	05/09/2006	8.4	8.4	8.7	8.6	8.53	7.25	7.75	6.25					5.00		HO	Không có	31.25		0.00	44.78		7.25	7.75	6.25	5.00	0.00	0	0	0	0	0	0	26.25		115000039	9	
010206	NGUYỄN NHẬT HUY	Nam	11/04/2006	8.5	8.7	8.5	9	8.68	6.50	4.50	7.50				3.50			LI	Không có	25.5		0.00	38.18		6.50	4.50	7.50	3.50	0.00	0	0	0	0	0	0	22	X	404000011	9	
010207	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	26/03/2006	8.9	8.7	8.8	8.2	8.65	6.25	8.00	6.25		6.00					TO	TI	32.5	32.5	0.50	43.90		6.25	8.00	6.25	6.00	6.00	0	0	0	0	0	0	26.5	X	913000000	9	
010208	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	03/09/2006	9.1	8.6	8.6	8.4	8.68	6.75	5.75	7.75				4.00			LI	Không có	28.25		0.50	41.93		6.75	5.75	7.75	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	24.25	X	914000010	9	
010209	NGUYỄN TRẦN THANH HUY	Nam	11/07/2006	8.4	8.2	8	8.4	8.25	6.00	6.25	3.75						1.75	SI	Không có	19.5		0.00	36.50	Liệt CH	6.00	6.25	3.75	1.75	0.00	0	0	0	0	0	0	17.75	X	108000351	9	Liệt CH
010210	PHẠM NGỌC HUY	Nam	05/11/2006	8.8	9	8.8	8.7	8.83	5.00	6.00	7.25		3.25					TO	TI	24.75	24.75	0.00	38.08		5.00	6.00	7.25	3.25	3.25	0	0	0	0	0	0	21.5	X	207000016	9	
010211	PHAN NGỌC GIA HUY	Nam	13/02/2006	9.6	9.7	9.6	9.5	9.60	7.50	6.00	9.25	Vắng		4.80				AN	VA	32.35		0.00	45.85	Liệt CH	7.50	6.00	9.25	4.80	0.00	0	0	0	0	0	1	27.54999924	X	108000084	9	
010212	TRẦN CAO HUY	Nam	01/01/2006	8	8	8.5	8.3	8.20	7.00	7.75	5.50		2.50					TI	TO	25.25	25.25	0.00	43.20		7.00	7.75	5.50	2.50	2.50	0	0	0	0	0	0	22.75	X	107000049	9	
010213	TRẦN GIA HUY	Nam	02/01/2006	8.7	8.7	8.9	8.3	8.65	6.75	7.25	7.50		6.50					TO	TI	34.5	34.5	0.00	44.15		6.75	7.25	7.50	6.50	6.50	0	0	0	0	0	0	28	X	107000012	9	
010214	VÕ ĐẮC HUY	Nam	14/06/2006	8.6	9.1	9	8.8	8.88	6.75	7.00	8.75			2.00				AN	Không có	26.5		0.00	45.13	Liệt CH	6.75	7.00	8.75	2.00	0.00	0	0	0	0	0	0	24.5	X	108000140	9	Liệt CH
010215	ĐỖ HUYÊN	Nữ	07/12/2006	8.9	8.3	8.5	8	8.43	6.50	4.00	5.50	5.25		1.70				AN	VA	19.4	26.5	0.00	34.93	Liệt CH	6.50	4.00	5.50	1.70	5.25	0	0	0	0	0	0	21.25	X	907000002	9	Liệt CH
010216	NGUYỄN VŨ THÁI HUYỀN	Nữ	14/07/2006	8.8	9.1	8.9	8.5	8.83	6.50	6.50	6.75						5.25	SI	Không có	30.25		0.00	41.58		6.50	6.50	6.75	5.25	0.00	0	0	0	0	0	0	25	X	107000180	9	
010217	PHAN DIỄM HUỲNH	Nữ	15/01/2006	9.3	8.7	8.8	8.6	8.85	5.00	7.00	4.25				5.50			LI	Không có	27.25		0.00	37.10		5.00	7.00	4.25	5.50	0.00	0	0	0	0	0	0	21.75	X	506000017	10	
010218	BÙI PHƯỚC HƯNG	Nam	10/01/2006	8.8	9	9.2	9.5	9.13	7.50	8.00	8.25					5.75		HO	Không có	35.25		0.00	48.38		7.50	8.00	8.25	5.75	0.00	0	0	0	0	0	0	29.5	X	404000288	10	
010219	ĐỖ GIA HƯNG	Nam	20/09/2006	7.6	8.4	8.2	8.2	8.10	4.00	8.00	6.75		5.50					TO	Không có	29.75		0.00	38.85		4.00	8.00	6.75	5.50	0.00	0	0	0	0	0	0	24.25		210000009	10	
010220	ĐỖ QUANG HƯNG	Nam	23/02/2006	9.3	9.3	9.4	9.6	9.40	6.00	9.25	7.50		5.25			4.75		TO	HO	33.25	32.25	1.00	48.40		6.00	9.25	7.50	5.25	4.75	0	0	0	0	0	0	28	X	108000202	10	
010221	LÊ QUỐC HƯNG	Nam	01/08/2006	9.5	9.7	9.8	9.7	9.68	8.50	8.00	8.75	6.00				7.75		HO	VA	40.75	37.25	0.00	51.43		8.50	8.00	8.75	7.75	6.00	0	0	0	0	0	0	33	X	107000161	10	
010222	NGUYỄN GIA HƯNG	Nam	20/11/2006	9.3	9.6	9.6	9.6	9.53	7.25	7.75	9.50			4.50				AN	Không có	33.5		0.00	49.03		7.25	7.75	9.50	4.50	0.00	0	0	0	0	0	0	29	X	511000000	10	
010223	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH HƯNG	Nam	18/08/2006	8.8	8.9	8.7	8.7	8.78	7.25	7.50	8.00		4.00					TO	Không có	30.75		0.00	46.28		7.25	7.50	8.00	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	26.75		404000191	10	
010224	TRẦN QUANG HƯNG	Nam	30/09/2006	9.5	9.6	9.6	9.4	9.53	6.00	8.00	8.75		7.00					TO	Không có	36.75		0.00	46.28		6.00	8.00	8.75	7.00	0.00	0	0	0	0	0	0	29.75	X	606000000	10	
010225	HUỲNH THỊ THU HƯƠNG	Nữ	20/03/2006	8.4	8.5	8.8	8.2	8.48	5.50	4.00	4.50	4.25				0.25		HO	VA	14.5	22.5	0.00	31.98	Liệt CH	5.50	4.00	4.50	0.25	4.25	0	0	0	0	0	0	18.25	X	107000004	10	Liệt CH
010226	LÊ NGUYÊN HƯƠNG	Nữ	12/01/2006	9.6	9.6	9.6	9.5	9.58	8.00	9.00	9.50			5.80				AN	Không có	38.1		0.00	53.08		8.00	9.00	9.50	5.80	0.00	0	0	0	0	0	0	32.29999924	X	108000092	10	
010227	LÊ THỊ XUÂN HƯƠNG	Nữ	05/11/2006	9.3	8.9	9.2	9	9.10	6.75	7.25	8.25			2.50				AN	Không có	27.25		0.00	45.35		6.75	7.25	8.25	2.50	0.00	0	0	0	0	0	0	24.75	X	916000000	10	
010228	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	09/01/2006	8.3	8.9	9.1	8.6	8.73	7.50	3.50	7.00			2.10				AN	Không có	22.2		0.00	37.73		7.50	3.50	7.00	2.10	0.00	0	0	0	0	0	0	20.10000038	X	115000056	10	
010229	NGUYỄN TRINH HƯƠNG	Nữ	30/04/2006	8.8	9	8.9	8.7	8.85	5.00	3.25	9.25			5.00				AN	Không có	27.5		0.00	34.60		5.00	3.25	9.25	5.00	0.00	0	0	0	0	0	0	22.5	X	207000024	10	
010230	NGUYỄN VÕ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	23/07/2006	8.4	8.8	8.5	8.5	8.55	8.00	5.75	3.25	5.50						VA	Không có	28		0.00	39.30		8.00	5.75	3.25	5.50	0.00	0	0	0	0	0	0	22.5	X	204000022	10	
010231	TRỊNH MAI HƯƠNG	Nữ	06/10/2006	9.1	9	8.8	8.5	8.85	4.75	4.75	6.25			1.70				AN	Không có	19.15		0.00	34.10	Liệt CH	4.75	4.75	6.25	1.70	0.00	0	0	0	0	0	0	17.45000076	X	108000212	10	Liệt CH
010232	TRƯƠNG THÙY HƯƠNG	Nữ	09/01/2006	9.4	9.5	9.4	9.4	9.43	7.50	4.50	8.25	6.75		3.30				VA	AN	33.75	26.85	0.00	41.68		7.50	4.50	8.25	6.75	3.30	0	0	0	0	0	0	27	X	108000030	10	
010233	NGUYỄN LƯU HOÀNG KHA	Nam	07/03/2006	8.3	8.1	8.5	8.5	8.35	6.50	5.75	7.75			2.30				AN	Không có	24.6		0.00	40.60		6.50	5.75	7.75	2.30	0.00	0	0	0	0	0	0	22.29999924	X	108000220	10	
010234	NGUYỄN MẠNH KHA	Nam	18/03/2006	8.4	8.6	8.3	8	8.33	4.25	5.50	5.50						4.00	SI	Không có	23.25		0.00	33.33		4.25	5.50	5.50	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	19.25	X	207000020	10	
010235	NGUYỄN ĐĂNG KHẢI	Nam	08/03/2006	8.7	9.1	8.9	8.9	8.90	6.25	8.25	9.00		2.00				5.50	SI	TI	34.5	27.5	0.00	46.90	Liệt CH	6.25	8.25	9.00	5.50	2.00	0	0	0	0	0	0	29	X	108000028	10	Liệt CH
010236	DƯƠNG NHẬT KHANG	Nam	17/05/2006	8.4	8.4	8.7	8.7	8.55	5.50	6.50	6.50		1.25			6.25		HO	TO	31	21	0.00	39.05	Liệt CH	5.50	6.50	6.50	6.25	1.25	0	0	0	0	0	0	24.75	X	107000009	10	Liệt CH
010237	HUỲNH TRẦN MINH KHANG	Nam	05/09/2006	9.4	9.1	9.3	9	9.20	6.00	8.00	7.50				6.75			LI	Không có	35		0.00	44.70		6.00	8.00	7.50	6.75	0.00	0	0	0	0	0	0	28.25	X	115000094	10	
010238	LÊ DUY KHANG	Nam	20/06/2006	8.9	9.2	9.1	9.2	9.10	7.50	8.00	7.00	Vắng				5.25		HO	VA	33		0.00	47.10	Liệt CH	7.50	8.00	7.00	5.25	0.00	0	0	0	0	0	1	27.75	X	107000079	10	
010239	LÊ NGUYỄN VỸ KHANG	Nam	01/03/2006	8.8	8.2	8.5	8.1	8.40	7.00	3.75	3.00						2.75	SI	Không có	19.25		0.00	32.90		7.00	3.75	3.00	2.75	0.00	0	0	0	0	0	0	16.5	X	108000008	10	
010240	LÊ TRẦN GIA KHANG	Nam	23/01/2006	8.5	8.1	8.3	7.8	8.18	7.00	7.50	7.00		3.00	1.20				TO	AN	27.5	23.9	0.00	44.18	Liệt CH	7.00	7.50	7.00	3.00	1.20	0	0	0	0	0	0	24.5	X	108000017	10	Liệt CH
010241	NGUYỄN HUỲNH MINH KHANG	Nam	29/11/2006	8.6	8.2	8.5	8.6	8.48	6.00	8.00	3.00		1.75					TO	TI	20.5	20.5	0.00	39.48	Liệt CH	6.00	8.00	3.00	1.75	1.75	0	0	0	0	0	0	18.75	X	115000029	11	Liệt CH
010242	NGUYỄN MINH KHANG	Nam	10/08/2006	7.5	7.8	6.8	7.1	7.30	5.75	4.75	7.50			2.30				AN	Không có	22.6		0.00	35.80		5.75	4.75	7.50	2.30	0.00	0	0	0	0	0	0	20.29999924	X	156000004	11	
010243	NGUYỄN PHÚC KHANG	Nam	05/06/2006	9.1	9	9.1	8.8	9.00	7.50	6.25	6.00				3.50			LI	Không có	26.75		0.00	42.50		7.50	6.25	6.00	3.50	0.00	0	0	0	0	0	0	23.25	X	107000013	11	
010244	NGUYỄN PHƯỚC KHANG	Nam	11/11/2006	9.1	9.2	9.1	8.6	9.00	6.50	7.00	8.50						7.00	SI	Không có	36		0.00	44.50		6.50	7.00	8.50	7.00	0.00	0	0	0	0	0	0	29	X	405000013	11	
010245	NGUYỄN QUÁCH NGUYÊN KHANG	Nam	22/10/2006	8.6	8.6	8.9	8.4	8.63	3.75	6.00	6.75			0.70				AN	Không có	17.9		0.00	34.88	Liệt CH	3.75	6.00	6.75	0.70	0.00	0	0	0	0	0	0	17.20000076	X	108000364	11	Liệt CH
010246	TRẦN DƯƠNG KHANG	Nam	24/05/2006	8.9	8.9	9.1	8.7	8.90	6.50	5.50	6.75		0.25		2.50			LI	TO	23.75	19.25	0.00	39.65	Liệt CH	6.50	5.50	6.75	2.50	0.25	0	0	0	0	0	0	21.25	X	404000073	11	Liệt CH
010247	TRỊNH GIA KHANG	Nam	17/11/2006	8	8	8.2	8.1	8.08	4.25	7.50	6.00		3.00					TO	TI	23.75	23.75	0.00	37.58		4.25	7.50	6.00	3.00	3.00	0	0	0	0	0	0	20.75	X	404000232	11	
010248	TRÌNH MINH KHANG	Nam	29/05/2006	8.4	8.2	8.3	8.2	8.28	5.00	4.50	7.50			1.20				AN	Không có	19.4		0.00	34.78	Liệt CH	5.00	4.50	7.50	1.20	0.00	0	0	0	0	0	0	18.20000076	X	107000112	11	Liệt CH
010249	VÕ TRẦN DUY KHANG	Nam	23/08/2006	8.6	8.6	8.9	8.5	8.65	4.50	6.50	5.00	4.50						VA	Không có	25		0.00	35.65		4.50	6.50	5.00	4.50	0.00	0	0	0	0	0	0	20.5	X	108000143	11	
010250	LƯƠNG ĐÌNH KHÁNH	Nam	19/04/2006	9.3	9.6	9.6	9.5	9.50	7.50	6.50	9.75			6.20				AN	Không có	36.15		0.50	47.75		7.50	6.50	9.75	6.20	0.00	0	0	0	0	0	0	29.95000076	X	108000342	11	
010251	NGUYỄN GIA KHÁNH	Nam	04/02/2006	9.6	9.8	9.7	9.5	9.65	8.25	9.25	9.75		8.00			7.25		TO	HO	43.25	41.75	0.00	54.40		8.25	9.25	9.75	8.00	7.25	0	0	0	0	0	0	35.25	X	404000252	11	
010252	NGUYỄN VŨ HƯƠNG KHÁNH	Nữ	22/10/2006	9.4	9.6	9.4	8.9	9.33	6.75	5.75	8.75			2.00				AN	Không có	25.25		0.00	43.08	Liệt CH	6.75	5.75	8.75	2.00	0.00	0	0	0	0	0	0	23.25	X	404000259	11	Liệt CH
010253	TRẦN CÔNG KHÁNH	Nam	10/02/2006	8.9	8.9	8.9	8.8	8.88	4.00	8.00	5.25				8.00			LI	Không có	33.25		0.00	38.13		4.00	8.00	5.25	8.00	0.00	0	0	0	0	0	0	25.25	X	506000005	11	
010254	VÕ QUỐC KHÁNH	Nam	31/01/2006	8.7	8.7	9.1	8.6	8.78	5.75	7.75	6.00		4.25					TO	TI	28	28	0.00	41.78		5.75	7.75	6.00	4.25	4.25	0	0	0	0	0	0	23.75		108000065	11	
010255	NGUYỄN DUY KHIÊM	Nam	06/02/2006	9.4	9	9.2	9	9.15	6.25	5.25	7.25	5.75		0.70				VA	AN	30.25	20.15	0.00	39.40	Liệt CH	6.25	5.25	7.25	5.75	0.70	0	0	0	0	0	0	24.5	X	506000019	11	Liệt CH
010256	NGUYỄN VĨNH KHIÊM	Nam	28/03/2006	8.8	8.6	8.9	8.5	8.70	3.75	7.25	7.50			2.50				AN	Không có	23.5		1.00	39.20		3.75	7.25	7.50	2.50	0.00	0	0	0	0	0	0	21	X	108000138	11	
010257	BÙI KHÁNH DUY KHOA	Nam	25/01/2006	8.7	8.6	8.8	8.5	8.65	4.25	6.25	5.50						4.25	SI	Không có	24.5		0.00	35.15		4.25	6.25	5.50	4.25	0.00	0	0	0	0	0	0	20.25	X	108000024	11	
010258	NGUYỄN MINH KHOA	Nam	23/05/2006	9.6	9.6	9.8	9.7	9.68	8.25	7.50	9.50		6.25					TO	TI	37.75	37.75	0.00	50.68		8.25	7.50	9.50	6.25	6.25	0	0	0	0	0	0	31.5	X	404000198	11	
010259	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	09/09/2006	8.2	9.1	8.6	8.8	8.68	5.75	7.75	8.75		2.50	3.00				AN	TO	28.25	27.25	0.00	44.43		5.75	7.75	8.75	3.00	2.50	0	0	0	0	0	0	25.25	X	404000237	11	
010260	PHẠM ANH KHOA	Nam	24/08/2006	8.7	8.5	9	8.3	8.63	5.50	6.25	9.50	4.75		2.30				AN	VA	25.85	30.75	0.00	41.63		5.50	6.25	9.50	2.30	4.75	0	0	0	0	0	0	26	X	108000031	11	
010261	PHẠM ĐĂNG KHOA	Nam	24/08/2006	8.9	8.5	8.6	8	8.50	4.75	7.50	6.00		5.00					TO	Không có	28.25		0.00	39.00		4.75	7.50	6.00	5.00	0.00	0	0	0	0	0	0	23.25		413000076	11	
010262	PHẠM MINH KHOA	Nam	24/10/2006	8.5	8.6	8.8	8.8	8.68	6.50	6.00	9.75			5.30				AN	Không có	32.85		0.00	43.43		6.50	6.00	9.75	5.30	0.00	0	0	0	0	0	0	27.54999924	X	404000036	11	
010263	TRẦN ANH KHOA	Nam	24/08/2006	9.4	9.7	9.4	9.1	9.40	7.50	7.75	9.50			5.00				AN	Không có	34.75		0.00	49.40		7.50	7.75	9.50	5.00	0.00	0	0	0	0	0	0	29.75	X	108000059	11	
010264	TRẦN TUẤN KHOA	Nam	03/08/2006	8.8	8.8	9	8.9	8.88	5.50	7.25	4.75		6.00					TO	TI	29.5	29.5	0.00	39.13		5.50	7.25	4.75	6.00	6.00	0	0	0	0	0	0	23.5	X	107000052	11	
010265	LÊ BÁ KHÔI	Nam	16/09/2006	8.6	8.4	8.3	8.3	8.40	6.25	6.25	4.50		6.00					TO	TI	29	29	0.00	37.90		6.25	6.25	4.50	6.00	6.00	0	0	0	0	0	0	23	X	404000034	12	
010266	NGUYỄN HƯNG KHÔI	Nam	21/12/2006	8.8	8.2	8.4	8.3	8.43	7.00	7.00	3.00				4.25			LI	Không có	25.5		0.00	39.43		7.00	7.00	3.00	4.25	0.00	0	0	0	0	0	0	21.25	X	108000015	12	
010267	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG KHÔI	Nam	17/01/2006	8.7	8.5	8.4	8.4	8.50	8.00	6.75	6.25		2.75					TO	Không có	26.5		0.00	44.25		8.00	6.75	6.25	2.75	0.00	0	0	0	0	0	0	23.75	X	107000271	12	
010268	PHẠM MINH KHÔI	Nam	30/08/2006	9.1	8.9	8.8	8.5	8.83	7.75	6.75	9.25			3.60				AN	Không có	30.95		0.50	47.58		7.75	6.75	9.25	3.60	0.00	0	0	0	0	0	0	27.35000038	X	218000001	12	
010269	ĐẶNG THỊ NGỌC KHUÊ	Nữ	01/10/2006	9.1	9.4	9.5	9.3	9.33	7.25	7.50	7.00					4.75		HO	Không có	31.25		0.00	45.83		7.25	7.50	7.00	4.75	0.00	0	0	0	0	0	0	26.5		309000005	12	
010270	DƯƠNG GIA KHƯƠNG	Nam	24/11/2006	9.6	9.6	9.7	9.4	9.58	8.25	8.00	7.50		5.75					TO	TI	35.25	35.25	0.00	49.58		8.25	8.00	7.50	5.75	5.75	0	0	0	0	0	0	29.5	X	404000012	12	
010271	ĐÀO LÊ AN KHƯƠNG	Nam	24/09/2006	9	9.1	9.1	8.5	8.93	6.75	7.25	8.25						5.00	SI	Không có	32.25		0.00	45.18		6.75	7.25	8.25	5.00	0.00	0	0	0	0	0	0	27.25	X	108000136	12	
010272	NGÔ GIA KHƯƠNG	Nam	11/05/2006	8.6	9.1	9.3	8.8	8.95	7.50	6.75	8.25					4.75		HO	Không có	32		0.00	45.70		7.50	6.75	8.25	4.75	0.00	0	0	0	0	0	0	27.25	X	404000190	12	
010273	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG KHƯƠNG	Nam	13/11/2006	7.7	7.8	8.6	8.7	8.20	8.25	7.25	7.25					3.75		HO	Không có	30.25		0.00	46.45		8.25	7.25	7.25	3.75	0.00	0	0	0	0	0	0	26.5	X	404000031	12	
010274	NGUYỄN QUỐC KHƯƠNG	Nam	01/06/2006	8.8	8.8	8.4	8.4	8.60	6.25	8.00	5.75				1.75			LI	Không có	23.5		0.00	42.85	Liệt CH	6.25	8.00	5.75	1.75	0.00	0	0	0	0	0	0	21.75	X	116000005	12	Liệt CH
010275	TRƯƠNG TRUNG KIÊN	Nam	12/05/2006	8.9	8.8	8.8	8.4	8.73	5.50	3.75	7.50			3.10				AN	Không có	22.95		0.00	34.73		5.50	3.75	7.50	3.10	0.00	0	0	0	0	0	0	19.85000038	X	309000004	12	
010276	VÕ ĐỨC KIÊN	Nam	08/06/2006	8.9	9.1	9.4	9	9.10	7.75	8.00	5.75		6.00					TI	Không có	33.5		0.00	46.35		7.75	8.00	5.75	6.00	0.00	0	0	0	0	0	0	27.5	X	108000102	12	
010277	NGUYỄN ANH KIỆT	Nam	22/10/2006	7.7	8.3	8.5	8.4	8.23	6.50	4.25	5.75			1.30				AN	Không có	19.1		0.00	35.48	Liệt CH	6.50	4.25	5.75	1.30	0.00	0	0	0	0	0	0	17.79999924	X	404000197	12	Liệt CH
010278	NGUYỄN HÀ QUỐC KIỆT	Nam	12/01/2006	8.9	9	8.9	8.7	8.88	8.50	6.25	7.25	5.75						VA	Không có	33.5		0.00	45.63		8.50	6.25	7.25	5.75	0.00	0	0	0	0	0	0	27.75	X	909000000	12	
010279	NGUYỄN TRẦN KIỆT	Nam	16/03/2006	9.4	9.1	9.3	8.7	9.13	8.75	6.50	9.50	5.25		3.90				AN	VA	32.55	35.25	0.00	49.13		8.75	6.50	9.50	3.90	5.25	0	0	0	0	0	0	30	X	814000013	12	
010280	NGUYỄN TUẤN KIỆT	Nam	01/03/2006	8.8	8.8	8.9	8.4	8.73	7.00	7.75	5.75				6.00			LI	Không có	32.5		0.00	43.98		7.00	7.75	5.75	6.00	0.00	0	0	0	0	0	0	26.5	X	108000063	12	
010281	THƯỢNG TUẤN KIỆT	Nam	10/05/2006	8.1	7.8	8.5	8.4	8.20	7.00	8.00	6.50		4.00					TI	Không có	29.5		0.00	44.70		7.00	8.00	6.50	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	25.5	X	113000125	12	
010282	HÀ THIÊN KIM	Nữ	16/08/2006	7.8	8.1	7.1	7.4	7.60	4.25	7.75	5.00		2.00	0.80				TI	AN	21	18.6	0.00	36.60	Liệt CH	4.25	7.75	5.00	2.00	0.80	0	0	0	0	0	0	19	X	156000011	12	Liệt CH
010283	HOÀNG KIM	Nam	24/12/2006	9	9.3	9.4	9.3	9.25	7.75	7.00	6.75					4.75		HO	Không có	31		0.00	45.50		7.75	7.00	6.75	4.75	0.00	0	0	0	0	0	0	26.25	X	404000001	12	
010284	HUỲNH HỒ HOÀNG KIM	Nữ	17/02/2006	9.7	9.5	9.7	9.4	9.58	7.75	8.00	9.50			2.30				AN	Không có	29.85		0.00	50.58		7.75	8.00	9.50	2.30	0.00	0	0	0	0	0	0	27.54999924		410000000	12	
010285	TRẦN THIÊN KIM	Nữ	04/08/2006	9.2	9.3	9.5	9.1	9.28	7.75	7.75	6.50	5.00					7.00	SI	VA	36	32	0.00	46.78		7.75	7.75	6.50	7.00	5.00	0	0	0	0	0	0	29	X	108000171	12	
010286	VŨ NGỌC THIÊN KIM	Nữ	15/07/2006	9.1	9.3	9.5	9.2	9.28	8.50	7.50	9.50	5.75		3.90				AN	VA	33.3	37	0.00	50.78		8.50	7.50	9.50	3.90	5.75	0	0	0	0	0	0	31.25	X	513000003	12	
010287	BÀNH KHẢ KỲ	Nữ	07/02/2006	8.8	9.2	9	8.9	8.98	6.75	7.00	8.75			3.80				AN	Không có	30.1		0.00	45.23		6.75	7.00	8.75	3.80	0.00	0	0	0	0	0	0	26.29999924	X	405000107	12	
010288	NGUYỄN ANH KỲ	Nam	08/08/2006	9.2	8.8	8.8	8.5	8.83	6.75	5.50	6.50	4.00						VA	Không có	26.75		0.00	39.83		6.75	5.50	6.50	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	22.75	X	108000074	12	
010289	TỐNG CHÂU KỲ	Nam	16/04/2006	8.1	8.4	8.7	8.5	8.43	5.75	7.50	6.75		4.75			Vắng		TO	HO	29.5		0.00	41.68	Liệt CH	5.75	7.50	6.75	4.75	0.00	0	0	0	0	0	1	24.75	X	405000188	13	
010290	PHAN NGỌC LAI	Nam	02/04/2006	8.6	8.3	8.8	8.2	8.48	7.00	6.50	5.00				1.75			LI	Không có	22		0.00	40.48	Liệt CH	7.00	6.50	5.00	1.75	0.00	0	0	0	0	0	0	20.25	X	107000051	13	Liệt CH
010291	ĐẶNG NGỌC THÙY LÂM	Nữ	30/06/2006	9.3	9.6	9.6	8.9	9.35	8.00	8.00	7.50	6.25						VA	Không có	36		0.00	48.85		8.00	8.00	7.50	6.25	0.00	0	0	0	0	0	0	29.75		405000005	13	
010292	NGUYỄN TƯỜNG LÂM	Nam	14/12/2006	8.9	8.9	9.3	9.2	9.08	7.75	7.00	8.25					6.75		HO	Không có	36.5		0.00	46.83		7.75	7.00	8.25	6.75	0.00	0	0	0	0	0	0	29.75	X	107000022	13	
010293	HUỲNH THANH LÂN	Nam	06/04/2006	9	8.7	9.1	8.5	8.83	5.25	8.00	6.00					3.50		HO	Không có	26.25		0.00	41.33		5.25	8.00	6.00	3.50	0.00	0	0	0	0	0	0	22.75		405000010	13	
010294	TRẦN ĐÌNH NGỌC LÂN	Nam	21/12/2006	9.3	9.1	9.2	8.9	9.13	7.00	9.00	7.75		5.25					TO	TI	34.25	34.25	0.00	48.88		7.00	9.00	7.75	5.25	5.25	0	0	0	0	0	0	29	X	217000001	13	
010295	HUỲNH PHƯƠNG LẬP	Nam	02/08/2006	8.7	8.2	8.4	8.3	8.40	8.00	8.00	9.00			3.10				AN	Không có	31.2		0.00	49.40		8.00	8.00	9.00	3.10	0.00	0	0	0	0	0	0	28.10000038	X	115000045	13	
010296	NGUYỄN THANH LIÊM	Nam	16/01/2006	9	9.1	9.2	8.7	9.00	7.75	6.75	5.25				3.00			LI	Không có	25.75		0.00	43.25		7.75	6.75	5.25	3.00	0.00	0	0	0	0	0	0	22.75	X	108000011	13	
010297	TRẦN PHAN HUY LIÊM	Nam	20/09/2006	9	9.1	9	8.7	8.95	7.75	6.25	6.00				2.25			LI	Không có	24.5		0.00	42.95		7.75	6.25	6.00	2.25	0.00	0	0	0	0	0	0	22.25	X	108000121	13	

010298	VÕ QUANG LIÊM	Nam	23/09/2006	8.9	8.8	8.7	8.3	8.68	8.00	7.50	7.25	3.25			3.75			VA	LI	29.25	30.25	0.00	46.93		8.00	7.50	7.25	3.25	3.75	0	0	0	0	0	26.5	X	107000267	13	
010299	CAO HOÀNG NGỌC LINH	Nữ	10/11/2006	9.4	9.4	9.5	9.2	9.38	7.50	8.00	9.50			6.90				AN	Không có	38.8		0.00	49.88		7.50	8.00	9.50	6.90	0.00	0	0	0	0	0	31.89999962	X	909000012	13	
010300	DƯƠNG KHÁNH LINH	Nữ	25/01/2006	9.3	8.8	9.1	8.5	8.93	8.00	6.00	9.25			4.00				AN	Không có	31.25		0.00	46.18		8.00	6.00	9.25	4.00	0.00	0	0	0	0	0	27.25	X	404000082	13	
010301	HỒ NGUYỄN NHẬT LINH	Nam	30/08/2006	8.7	9.1	8.9	8.5	8.80	6.50	7.50	7.25		3.25					TO	TI	27.75	27.75	0.00	44.05		6.50	7.50	7.25	3.25	3.25	0	0	0	0	0	24.5	X	107000167	13	
010302	LÊ NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	11/09/2006	8.8	9.1	9.2	8.9	9.00	7.00	7.25	7.25						6.50	SI	Không có	34.5		0.00	44.75		7.00	7.25	7.25	6.50	0.00	0	0	0	0	0	28	X	107000277	13	
010303	LÊ THỊ VIỆT LINH	Nữ	29/08/2006	8.7	8.6	8.9	8.8	8.75	8.25	5.75	6.25	5.25						VA	Không có	30.75		0.00	43.00		8.25	5.75	6.25	5.25	0.00	0	0	0	0	0	25.5	X	404000222	13	
010304	MAI THỊ DIỆU LINH	Nữ	28/10/2006	9.1	9.3	9.3	9.5	9.30	8.50	7.25	9.50	6.00		2.20				AN	VA	29.65	37.25	0.00	50.30		8.50	7.25	9.50	2.20	6.00	0	0	0	0	0	31.25	X	912000005	13	
010305	NGUYỄN HOÀNG TRÚC LINH	Nữ	24/03/2006	8.8	9.2	9.2	8.7	8.98	7.25	8.00	7.25		4.25					TI	TO	31	31	0.00	46.73		7.25	8.00	7.25	4.25	4.25	0	0	0	0	0	26.75	X	107000179	13	
010306	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	24/06/2006	9	9.1	9	8.5	8.90	8.50	7.25	8.25	6.25		3.50				VA	AN	36.5	31	0.00	48.65		8.50	7.25	8.25	6.25	3.50	0	0	0	0	0	30.25	X	107000000	13	
010307	NGUYỄN NGÔ NHẬT LINH	Nữ	01/08/2006	9.4	9.4	9.5	9.4	9.43	7.50	7.50	7.25					5.50		HO	Không có	33.25		0.00	46.68		7.50	7.50	7.25	5.50	0.00	0	0	0	0	0	27.75	X	107000269	13	
010308	NGUYỄN NHẬT LINH	Nữ	23/07/2006	8.5	8.2	8.6	8.1	8.35	7.00	7.00	3.75		1.00					TO	TI	19.75	19.75	0.00	40.10	Liệt CH	7.00	7.00	3.75	1.00	1.00	0	0	0	0	0	18.75	X	906000009	13	Liệt CH
010309	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	01/09/2006	8.8	9.1	9.2	9.2	9.08	6.75	6.25	8.25					5.50		HO	Không có	32.25		0.00	43.33		6.75	6.25	8.25	5.50	0.00	0	0	0	0	0	26.75	X	909000013	13	
010310	PHẠM THÙY LINH	Nữ	26/06/2006	9.7	9.7	9.6	9.6	9.65	7.00	7.75	8.25		3.00			6.25		HO	TI	35.5	29	0.00	47.40		7.00	7.75	8.25	6.25	3.00	0	0	0	0	0	29.25	X	108000377	13	
010311	PHAN NGUYỄN HOÀNG LINH	Nữ	29/11/2006	9.1	9.4	9.3	9.4	9.30	8.00	9.00	8.00		6.25					TI	Không có	37.5		0.00	51.30		8.00	9.00	8.00	6.25	0.00	0	0	0	0	0	31.25	X	405000012	13	
010312	TRÂM MỸ LINH	Nữ	26/09/2006	9.6	9.8	9.7	9.7	9.70	8.25	8.50	8.25		4.00	2.90				TO	AN	33	30.8	0.50	51.95		8.25	8.50	8.25	4.00	2.90	0	0	0	0	0	29	X	108000067	13	
010313	TRẦN LÊ THÙY LINH	Nữ	21/08/2006	9.4	9.4	9.5	9.4	9.43	7.50	8.00	7.00					5.75		HO	Không có	34		0.00	47.43		7.50	8.00	7.00	5.75	0.00	0	0	0	0	0	28.25	X	108000099	14	
010314	TRƯƠNG NHẬT LINH	Nữ	19/12/2006	9.1	9.4	9.3	9.2	9.25	8.00	8.00	7.75	5.25				0.75		VA	HO	34.25	25.25	0.00	49.00	Liệt CH	8.00	8.00	7.75	5.25	0.75	0	0	0	0	0	29	X	108000003	14	Liệt CH
010315	VI THÙY LINH	Nữ	27/11/2006	9.3	9.2	8.9	9	9.10	7.00	6.00	5.50	5.75						VA	Không có	30		0.00	40.60		7.00	6.00	5.50	5.75	0.00	0	0	0	0	0	24.25	X	108000234	14	
010316	LÊ THỊ CẨM LOAN	Nữ	17/04/2006	8.1	8.3	8.3	8.1	8.20	7.00	4.50	7.50			1.50				AN	Không có	22		0.00	38.70	Liệt CH	7.00	4.50	7.50	1.50	0.00	0	0	0	0	0	20.5	X	511000005	14	Liệt CH
010317	HỒ ĐÌNH LONG	Nam	19/04/2006	9.4	9.3	9.3	9	9.25	6.75	8.75	8.50		7.00					TO	TI	38	38	0.00	48.75		6.75	8.75	8.50	7.00	7.00	0	0	0	0	0	31	X	405000127	14	
010318	LƯU NGỌC LONG	Nam	30/03/2006	6.9	6.5	7.1	7.8	7.08	4.75	4.25	7.50			1.60				AN	Không có	19.7		0.00	32.58	Liệt CH	4.75	4.25	7.50	1.60	0.00	0	0	0	0	0	18.10000038	X	108000340	14	Liệt CH
010319	NGUYỄN QUỐC LONG	Nam	08/05/2006	8.1	8.3	8.4	8.8	8.40	8.50	6.25	8.25	5.75				1.25		VA	HO	34.5	25.5	0.00	46.15	Liệt CH	8.50	6.25	8.25	5.75	1.25	0	0	0	0	0	28.75	X	404000289	14	Liệt CH
010320	TRỊNH HOÀNG LONG	Nam	05/02/2006	8.1	8.7	8.6	8.3	8.43	6.25	5.25	9.50			3.60				AN	Không có	28.2		0.00	40.93		6.25	5.25	9.50	3.60	0.00	0	0	0	0	0	24.60000038	X	204000006	14	
010321	BÙI TẤN LỘC	Nam	25/02/2006	9.3	9.5	9.4	9.2	9.35	7.75	8.00	9.25		6.00					TO	Không có	37		0.00	50.10		7.75	8.00	9.25	6.00	0.00	0	0	0	0	0	31	X	107000042	14	
010322	ĐẶNG PHÚC GIA LỘC	Nam	10/04/2006	8.5	8.8	8.5	7.9	8.43	5.50	6.50	6.75		4.25					TO	TI	27.25	27.25	0.00	39.18		5.50	6.50	6.75	4.25	4.25	0	0	0	0	0	23	X	208000013	14	
010323	HỒ ĐÀO PHƯỚC LỘC	Nam	04/11/2006	8.5	8.7	9	8.5	8.68	6.75	6.25	3.75		1.75					TO	TI	20.25	20.25	0.00	38.43	Liệt CH	6.75	6.25	3.75	1.75	1.75	0	0	0	0	0	18.5	X	404000014	14	Liệt CH
010324	LÊ NGUYỄN ĐẮC LỘC	Nam	19/12/2006	8.6	8.2	7.4	8	8.05	7.00	5.50	7.25			1.70				AN	Không có	23.15		0.00	40.30	Liệt CH	7.00	5.50	7.25	1.70	0.00	0	0	0	0	0	21.45000076	X	111000012	14	Liệt CH
010325	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	Nam	22/06/2006	8.3	8.6	8.6	8.3	8.45	6.25	7.75	9.00			4.10				AN	Không có	31.2		0.00	45.45		6.25	7.75	9.00	4.10	0.00	0	0	0	0	0	27.10000038	X	404000185	14	
010326	NGUYỄN TẤN LỘC	Nam	18/10/2006	9.2	9.4	9.2	9	9.20	7.50	8.00	9.75		3.25	3.40				AN	TO	32.05	31.75	0.00	49.95		7.50	8.00	9.75	3.40	3.25	0	0	0	0	0	28.64999962	X	107000003	14	
010327	NGUYỄN TẤN LỘC	Nam	27/01/2006	9.2	9.5	9.4	9.5	9.40	7.00	7.50	8.00	6.25				2.25		HO	VA	27	35	0.00	46.40		7.00	7.50	8.00	2.25	6.25	0	0	0	0	0	28.75	X	118000000	14	
010328	VÕ HOÀNG LỰC	Nam	03/01/2006	9.1	9.2	8.9	8.8	9.00	7.50	7.00	8.00				3.50			LI	Không có	29.5		0.00	46.00		7.50	7.00	8.00	3.50	0.00	0	0	0	0	0	26	X	108000151	14	
010329	LÊ TRƯƠNG TRÚC LY	Nữ	24/01/2006	9.2	9.2	9.1	9.2	9.18	7.25	4.50	5.50	5.50					3.50	SI	VA	24.25	28.25	0.00	38.18		7.25	4.50	5.50	3.50	5.50	0	0	0	0	0	22.75		309000002	14	
010330	LIM THANH LY	Nữ	02/06/2006	9	9.4	9.3	9.2	9.23	7.75	7.75	8.00						5.75	SI	Không có	35		0.00	48.23		7.75	7.75	8.00	5.75	0.00	0	0	0	0	0	29.25	X	107000275	14	
010331	TRẦN THỊ THIÊN LÝ	Nữ	18/05/2006	8.9	8.9	8.8	8.9	8.88	7.50	7.50	8.25	6.25						VA	Không có	35.75		0.00	47.13		7.50	7.50	8.25	6.25	0.00	0	0	0	0	0	29.5	X	508000003	14	
010332	HUỲNH NGỌC XUÂN MAI	Nữ	17/08/2006	8.4	9	8.9	8.8	8.78	5.00	4.25	3.75						4.00	SI	Không có	21		0.00	31.03		5.00	4.25	3.75	4.00	0.00	0	0	0	0	0	17	X	108000369	14	
010333	NGUYỄN THỊ TRÚC MAI	Nữ	10/01/2006	9.1	8.9	9.1	8.6	8.93	7.00	5.50	9.50			3.00				AN	Không có	28		0.00	43.43		7.00	5.50	9.50	3.00	0.00	0	0	0	0	0	25	X	405000149	14	
010334	PHÙNG NGỌC XUÂN MAI	Nữ	03/06/2006	8.8	9.1	9.1	9.1	9.03	7.50	8.00	7.50						4.50	SI	Không có	32		0.00	47.53		7.50	8.00	7.50	4.50	0.00	0	0	0	0	0	27.5	X	108000145	14	
010335	TRẦN NGỌC XUÂN MAI	Nữ	26/05/2006	9.2	9.4	9.4	9.5	9.38	7.75	7.00	7.75					4.50		HO	Không có	31.5		0.00	46.63		7.75	7.00	7.75	4.50	0.00	0	0	0	0	0	27	X	107000210	14	
010336	TRẦN PHẠM XUÂN MAI	Nữ	23/01/2006	8.6	8.6	8.6	8.3	8.53	7.50	9.00	5.50		3.00					TO	TI	28	28	0.00	47.03		7.50	9.00	5.50	3.00	3.00	0	0	0	0	0	25	X	908000000	14	
010337	VÕ XUÂN MAI	Nữ	07/01/2006	9.2	9.1	9.2	9.4	9.23	7.75	8.00	7.75				3.75			LI	Không có	31		0.00	48.48		7.75	8.00	7.75	3.75	0.00	0	0	0	0	0	27.25	X	909000007	15	
010338	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	10/09/2006	8.6	8.8	8.8	8.8	8.75	6.75	8.00	7.00				3.50			LI	Không có	28.75		0.00	45.25		6.75	8.00	7.00	3.50	0.00	0	0	0	0	0	25.25	X	111000006	15	
010339	HOÀNG HUỆ MẪN	Nữ	26/04/2006	8.7	8.7	8.6	8.7	8.68	7.00	7.25	6.75	4.00						VA	Không có	29		0.00	43.93		7.00	7.25	6.75	4.00	0.00	0	0	0	0	0	25	X	113000006	15	
010340	NGUYỄN PHAN KHIẾT MẪN	Nữ	07/12/2006	8.9	8.9	8.8	8.7	8.83	8.00	5.50	8.25	6.25						VA	Không có	34.25		0.00	44.08		8.00	5.50	8.25	6.25	0.00	0	0	0	0	0	28	X	107000075	15	
010341	TRẦN TUỆ MẪN	Nữ	02/05/2006	9.2	8.7	8.8	8.2	8.73	6.50	5.25	3.50	5.00						VA	Không có	25.25		0.00	35.73		6.50	5.25	3.50	5.00	0.00	0	0	0	0	0	20.25	X	413000112	15	
010342	HUỲNH NGUYỄN TRÀ MI	Nữ	03/03/2006	8.8	9.1	9.1	8.6	8.90	7.25	5.75	5.25	6.50						VA	Không có	31.25		0.00	40.15		7.25	5.75	5.25	6.50	0.00	0	0	0	0	0	24.75	X	412000006	15	
010343	NGUYỄN DUNG HÀ MI	Nữ	10/06/2006	9.1	9.3	8.7	8.5	8.90	6.25	4.00	6.50	4.00		2.00				AN	VA	20.75	24.75	0.00	35.90	Liệt CH	6.25	4.00	6.50	2.00	4.00	0	0	0	0	0	20.75	X	156000000	15	Liệt CH
010344	TRẦN THỊ GIÁNG MI	Nữ	13/01/2006	9.6	8.9	9	9	9.13	8.00	5.25	7.25			1.50				AN	Không có	23.5		0.00	42.88	Liệt CH	8.00	5.25	7.25	1.50	0.00	0	0	0	0	0	22	X	404000223	15	Liệt CH
010345	LÊ GIA MINH	Nam	08/09/2006	7.8	8	8.3	8.2	8.08	7.00	4.00	4.25	5.50						VA	Không có	26.25		0.00	34.33		7.00	4.00	4.25	5.50	0.00	0	0	0	0	0	20.75	X	107000070	15	
010346	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	04/10/2006	8.5	8.8	8.9	9.2	8.85	7.50	8.00	7.00				4.50			LI	Không có	31.5		0.00	46.85		7.50	8.00	7.00	4.50	0.00	0	0	0	0	0	27	X	108000379	15	
010347	TRẦN LÊ HỒNG MINH	Nữ	23/05/2006	9.8	9.8	9.7	9.5	9.70	8.25	6.50	8.25	6.25						VA	Không có	35.5		0.00	47.45		8.25	6.50	8.25	6.25	0.00	0	0	0	0	0	29.25	X	805000000	15	
010348	TRẦN VÕ NHẬT MINH	Nam	13/10/2006	8.8	9.1	8.9	9.1	8.98	7.00	7.75	8.00			2.90				AN	Không có	28.55		0.00	46.48		7.00	7.75	8.00	2.90	0.00	0	0	0	0	0	25.64999962	X	108000160	15	
010349	VÕ TUYẾT MINH	Nữ	27/01/2006	9.6	9.7	9.4	9.6	9.58	8.25	9.00	8.75	5.75		3.40				VA	AN	37.5	32.8	0.00	52.83		8.25	9.00	8.75	5.75	3.40	0	0	0	0	0	31.75	X	108000200	15	
010350	VƯƠNG DIỆP NHẬT MINH	Nam	18/08/2006	9.2	9	9.3	9	9.13	7.50	7.75	8.00				4.25			LI	Không có	31.75		0.00	47.63		7.50	7.75	8.00	4.25	0.00	0	0	0	0	0	27.5	X	107000081	15	
010351	BÙI NGỌC BẢO MY	Nữ	11/06/2006	8.8	8.7	8.6	8.8	8.73	6.25	7.50	7.75	3.75		2.20				AN	VA	25.9	29	0.00	43.98		6.25	7.50	7.75	2.20	3.75	0	0	0	0	0	25.25	X	404000186	15	
010352	ĐẶNG THỊ KHÁNH MY	Nữ	13/10/2006	8.9	9.1	9	8.9	8.98	7.00	8.50	7.00		6.25			3.75		TO	HO	35	30	0.00	46.98		7.00	8.50	7.00	6.25	3.75	0	0	0	0	0	28.75	X	207000021	15	
010353	LÊ NGUYỄN GIÁNG MY	Nữ	14/07/2006	9.4	9.3	9.3	9	9.25	7.25	6.00	6.75				3.75			LI	Không có	27.5		0.00	42.50		7.25	6.00	6.75	3.75	0.00	0	0	0	0	0	23.75	X	506000014	15	
010354	NGUYỄN LÊ TRÀ MY	Nữ	21/01/2006	8.7	8.7	8.8	8.8	8.75	8.00	7.00	7.75	5.50		2.20				AN	VA	27.15	33.75	0.00	46.50		8.00	7.00	7.75	2.20	5.50	0	0	0	0	0	28.25	X	107000268	15	
010355	NGUYỄN PHƯƠNG BẢO MY	Nữ	18/10/2006	9.5	9.3	9.5	9.1	9.35	7.75	9.00	10.00			5.80				AN	Không có	38.35		0.00	52.85		7.75	9.00	10.00	5.80	0.00	0	0	0	0	0	32.54999924	X	404000026	15	
010356	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	Nữ	05/08/2006	9.5	9.3	9.3	9.3	9.35	8.25	4.00	6.50						2.75	SI	Không có	24.25		0.00	40.35		8.25	4.00	6.50	2.75	0.00	0	0	0	0	0	21.5	X	114000015	15	
010357	NGUYỄN TRẦN GIAO MY	Nữ	14/10/2006	8.9	9	8.9	8.5	8.83	4.25	4.00	5.00			0.90				AN	Không có	15.05		0.00	30.33	Liệt CH	4.25	4.00	5.00	0.90	0.00	0	0	0	0	0	14.14999962	X	108000349	15	Liệt CH
010358	PHẠM VÕ THẢO MY	Nữ	29/10/2006	8.9	9.3	9.6	9.4	9.30	8.50	6.00	7.00	5.75						VA	Không có	33		0.00	45.30		8.50	6.00	7.00	5.75	0.00	0	0	0	0	0	27.25	X	108000363	15	
010359	TÔ HÀ MY	Nữ	05/04/2006	8.8	9.1	8.9	8.8	8.90	7.75	7.50	7.50		3.50					TO	TI	29.75	29.75	0.00	46.90		7.75	7.50	7.50	3.50	3.50	0	0	0	0	0	26.25	X	107000116	15	
010360	TRẦN GIAO MY	Nữ	15/02/2006	9.4	9.3	9.7	9.3	9.43	8.25	8.25	8.25					4.50		HO	Không có	33.75		0.00	50.68		8.25	8.25	8.25	4.50	0.00	0	0	0	0	0	29.25	X	413000005	15	
010361	TRẦN KHÁNH MY	Nữ	12/04/2006	9.6	9.5	9.4	9.1	9.40	8.00	8.00	8.75		5.50					TO	TI	35.75	35.75	0.00	50.15		8.00	8.00	8.75	5.50	5.50	0	0	0	0	0	30.25	X	405000002	16	
010362	TRẦN THỊ THANH MỸ	Nữ	17/05/2006	9.1	9	9.3	9.3	9.18	5.75	7.00	8.50						6.50	SI	Không có	34.25		0.00	43.18		5.75	7.00	8.50	6.50	0.00	0	0	0	0	0	27.75	X	508000001	16	
010363	CAO HOÀNG NAM	Nam	27/03/2006	8.5	8.8	8.8	8.8	8.73	6.75	8.00	7.00		4.25					TO	TI	30.25	30.25	0.00	45.23		6.75	8.00	7.00	4.25	4.25	0	0	0	0	0	26	X	108000135	16	
010364	HOÀNG TRỌNG NAM	Nam	10/02/2006	8.9	9	9	8.5	8.85	5.75	7.75	7.50				4.75			LI	Không có	30.5		0.00	43.35		5.75	7.75	7.50	4.75	0.00	0	0	0	0	0	25.75	X	107000064	16	
010365	HOÀNG NAM	Nam	19/05/2006	8.6	9	9.1	8.6	8.83	6.00	8.00	7.75					3.25		HO	Không có	28.25		0.00	44.58		6.00	8.00	7.75	3.25	0.00	0	0	0	0	0	25	X	404000086	16	
010366	TÔ HUỲNH PHƯƠNG NAM	Nam	17/10/2006	9	9.2	9.1	8.2	8.88	5.25	6.50	8.75			2.60				AN	Không có	25.7		0.00	41.13		5.25	6.50	8.75	2.60	0.00	0	0	0	0	0	23.10000038	X	510000000	16	
010367	NGUYỄN LÊ NGA	Nữ	22/03/2006	8.6	8.5	8.7	8.5	8.58	6.50	4.00	3.25			1.70				AN	Không có	17.15		0.00	32.83	Liệt CH	6.50	4.00	3.25	1.70	0.00	0	0	0	0	0	15.44999981	X	108000137	16	Liệt CH
010368	DƯƠNG HIẾU NGÂN	Nữ	16/02/2006	9.2	9.4	9.4	9.4	9.35	7.50	7.00	9.50			1.90				AN	Không có	27.8		0.00	47.85	Liệt CH	7.50	7.00	9.50	1.90	0.00	0	0	0	0	0	25.89999962	X	511000004	16	Liệt CH
010369	ĐỖ NGUYỄN NGỌC NGÂN	Nữ	19/01/2006	8.8	8.6	8.4	8.1	8.48	7.00	4.25	5.00			1.70				AN	Không có	19.65		0.00	35.98	Liệt CH	7.00	4.25	5.00	1.70	0.00	0	0	0	0	0	17.95000076	X	107000181	16	Liệt CH
010370	ĐỒNG LÊ THỤY KIM NGÂN	Nữ	22/01/2006	9.3	9.3	9.2	9.2	9.25	7.50	7.25	5.75	4.25						VA	Không có	29		0.00	44.50		7.50	7.25	5.75	4.25	0.00	0	0	0	0	0	24.75	X	107000115	16	
010371	HÀ THỊ KIM NGÂN	Nữ	05/08/2006	9.3	9.3	9.2	8.9	9.18	6.25	8.50	8.50		6.00					TO	TI	35.25	35.25	0.00	47.18		6.25	8.50	8.50	6.00	6.00	0	0	0	0	0	29.25	X	404000194	16	
010372	HUỲNH LÊ THANH NGÂN	Nữ	11/03/2006	9	8.8	9.1	8.7	8.90	7.00	8.00	6.75		6.00					TO	TI	33.75	33.75	0.00	45.65		7.00	8.00	6.75	6.00	6.00	0	0	0	0	0	27.75	X	115000038	16	
010373	LÂM KIỀU NGÂN	Nữ	09/07/2006	9	9.1	9.1	8.9	9.03	7.50	9.00	6.75		5.00					TO	TI	33.25	33.25	0.00	48.78		7.50	9.00	6.75	5.00	5.00	0	0	0	0	0	28.25	X	404000225	16	
010374	NGUYỄN BẢO NGÂN	Nữ	22/01/2006	8.6	9.2	9.3	9	9.03	7.00	9.00	8.00		4.75			2.75		HO	TO	29.5	33.5	0.00	49.03		7.00	9.00	8.00	2.75	4.75	0	0	0	0	0	28.75	X	108000210	16	
010375	NGUYỄN HOÀNG MAI NGÂN	Nữ	07/12/2006	9	8.8	8.9	8.5	8.80	5.00	3.25	4.00						1.25	SI	Không có	14.75		0.00	29.30	Liệt CH	5.00	3.25	4.00	1.25	0.00	0	0	0	0	0	13.5	X	107000270	16	Liệt CH
010376	NGUYỄN HUỲNH HIẾU NGÂN	Nữ	01/07/2006	9	9.2	8.8	8.9	8.98	7.75	7.00	8.75			0.90				AN	Không có	25.3		0.00	47.23	Liệt CH	7.75	7.00	8.75	0.90	0.00	0	0	0	0	0	24.39999962	X	210000007	16	Liệt CH
010377	NGUYỄN NGỌC THU NGÂN	Nữ	25/08/2006	9	8.8	9.3	8.8	8.98	4.75	5.50	5.50						2.75	SI	Không có	21.25		0.00	34.98		4.75	5.50	5.50	2.75	0.00	0	0	0	0	0	18.5	X	506000006	16	
010378	NGUYỄN THỊ NGỌC NGÂN	Nữ	22/07/2006	9.1	9.5	8.9	8.8	9.08	6.50	7.50	7.25				2.75			LI	Không có	26.75		0.00	44.33		6.50	7.50	7.25	2.75	0.00	0	0	0	0	0	24		405000226	16	
010379	PHAN KIM NGÂN	Nữ	11/01/2006	8.8	9	8.5	8.3	8.65	7.00	5.50	4.00	5.25						VA	Không có	27		0.00	37.65		7.00	5.50	4.00	5.25	0.00	0	0	0	0	0	21.75	X	508000000	16	
010380	PHÙNG NGỌC KIM NGÂN	Nữ	11/07/2006	8.3	8.6	8.4	8	8.33	8.00	6.25	4.00	4.00						VA	Không có	26.25		0.00	40.83		8.00	6.25	4.00	4.00	0.00	0	0	0	0	0	22.25	X	108000119	16	
010381	THÁI THỤY THANH NGÂN	Nữ	29/06/2006	9.1	9	8.9	8.7	8.93	7.75	6.25	6.75	3.50						VA	Không có	27.75		0.00	43.68		7.75	6.25	6.75	3.50	0.00	0	0	0	0	0	24.25	X	107000263	16	
010382	TRẦN MINH NGÂN	Nữ	20/07/2006	8.1	8	7.9	7.6	7.90	5.25	4.00	2.75						4.25	SI	Không có	20.5		0.00	29.15		5.25	4.00	2.75	4.25	0.00	0	0	0	0	0	16.25	X	108000249	16	
010383	VÕ THỊ KIM NGÂN	Nữ	14/06/2006	9.2	9.3	9.5	9	9.25	7.50	7.00	7.00				5.00			LI	Không có	31.5		0.00	45.25		7.50	7.00	7.00	5.00	0.00	0	0	0	0	0	26.5	X	404000059	16	
010384	LÊ NGUYỄN SONG NGHI	Nữ	16/02/2006	9.1	9.2	9.3	9.1	9.18	7.00	7.75	7.75		3.00					TI	TO	28.5	28.5	0.00	46.43		7.00	7.75	7.75	3.00	3.00	0	0	0	0	0	25.5	X	107000037	16	
010385	NGUYỄN CAO PHƯƠNG NGHI	Nữ	08/06/2006	9.4	9.7	9.5	9.5	9.53	8.50	7.25	7.75		5.00					TO	TI	33.5	33.5	0.00	48.78		8.50	7.25	7.75	5.00	5.00	0	0	0	0	0	28.5	X	108000362	17	
010386	NGUYỄN ĐÀO PHƯƠNG NGHI	Nữ	11/09/2006	9.7	9.7	9.6	9.4	9.60	8.00	9.00	9.00	6.00						VA	Không có	38		0.00	52.60		8.00	9.00	9.00	6.00	0.00	0	0	0	0	0	32	X	404000032	17	
010387	NGUYỄN LÊ NGỌC NGHI	Nữ	27/04/2006	8.5	7.8	8.1	7.8	8.05	5.00	3.75	3.25	3.00		1.10				VA	AN	18	14.2	0.00	28.80	Liệt CH	5.00	3.75	3.25	3.00	1.10	0	0	0	0	0	15	X	113000011	17	Liệt CH
010388	PHAN ĐẶNG GIA NGHI	Nữ	08/11/2006	8.9	8.7	8.7	8.5	8.70	8.25	7.00	7.25					3.25		HO	Không có	29		0.00	46.45		8.25	7.00	7.25	3.25	0.00	0	0	0	0	0	25.75	X	113000001	17	
010389	TRẦN GIA NGHI	Nữ	12/03/2006	9.6	9.5	9.6	9.4	9.53	8.00	7.25	8.75		6.00					TO	TI	36	36	0.00	48.78		8.00	7.25	8.75	6.00	6.00	0	0	0	0	0	30	X	404000010	17	
010390	TRẦN THANH BẢO NGHI	Nữ	08/04/2006	9.2	9.6	9.6	9.2	9.40	8.50	5.00	7.00						5.50	SI	Không có	31.5		0.00	43.40		8.50	5.00	7.00	5.50	0.00	0	0	0	0	0	26	X	108000225	17	
010391	VÕ LÝ PHƯƠNG NGHI	Nữ	25/02/2006	8.8	8.6	8.9	7.9	8.55	7.25	5.50	3.75	5.00						VA	Không có	26.5		0.00	37.80		7.25	5.50	3.75	5.00	0.00	0	0	0	0	0	21.5	X	413000010	17	
010392	NGUYỄN THANH NGHỊ	Nam	10/01/2006	9.2	9.3	8.8	9.6	9.23	6.25	6.00	8.75			3.30				AN	Không có	27.6		0.00	42.48		6.25	6.00	8.75	3.30	0.00	0	0	0	0	0	24.29999924	X	108000373	17	
010393	NGUYỄN HOÀNG NGHĨA	Nam	07/03/2006	8.1	8.4	8.6	8.3	8.35	7.50	6.25	9.25			3.80				AN	Không có	30.6		0.00	45.10		7.50	6.25	9.25	3.80	0.00	0	0	0	0	0	26.79999924	X	404000256	17	
010394	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	Nam	02/02/2006	8.2	8.6	8.6	8.7	8.53	6.50	8.00	6.25				4.50			LI	Không có	29.75		0.00	43.78		6.50	8.00	6.25	4.50	0.00	0	0	0	0	0	25.25	X	209000000	17	
010395	HỒ TRẦN TRUNG NGHIÊM	Nam	01/02/2006	9.4	9.4	9.2	8.8	9.20	7.00	7.25	6.50		6.75					TO	TI	34.25	34.25	0.50	44.70		7.00	7.25	6.50	6.75	6.75	0	0	0	0	0	27.5	X	911000003	17	
010396	BÙI NHƯ NGỌC	Nữ	23/01/2006	9.3	9.1	8.6	8.5	8.88	7.00	7.00	6.25	5.75						VA	Không có	31.75		0.00	43.13		7.00	7.00	6.25	5.75	0.00	0	0	0	0	0	26	X	108000167	17	
010397	BÙI THỊ BỬU NGỌC	Nữ	06/04/2006	9	9	9.1	8.4	8.88	7.00	5.00	6.00	5.75						VA	Không có	29.5		0.00	38.88		7.00	5.00	6.00	5.75	0.00	0	0	0	0	0	23.75	X	404000024	17	
010398	ĐỖ HỒNG NGỌC	Nữ	30/08/2006	9.6	9.7	9.5	9.3	9.53	8.00	8.25	9.50		Vắng	5.30				AN	TO	36.35		0.00	51.53	Liệt CH	8.00	8.25	9.50	5.30	0.00	0	0	0	0	1	31.04999924	X	405000000	17	
010399	LÊ DUY NGỌC	Nam	13/01/2006	9.3	9.3	9.3	9.5	9.35	7.75	6.75	8.50	6.00						VA	Không có	35		0.00	46.85		7.75	6.75	8.50	6.00	0.00	0	0	0	0	0	29	X	217000004	17	
010400	LÊ HỒNG NGỌC	Nữ	05/06/2006	8.7	8.7	8.4	8.5	8.58	7.00	5.75	6.75	6.75						VA	Không có	33		0.50	41.33		7.00	5.75	6.75	6.75	0.00	0	0	0	0	0	26.25	X	204000037	17	
010401	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH NGỌC	Nữ	01/10/2006	8.4	8	8	7.6	8.00	6.75	6.75	4.75		2.50					TO	TI	23.25	23.25	0.00	39.75		6.75	6.75	4.75	2.50	2.50	0	0	0	0	0	20.75	X	204000013	17	
010402	NGUYỄN HOÀNG KIM NGỌC	Nữ	15/11/2006	8.6	9	9.1	9	8.93	8.00	6.75	7.50	5.75				4.50		HO	VA	31.25	33.75	0.00	45.93		8.00	6.75	7.50	4.50	5.75	0	0	0	0	0	28	X	108000323	17	
010403	NGUYỄN NGUYỄN NHƯ NGỌC	Nữ	18/12/2006	9.3	9.4	9.2	8.9	9.20	7.50	4.75	6.25	6.75						VA	Không có	32		0.00	39.95		7.50	4.75	6.25	6.75	0.00	0	0	0	0	0	25.25		311000000	17	
010404	NGUYỄN THANH NGỌC	Nữ	18/09/2006	8.5	9.1	8.4	8.3	8.58	8.00	4.50	4.25	5.00						VA	Không có	26.75		0.00	37.83		8.00	4.50	4.25	5.00	0.00	0	0	0	0	0	21.75		108000048	17	
010405	THÁI THỊ MINH NGỌC	Nữ	18/12/2006	8.9	8.7	8.9	8.9	8.85	7.50	7.00	6.75		6.00					TO	TI	33.25	33.25	0.00	44.60		7.50	7.00	6.75	6.00	6.00	0	0	0	0	0	27.25	X	115000057	17	
010406	TRẦN LÊ YẾN NGỌC	Nữ	07/04/2006	9.2	9.3	9.3	9.1	9.23	8.00	5.75	8.75	6.00		4.60				AN	VA	31.7	34.5	0.00	45.48		8.00	5.75	8.75	4.60	6.00	0	0	0	0	0	28.5	X	108000250	17	
010407	VÕ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	22/04/2006	8.9	8.9	9.2	9	9.00	7.50	6.25	5.50	5.50						VA	Không có	30.25		0.00	42.00		7.50	6.25	5.50	5.50	0.00	0	0	0	0	0	24.75	X	115000022	17	
010408	DƯ THỊ TUYẾT NGUYÊN	Nữ	27/10/2006	9.1	9.3	9.1	8.9	9.10	8.25	8.00	9.00					4.75		HO	Không có	34.75		0.00	50.60		8.25	8.00	9.00	4.75	0.00	0	0	0	0	0	30	X	204000014	17	
010409	LÊ NGỌC THẢO NGUYÊN	Nữ	14/06/2006	9.2	9.1	8.9	8.7	8.98	7.75	8.00	7.50		2.50					TO	Không có	28.25		0.00	47.98		7.75	8.00	7.50	2.50	0.00	0	0	0	0	0	25.75	X	506000012	18	
010410	LÊ THỊ THU NGUYÊN	Nữ	01/03/2006	8.6	8.8	8.7	8.9	8.75	7.00	6.00	7.00						3.00	SI	Không có	26		0.00	41.75		7.00	6.00	7.00	3.00	0.00	0	0	0	0	0	23	X	510000003	18	
010411	LƯƠNG KHÁNH NGUYÊN	Nam	18/05/2006	9.2	8.9	9.1	9	9.05	5.00	6.00	8.25			3.30				AN	Không có	25.85		0.00	39.30		5.00	6.00	8.25	3.30	0.00	0	0	0	0	0	22.54999924	X	107000077	18	
010412	NGUYỄN KHÔI NGUYÊN	Nam	16/11/2006	7.8	8.5	8	7.7	8.00	6.25	5.75	7.75		3.00	1.10				AN	TI	21.95	25.75	0.00	39.75	Liệt CH	6.25	5.75	7.75	1.10	3.00	0	0	0	0	0	22.75	X	108000018	18	Liệt CH
010413	NGUYỄN PHAN NHẬT NGUYÊN	Nữ	13/02/2006	9.6	9.5	9.5	9.4	9.50	8.00	8.00	9.75			7.40				AN	Không có	40.55		0.00	51.25		8.00	8.00	9.75	7.40	0.00	0	0	0	0	0	33.15000153	X	107000133	18	
010414	NGUYỄN PHƯƠNG NGUYÊN	Nữ	27/01/2006	9.1	9	9.3	9.1	9.13	7.50	8.50	6.75	4.75		1.20				VA	AN	32.25	25.15	0.00	47.88	Liệt CH	7.50	8.50	6.75	4.75	1.20	0	0	0	0	0	27.5	X	115000115	18	Liệt CH
010415	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	Nữ	01/09/2006	8.4	7.8	8	7.7	7.98	6.75	8.00	8.00		3.50					TO	TI	29.75	29.75	0.00	45.48		6.75	8.00	8.00	3.50	3.50	0	0	0	0	0	26.25	X	108000179	18	
010416	VÕ THÀNH NGUYÊN	Nam	01/04/2006	8.1	8.4	8.5	8.5	8.38	6.50	8.00	5.50						6.50	SI	Không có	33		0.00	42.88		6.50	8.00	5.50	6.50	0.00	0	0	0	0	0	26.5	X	111000075	18	
010417	LÊ HIẾU NGUYỄN	Nam	15/11/2006	8.7	8.9	8.8	8.4	8.70	5.50	7.00	8.50		1.00	2.60				AN	TI	26.2	23	0.00	42.20	Liệt CH	5.50	7.00	8.50	2.60	1.00	0	0	0	0	0	23.60000038	X	108000233	18	Liệt CH
010418	NGUYỄN TRANG BÌNH NGUYỄN	Nam	24/04/2006	8.4	8.4	8.5	8	8.33	5.75	3.50	6.50	4.75						VA	Không có	25.25		0.00	33.33		5.75	3.50	6.50	4.75	0.00	0	0	0	0	0	20.5	X	113000043	18	
010419	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	Nữ	25/10/2006	8.3	8.8	8.8	8.6	8.63	5.75	4.50	6.25		1.25					TO	Không có	19		0.00	35.38	Liệt CH	5.75	4.50	6.25	1.25	0.00	0	0	0	0	0	17.75	X	814000003	18	Liệt CH
010420	THÁI THỊ AN NHÀN	Nữ	10/11/2006	8.9	9.1	9.1	8.5	8.90	6.50	6.50	4.50						5.00	SI	Không có	27.5		0.00	39.40		6.50	6.50	4.50	5.00	0.00	0	0	0	0	0	22.5	X	404000260	18	
010421	HỒ HIẾU NHÂN	Nam	10/08/2006	8.5	8.4	8.1	8	8.25	6.75	6.75	6.00			1.20				AN	Không có	21.9		0.00	41.25	Liệt CH	6.75	6.75	6.00	1.20	0.00	0	0	0	0	0	20.70000076	X	108000207	18	Liệt CH
010422	MAI HỮU NHÂN	Nam	13/11/2006	8.9	9	9.3	8.5	8.93	7.00	8.00	7.00		5.25			2.00		TO	HO	32.5	26	0.00	45.93	Liệt CH	7.00	8.00	7.00	5.25	2.00	0	0	0	0	0	27.25		409000000	18	Liệt CH
010423	THÁI THÀNH NHÂN	Nam	24/07/2006	9.2	9.3	9.1	8.8	9.10	8.00	9.00	7.75				6.75			LI	Không có	38.25		0.00	50.85		8.00	9.00	7.75	6.75	0.00	0	0	0	0	0	31.5	X	108000195	18	
010424	TỐNG THÀNH NHÂN	Nam	15/05/2006	8.9	8.8	9	8.6	8.83	5.00	4.75	5.75		2.75				2.50	TO	SI	21	20.5	0.00	34.08		5.00	4.75	5.75	2.75	2.50	0	0	0	0	0	18.25	X	107000033	18	
010425	TRẦN THIỆN NHÂN	Nam	04/10/2006	7.9	8.2	8	8.1	8.05	7.50	5.00	7.75			2.00				AN	Không có	24.25		0.00	40.80	Liệt CH	7.50	5.00	7.75	2.00	0.00	0	0	0	0	0	22.25	X	107000053	18	Liệt CH
010426	TRẦN THIỆN NHÂN	Nam	28/06/2006	7.8	7.5	8	8.2	7.88	6.75	6.00	5.25		1.50		1.25			TO	LI	21	20.5	0.00	38.63	Liệt CH	6.75	6.00	5.25	1.50	1.25	0	0	0	0	0	19.5	X	909000005	18	Liệt CH
010427	TRẦN MINH NHẬT	Nam	15/04/2006	8.5	8.7	8.6	8.2	8.50	3.25	8.00	5.75				3.25			LI	Không có	23.5		0.00	36.75		3.25	8.00	5.75	3.25	0.00	0	0	0	0	0	20.25	X	404000004	18	
010428	ĐOÀN THỊ YẾN NHI	Nữ	16/08/2006	8.6	8.8	8.5	7.5	8.35	6.50	3.25	5.25	6.75						VA	Không có	28.5		0.00	33.10		6.50	3.25	5.25	6.75	0.00	0	0	0	0	0	21.75		412000014	18	
010429	HUỲNH NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	21/08/2006	9.1	9	9.1	8.9	9.03	7.00	6.00	7.25	5.50						VA	Không có	31.25		0.00	42.28		7.00	6.00	7.25	5.50	0.00	0	0	0	0	0	25.75	X	113000017	18	
010430	HUỲNH YẾN NHI	Nữ	30/10/2006	9.4	9.4	9.2	8.9	9.23	8.00	5.25	8.00				5.50			LI	Không có	32.25		0.00	43.73		8.00	5.25	8.00	5.50	0.00	0	0	0	0	0	26.75	X	506000015	18	
010431	LÊ ĐẶNG YẾN NHI	Nữ	28/06/2006	9.1	9.4	9.5	8.9	9.23	6.75	8.00	6.25		3.00			1.00		TO	HO	27	23	0.00	44.98	Liệt CH	6.75	8.00	6.25	3.00	1.00	0	0	0	0	0	24	X	506000001	18	Liệt CH
010432	LÊ PHÙNG MẪN NHI	Nữ	21/06/2006	9.1	8.9	8.9	8.8	8.93	6.75	7.50	6.75	5.00						VA	Không có	31		0.00	44.18		6.75	7.50	6.75	5.00	0.00	0	0	0	0	0	26	X	107000173	18	
010433	NGUYỄN HOÀNG YẾN NHI	Nữ	20/09/2006	9.3	9.5	9.2	9	9.25	7.50	8.00	8.50						5.50	SI	Không có	35		0.00	48.75		7.50	8.00	8.50	5.50	0.00	0	0	0	0	0	29.5	X	407000018	19	
010434	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	Nữ	16/06/2006	9	9.3	9.4	9.3	9.25	7.75	8.00	8.50		6.00					TO	TI	36.25	36.25	0.00	49.25		7.75	8.00	8.50	6.00	6.00	0	0	0	0	0	30.25	X	206000003	19	
010435	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	19/01/2006	9.4	9.1	9.3	9.2	9.25	7.25	7.50	7.50	5.50						VA	Không có	33.25		0.00	46.25		7.25	7.50	7.50	5.50	0.00	0	0	0	0	0	27.75	X	115000025	19	
010436	PHẠM NGỌC BẢO NHI	Nữ	07/03/2006	7.6	7.6	7.1	6.9	7.30	4.00	3.25	2.50	2.50						VA	Không có	14.75		0.00	24.30		4.00	3.25	2.50	2.50	0.00	0	0	0	0	0	12.25		108000040	19	
010437	PHẠM TRẦN THẢO NHI	Nữ	22/11/2006	9.2	9.3	9.3	9	9.20	7.50	7.50	5.75		2.25		5.25			LI	TI	31.25	25.25	0.00	44.95		7.50	7.50	5.75	5.25	2.25	0	0	0	0	0	26	X	404000018	19	
010438	PHAN NGỌC UYÊN NHI	Nữ	19/07/2006	9.6	9.7	9.7	9.4	9.60	8.25	8.00	8.25	6.75		3.00				AN	VA	30.5	38	0.00	50.35		8.25	8.00	8.25	3.00	6.75	0	0	0	0	0	31.25	X	404000009	19	
010439	VÕ QUỲNH NHI	Nữ	28/10/2006	8.1	8.9	9.1	8.5	8.65	4.75	4.00	6.75		0.00			0.00		HO	TI	15.5	15.5	0.00	32.90	Liệt CH	4.75	4.00	6.75	0.00	0.00	0	0	0	0	0	15.5	X	108000327	19	Liệt CH
010440	BÙI THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	14/04/2006	8.9	9.1	8.8	8.4	8.80	7.25	3.00	3.50	4.50						VA	Không có	22.75		0.50	33.30		7.25	3.00	3.50	4.50	0.00	0	0	0	0	0	18.25	X	218000000	19	
010441	BÙI THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	20/03/2006	9.2	9.6	9.3	8.9	9.25	7.00	9.00	9.50	5.75		4.40				AN	VA	34.3	37	0.00	50.75		7.00	9.00	9.50	4.40	5.75	0	0	0	0	0	31.25	X	108000155	19	
010442	CÁI THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	12/04/2006	9.1	8.9	9.2	8.9	9.03	6.75	8.00	7.50		2.25					TI	Không có	26.75		0.00	46.03		6.75	8.00	7.50	2.25	0.00	0	0	0	0	0	24.5	X	115000030	19	
010443	HỒ LÊ QUỲNH NHƯ	Nữ	14/09/2006	9.5	9.6	9.6	9.5	9.55	7.75	8.50	8.75		4.25					TO	TI	33.5	33.5	0.00	50.80		7.75	8.50	8.75	4.25	4.25	0	0	0	0	0	29.25	X	404000022	19	
010444	HUỲNH NGỌC KIỀU NHƯ	Nữ	21/03/2006	9.2	9.1	9.3	8.6	9.05	7.75	8.00	6.75	5.50						VA	Không có	33.5		0.00	47.30		7.75	8.00	6.75	5.50	0.00	0	0	0	0	0	28		405000148	19	
010445	LÂM PHƯƠNG NHƯ	Nữ	03/12/2006	8.5	8.9	8.8	8.3	8.63	6.75	7.00	4.25		3.00			3.50		HO	TO	25	24	0.00	40.38		6.75	7.00	4.25	3.50	3.00	0	0	0	0	0	21.5	X	108000110	19	
010446	LÊ NGỌC QUỲNH NHƯ	Nữ	21/04/2006	9	9.1	8.9	8.7	8.93	8.75	6.50	8.75	6.00		2.20				VA	AN	36	28.4	0.00	48.18		8.75	6.50	8.75	6.00	2.20	0	0	0	0	0	30	X	814000011	19	

010447	NGÔ LÂM TÂM NHƯ	Nữ	25/06/2006	8.5	8.3	8.6	8.4	8.45	6.50	5.50	4.00	5.00						VA	Không có	26		0.00	36.45		6.50	5.50	4.00	5.00	0.00	0	0	0	0	0	0	21	X	111000069	19	
010448	NGUYỄN HOÀNG BẢO NHƯ	Nữ	29/08/2006	9.3	9.2	9.4	9.2	9.28	8.25	9.00	9.75			4.40				AN	Không có	35.8		0.00	53.53		8.25	9.00	9.75	4.40	0.00	0	0	0	0	0	0	31.39999962	X	115000012	19	
010449	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NHƯ	Nữ	01/02/2006	8.7	9.3	9.3	9.1	9.10	7.75	6.50	6.50	4.00						VA	Không có	28.75		0.00	44.10		7.75	6.50	6.50	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	24.75	X	108000064	19	
010450	NGUYỄN NGỌC YẾN NHƯ	Nữ	16/05/2006	8.1	8	8	8.6	8.18	6.50	4.50	4.00						3.25	SI	Không có	21.5		0.00	34.18		6.50	4.50	4.00	3.25	0.00	0	0	0	0	0	0	18.25	X	111000076	19	
010451	NGUYỄN THẢO NHƯ	Nữ	21/08/2006	8.4	8.9	9.1	8.6	8.75	8.00	8.00	4.50				4.25			LI	Không có	29		0.00	45.25		8.00	8.00	4.50	4.25	0.00	0	0	0	0	0	0	24.75	X	404000077	19	
010452	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	11/12/2006	9.1	9	9.3	9.2	9.15	8.75	7.75	8.50		4.25				6.75	TI	SI	33.5	38.5	0.00	50.65		8.75	7.75	8.50	4.25	6.75	0	0	0	0	0	0	31.75	X	108000029	19	
010453	TRẦN LÊ MINH NHƯ	Nữ	08/06/2006	9.1	9.4	9.5	9.1	9.28	7.25	7.00	6.75		3.50				6.50	SI	TI	34	28	0.00	44.53		7.25	7.00	6.75	6.50	3.50	0	0	0	0	0	0	27.5	X	108000019	19	
010454	VÕ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	29/05/2006	9	9.1	8.9	8.6	8.90	6.75	8.00	4.50	6.75						VA	Không có	32.75		0.00	42.90		6.75	8.00	4.50	6.75	0.00	0	0	0	0	0	0	26	X	107000040	19	
010455	BÙI VŨ KHÁNH NINH	Nam	26/02/2006	9.1	8.9	9	8.7	8.93	8.00	5.75	7.00				5.00			LI	Không có	30.75		0.00	43.43		8.00	5.75	7.00	5.00	0.00	0	0	0	0	0	0	25.75	X	909000010	19	
010456	PHẠM NGỌC NỮ	Nữ	01/06/2006	7.9	8.5	8.6	8.3	8.33	7.50	6.50	4.25						4.00	SI	Không có	26.25		0.00	40.58		7.50	6.50	4.25	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	22.25	X	404000040	19	
010457	LÊ THỊ HOÀNG OANH	Nữ	02/03/2006	9.1	9	9.3	9.1	9.13	7.00	8.00	5.75		2.25					TI	Không có	25.25		0.00	44.88		7.00	8.00	5.75	2.25	0.00	0	0	0	0	0	0	23	X	115000040	20	
010458	NGUYỄN DUY PHÁT	Nam	19/10/2006	8.9	9	9	9	8.98	5.50	7.00	9.75			5.40				AN	Không có	33.05		0.00	43.73		5.50	7.00	9.75	5.40	0.00	0	0	0	0	0	0	27.64999962	X	113000019	20	
010459	NGUYỄN THÀNH PHÁT	Nam	23/01/2006	9	9	9.1	9.1	9.05	7.75	8.75	7.50					4.00		HO	Không có	32		0.00	49.55		7.75	8.75	7.50	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	28	X	107000186	20	
010460	TRỊNH TẤN PHÁT	Nam	26/01/2006	9.5	9.4	9.5	9	9.35	7.00	8.75	8.50		6.25					TO	TI	36.75	36.75	0.00	49.35		7.00	8.75	8.50	6.25	6.25	0	0	0	0	0	0	30.5	X	404000257	20	
010461	CHÂU HỒNG PHI	Nam	17/11/2006	7.9	7.9	8.2	8.2	8.05	7.50	7.25	7.25		3.25					TO	Không có	28.5		0.00	44.80		7.50	7.25	7.25	3.25	0.00	0	0	0	0	0	0	25.25	X	117000000	20	
010462	QUÁCH LÝ YẾN PHI	Nữ	19/01/2006	8.4	8.8	9	8.9	8.78	5.25	8.00	5.50		3.00				4.75	TO	SI	24.75	28.25	0.00	40.78		5.25	8.00	5.50	3.00	4.75	0	0	0	0	0	0	23.5	X	108000148	20	
010463	ĐÀO HUY PHONG	Nam	09/05/2006	9.4	9.5	9.4	9.1	9.35	6.50	9.00	8.25		6.00					TO	Không có	35.75		0.00	48.60		6.50	9.00	8.25	6.00	0.00	0	0	0	0	0	0	29.75	X	506000008	20	
010464	NGÔ THANH PHONG	Nam	25/05/2006	7.8	7.6	8.5	8.1	8.00	5.00	7.75	8.25			2.20				AN	Không có	25.4		0.00	41.75		5.00	7.75	8.25	2.20	0.00	0	0	0	0	0	0	23.20000076	X	404000187	20	
010465	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	09/04/2006	8.5	8.9	9.3	9.1	8.95	6.75	6.50	6.75		2.25					TO	TI	24.5	24.5	0.00	42.20		6.75	6.50	6.75	2.25	2.25	0	0	0	0	0	0	22.25	X	206000004	20	
010466	TRỊNH VIỆT PHONG	Nam	14/08/2006	9.3	9.4	9.4	9.4	9.38	6.25	9.50	7.75		5.50					TO	TI	34.5	34.5	0.00	48.63		6.25	9.50	7.75	5.50	5.50	0	0	0	0	0	0	29	X	108000109	20	
010467	CHÂU ĐỨC PHÚ	Nam	31/05/2006	8.3	8.1	8.5	8.7	8.40	7.00	5.00	7.25			1.80				AN	Không có	22.85		0.00	39.65	Liệt CH	7.00	5.00	7.25	1.80	0.00	0	0	0	0	0	0	21.04999924	X	404000188	20	Liệt CH
010468	NGUYỄN HÙNG PHÚ	Nam	04/05/2006	8	8.4	8.7	8.4	8.38	8.00	7.00	7.25		3.00	3.80				AN	TI	29.85	28.25	0.00	45.63		8.00	7.00	7.25	3.80	3.00	0	0	0	0	0	0	26.04999924	X	107000083	20	
010469	NGUYỄN THANH PHÚ	Nam	07/10/2006	9.3	9.3	9.4	8.7	9.18	5.00	7.75	5.00		2.25					TI	TO	22.25	22.25	0.00	39.68		5.00	7.75	5.00	2.25	2.25	0	0	0	0	0	0	20	X	405000150	20	
010470	CAO NGUYỄN BÁ PHÚC	Nam	03/05/2006	8.6	8.8	8.6	8.8	8.70	7.25	5.75	5.00		1.25		2.50			TO	LI	20.5	23	0.00	39.70	Liệt CH	7.25	5.75	5.00	1.25	2.50	0	0	0	0	0	0	20.5	X	113000012	20	Liệt CH
010471	ĐÀO NGUYÊN PHÚC	Nam	01/01/2006	8.6	8.6	8.6	8.2	8.50	6.75	8.00	6.50		4.75		7.25			LI	TO	35.75	30.75	0.00	44.50		6.75	8.00	6.50	7.25	4.75	0	0	0	0	0	0	28.5	X	113000126	20	
010472	ĐẶNG HỮU PHÚC	Nam	25/01/2006	8.5	8.8	8.8	8.7	8.70	5.25	6.00	8.50		2.50	3.90				AN	TO	27.55	24.75	0.00	39.70		5.25	6.00	8.50	3.90	2.50	0	0	0	0	0	0	23.64999962	X	108000033	20	
010473	ĐẶNG LÊ HỒNG PHÚC	Nam	30/09/2006	8.7	9	9	8.3	8.75	7.25	8.50	7.25		6.25					TO	TI	35.5	35.5	0.00	47.50		7.25	8.50	7.25	6.25	6.25	0	0	0	0	0	0	29.25	X	404000019	20	
010474	HUỲNH THIÊN PHÚC	Nữ	13/09/2006	8.7	8.6	8.3	7.8	8.35	6.00	2.50	5.00			1.20				AN	Không có	15.9		0.00	30.35	Liệt CH	6.00	2.50	5.00	1.20	0.00	0	0	0	0	0	0	14.69999981		405000004	20	Liệt CH
010475	NGÔ TẤN PHÚC	Nam	25/04/2006	8.4	7.8	8.1	8.2	8.13	5.25	3.75	3.25		2.00					TO	Không có	16.25		0.00	29.38	Liệt CH	5.25	3.75	3.25	2.00	0.00	0	0	0	0	0	0	14.25	X	107000054	20	Liệt CH
010476	NGUYỄN CAO THIÊN PHÚC	Nam	27/01/2006	9.5	9.5	9.6	9.4	9.50	8.75	9.00	9.25		4.25			6.25		HO	TI	39.5	35.5	0.00	54.25		8.75	9.00	9.25	6.25	4.25	0	0	0	0	0	0	33.25	X	108000328	20	
010477	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	10/05/2006	8	8.1	8	8.3	8.10	5.50	8.00	6.00						5.50	SI	Không có	30.5		0.00	41.10		5.50	8.00	6.00	5.50	0.00	0	0	0	0	0	0	25	X	404000017	20	
010478	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nữ	29/09/2006	8.3	9.3	9	8.7	8.83	7.25	7.75	6.75					5.50		HO	Không có	32.75		0.00	45.58		7.25	7.75	6.75	5.50	0.00	0	0	0	0	0	0	27.25	X	107000178	20	
010479	PHAN BẢO PHÚC	Nam	01/09/2006	9.1	9.6	9.3	9	9.25	7.50	8.50	9.75		5.50	4.70				TO	AN	36.75	35.15	0.00	51.00		7.50	8.50	9.75	5.50	4.70	0	0	0	0	0	0	31.25	X	108000150	20	
010480	TRẦN GIA PHÚC	Nam	18/07/2006	8.1	8.9	9	8.9	8.73	7.00	4.75	6.00	3.00			2.75			VA	LI	23.75	23.25	0.00	38.23		7.00	4.75	6.00	3.00	2.75	0	0	0	0	0	0	20.75	X	108000242	20	
010481	TRẦN HOÀNG BẢO PHÚC	Nữ	25/12/2006	9.1	9.5	9.5	9.5	9.40	7.75	6.75	8.25				6.25			LI	Không có	35.25		0.00	46.65		7.75	6.75	8.25	6.25	0.00	0	0	0	0	0	0	29	X	108000106	21	
010482	LÊ KIM PHỤNG	Nữ	23/04/2006	9.4	9.8	9.6	9.5	9.58	8.25	7.25	9.00	7.00		3.10				VA	AN	38.5	30.7	0.00	49.58		8.25	7.25	9.00	7.00	3.10	0	0	0	0	0	0	31.5	X	108000066	21	
010483	NGUYỄN NGỌC PHI PHỤNG	Nữ	26/05/2006	9.5	9.3	9	9.3	9.28	7.00	6.50	3.75					1.25		HO	Không có	19.75		0.00	40.03	Liệt CH	7.00	6.50	3.75	1.25	0.00	0	0	0	0	0	0	18.5	X	314000015	21	Liệt CH
010484	DƯƠNG PHẠM HIỀN PHƯƠNG	Nữ	13/03/2006	7.8	8.8	8.6	8.3	8.38	6.25	6.25	5.00	4.50						VA	Không có	26.5		0.00	38.38		6.25	6.25	5.00	4.50	0.00	0	0	0	0	0	0	22	X	108000144	21	
010485	ĐỖ NGUYỄN NAM PHƯƠNG	Nữ	16/01/2006	8.9	9.2	9	8.5	8.90	7.25	3.50	6.25	4.75						VA	Không có	26.5		0.00	36.65		7.25	3.50	6.25	4.75	0.00	0	0	0	0	0	0	21.75	X	108000181	21	
010486	LÊ TRÚC PHƯƠNG	Nữ	18/10/2006	8.8	8.8	8.9	8.9	8.85	7.00	8.00	5.00		3.75					TO	TI	27.5	27.5	0.00	43.85		7.00	8.00	5.00	3.75	3.75	0	0	0	0	0	0	23.75	X	107000039	21	
010487	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	Nam	17/02/2006	9.1	9.3	9	9	9.10	8.25	7.25	5.75						4.50	SI	Không có	30.25		0.00	45.85		8.25	7.25	5.75	4.50	0.00	0	0	0	0	0	0	25.75	X	108000156	21	
010488	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	21/04/2006	9	8.7	8.9	8.6	8.80	7.25	4.75	6.75	5.00						VA	Không có	28.75		0.00	39.55		7.25	4.75	6.75	5.00	0.00	0	0	0	0	0	0	23.75	X	412000004	21	
010489	NGUYỄN UYÊN PHƯƠNG	Nữ	14/08/2006	9	9.4	9.3	9	9.18	8.00	6.25	9.75	4.25		5.20				AN	VA	34.4	32.5	0.00	47.43		8.00	6.25	9.75	5.20	4.25	0	0	0	0	0	0	29.20000076	X	107000189	21	
010490	PHẠM THỊ NAM PHƯƠNG	Nữ	12/03/2006	9	9.3	9.4	9.3	9.25	7.50	7.75	9.50			4.10				AN	Không có	32.95		0.00	49.25		7.50	7.75	9.50	4.10	0.00	0	0	0	0	0	0	28.85000038	X	116000000	21	
010491	TRẦN HUỲNH YẾN PHƯƠNG	Nữ	16/10/2006	9.3	9	8.4	7.6	8.58	3.75	8.00	8.50						4.50	SI	Không có	29.25		0.00	40.58		3.75	8.00	8.50	4.50	0.00	0	0	0	0	0	0	24.75	X	405000043	21	
010492	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	Nữ	25/10/2006	9.1	9.2	9.4	9.3	9.25	7.75	8.00	9.00			3.50				AN	Không có	31.75		0.00	49.75		7.75	8.00	9.00	3.50	0.00	0	0	0	0	0	0	28.25	X	404000080	21	
010493	TRẦN TRÚC PHƯƠNG	Nữ	11/04/2006	9.1	9.2	8.8	8.8	8.98	7.00	8.00	9.25	5.75						VA	Không có	35.75		0.00	48.23		7.00	8.00	9.25	5.75	0.00	0	0	0	0	0	0	30	X	510000002	21	
010494	TRIỆU YẾN PHƯƠNG	Nữ	04/12/2006	9.4	9.5	9.5	9.2	9.40	8.75	7.25	7.75	7.00				7.00		HO	VA	37.75	37.75	0.00	49.15		8.75	7.25	7.75	7.00	7.00	0	0	0	0	0	0	30.75	X	108000370	21	
010495	NGUYỄN NHẬT QUANG	Nam	25/01/2006	8.4	8.4	7.6	7.8	8.05	6.75	4.75	9.25			4.50				AN	Không có	29.75		0.00	40.30		6.75	4.75	9.25	4.50	0.00	0	0	0	0	0	0	25.25	X	107000162	21	
010496	NGUYỄN NHẬT QUANG	Nam	14/09/2006	8.8	9	9	8.8	8.90	7.75	8.00	8.75		3.00	4.00				AN	TI	32.5	30.5	0.00	49.15		7.75	8.00	8.75	4.00	3.00	0	0	0	0	0	0	28.5	X	107000200	21	
010497	BÙI NGỌC MINH QUÂN	Nữ	27/08/2006	9.4	9.6	9.7	9.4	9.53	7.00	8.75	9.50		4.25	4.10				AN	TI	33.45	33.75	0.00	50.53		7.00	8.75	9.50	4.10	4.25	0	0	0	0	0	0	29.5	X	405000008	21	
010498	PHẠM VÕ HIẾU QUÂN	Nữ	30/03/2006	9.5	9.4	9.4	9.2	9.38	6.75	7.75	6.00		2.50					TO	Không có	25.5		0.00	44.38		6.75	7.75	6.00	2.50	0.00	0	0	0	0	0	0	23	X	404000003	21	
010499	PHAN THANH TRÚC QUÂN	Nữ	24/11/2006	9.1	9.3	9.3	9	9.18	7.75	8.75	8.50		4.50					TO	TI	34	34	0.00	50.68		7.75	8.75	8.50	4.50	4.50	0	0	0	0	0	0	29.5	X	108000076	21	
010500	SẦM MINH QUÂN	Nam	20/11/2006	9.7	9.4	9.3	8.9	9.33	7.25	8.00	7.50		6.00					TO	TI	34.75	34.75	0.00	47.33		7.25	8.00	7.50	6.00	6.00	0	0	0	0	0	0	28.75	X	405000147	21	
010501	TRẦN THỦY LẠC QUÂN	Nữ	17/01/2006	9.2	9.1	9	9	9.08	6.75	6.50	3.75				5.00			LI	Không có	27		0.00	39.33		6.75	6.50	3.75	5.00	0.00	0	0	0	0	0	0	22		309000001	21	
010502	NGÔ PHẠM NGUYỆT QUẾ	Nữ	21/12/2006	9.6	9.6	9.6	9.6	9.60	7.50	8.00	9.25		6.00					TO	TI	36.75	36.75	0.00	49.85		7.50	8.00	9.25	6.00	6.00	0	0	0	0	0	0	30.75	X	807000002	21	
010503	NGUYỄN THÀNH QUỐC	Nam	31/08/2006	9.4	9.2	9.3	9.1	9.25	7.25	8.00	8.50		5.75	2.70				TO	AN	35.25	29.15	0.00	48.25		7.25	8.00	8.50	5.75	2.70	0	0	0	0	0	0	29.5	X	404000180	21	
010504	TRẦN MINH PHÚ QUÝ	Nam	09/09/2006	9	9.4	9.3	9.1	9.20	6.50	6.00	7.50				4.00			LI	Không có	28		0.00	41.70		6.50	6.00	7.50	4.00	0.00	0	0	0	0	0	0	24	X	108000213	21	
010505	ĐỖ NGÔ MINH QÚY	Nam	19/10/2006	8.5	9.3	8.9	8.9	8.90	6.50	9.50	8.50					4.25		HO	Không có	33		0.00	49.40		6.50	9.50	8.50	4.25	0.00	0	0	0	0	0	0	28.75	X	404000189	22	
010506	ĐOÀN PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	12/04/2006	9.3	9.3	9.4	9.2	9.30	7.75	8.25	6.75	5.00			6.00			LI	VA	34.75	32.75	0.00	48.05		7.75	8.25	6.75	6.00	5.00	0	0	0	0	0	0	28.75	X	404000081	22	
010507	LÊ QUYÊN	Nữ	28/06/2006	7.9	8.2	8	7.7	7.95	6.00	5.75	4.00						3.50	SI	Không có	22.75		0.00	35.45		6.00	5.75	4.00	3.50	0.00	0	0	0	0	0	0	19.25	X	404000060	22	
010508	TRẦN THỊ MỸ QUYÊN	Nữ	02/07/2006	9.7	9.5	9.3	9.1	9.40	7.75	9.00	4.75		4.50		4.75			LI	TO	31	30.5	0.00	47.65		7.75	9.00	4.75	4.75	4.50	0	0	0	0	0	0	26.25	X	408000000	22	
010509	NGUYỄN QUỐC QUYỀN	Nam	05/05/2006	8.2	8.6	8.6	8.7	8.53	6.25	7.75	9.50			3.60				AN	Không có	30.7		0.00	46.03		6.25	7.75	9.50	3.60	0.00	0	0	0	0	0	0	27.10000038	X	111000016	22	
010510	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	29/08/2006	9.6	9.7	9.8	9.6	9.68	8.75	10.00	9.00		7.00					TO	TI	41.75	41.75	0.00	56.18		8.75	10.00	9.00	7.00	7.00	0	0	0	0	0	0	34.75	X	107000038	22	
010511	NGUYỄN DƯƠNG THÚY QUỲNH	Nữ	03/04/2006	9	9.5	9.4	9.4	9.33	7.75	7.25	7.00					2.50		HO	Không có	27		0.00	46.33		7.75	7.25	7.00	2.50	0.00	0	0	0	0	0	0	24.5	X	404000025	22	
010512	NGUYỄN NGỌC TRÚC QUỲNH	Nữ	25/09/2006	9	9	8.9	8.5	8.85	7.00	6.50	8.75	4.50		2.40				AN	VA	27.05	31.25	0.00	44.60		7.00	6.50	8.75	2.40	4.50	0	0	0	0	0	0	26.75	X	107000069	22	
010513	VÕ NGỌC KHÁNH QUỲNH	Nữ	01/04/2006	9.8	9.8	9.8	9.3	9.68	7.00	8.00	7.75		2.50					TO	Không có	27.75		0.00	47.43		7.00	8.00	7.75	2.50	0.00	0	0	0	0	0	0	25.25	X	408000055	22	
010514	HỒ MINH SANG	Nam	25/10/2006	8.1	8.8	9	8.8	8.68	7.50	7.00	7.50		5.00					TO	TI	32	32	0.00	45.18		7.50	7.00	7.50	5.00	5.00	0	0	0	0	0	0	27	X	107000084	22	
010515	NGUYỄN SANG SANG	Nữ	16/03/2006	9.6	9.4	8.9	8.6	9.13	8.75	7.25	7.25	6.00						VA	Không có	35.25		0.00	48.38		8.75	7.25	7.25	6.00	0.00	0	0	0	0	0	0	29.25	X	411000001	22	
010516	TRẦN VĂN SÁNG	Nam	02/01/2006	9	9	9.1	9.2	9.08	8.00	9.00	9.00		8.00					TO	TI	42	42	0.00	52.08		8.00	9.00	9.00	8.00	8.00	0	0	0	0	0	0	34	X	204000008	22	
010517	LÝ THÁI SƠN	Nam	30/11/2006	7.6	8.3	7.9	8	7.95	4.00	5.25	3.00		2.00			0.25		HO	TO	12.75	16.25	0.00	29.45	Liệt CH	4.00	5.25	3.00	0.25	2.00	0	0	0	0	0	0	14.25	X	207000007	22	Liệt CH
010518	TRẦN CAO DIỄM SƯƠNG	Nữ	05/03/2006	8.9	9	9	8.7	8.90	6.75	5.75	6.25		3.00					TO	Không có	24.75		0.00	40.15		6.75	5.75	6.25	3.00	0.00	0	0	0	0	0	0	21.75	X	108000021	22	
010519	LÊ SONG ANH TÀI	Nam	08/02/2006	8.6	9.4	9.5	9.1	9.15	6.50	6.00	9.75			6.50				AN	Không có	35.25		0.00	43.90		6.50	6.00	9.75	6.50	0.00	0	0	0	0	0	0	28.75	X	108000026	22	
010520	LƯU ĐỨC TÀI	Nam	03/09/2006	9.1	9.1	9.2	8.6	9.00	6.50	7.00	9.00					5.50		HO	Không có	33.5		0.00	45.00		6.50	7.00	9.00	5.50	0.00	0	0	0	0	0	0	28		814000006	22	
010521	NGÔ QUỐC TÀI	Nam	29/04/2006	9.4	9.6	9.5	9.3	9.45	6.75	10.00	8.50		6.75					TO	TI	38.75	38.75	0.00	51.45		6.75	10.00	8.50	6.75	6.75	0	0	0	0	0	0	32	X	108000100	22	
010522	NGUYỄN THÀNH TÀI	Nam	03/05/2006	9.1	9.5	9.5	9.2	9.33	8.25	9.00	9.75		7.00					TO	TI	41	41	0.00	53.58		8.25	9.00	9.75	7.00	7.00	0	0	0	0	0	0	34	X	404000076	22	
010523	NGUYỄN VÕ HỮU TÀI	Nam	05/01/2006	9.4	9.3	9.3	9.2	9.30	8.00	9.00	6.00		4.50					TO	TI	32	32	0.00	49.30		8.00	9.00	6.00	4.50	4.50	0	0	0	0	0	0	27.5	X	405000001	22	
010524	TÔ MINH TÀI	Nam	12/12/2006	9.1	9.5	9.2	9.2	9.25	7.50	9.00	8.00		6.00					TO	Không có	36.5		0.00	50.25		7.50	9.00	8.00	6.00	0.00	0	0	0	0	0	0	30.5		210000010	22	
010525	LÊ HOÀNG MINH TÂM	Nam	23/01/2006	9	9.2	9.4	9.3	9.23	8.25	8.25	7.00		5.00			5.75		HO	TI	35	33.5	0.00	49.23		8.25	8.25	7.00	5.75	5.00	0	0	0	0	0	0	29.25	X	404000020	22	
010526	LÊ NGUYỄN NHẬT TÂM	Nam	29/11/2006	8.8	8.8	8.5	8.2	8.58	6.75	7.75	9.25		2.25	5.90				AN	TI	35.55	28.25	0.00	46.83		6.75	7.75	9.25	5.90	2.25	0	0	0	0	0	0	29.64999962	X	107000177	22	
010527	LÊ THẢO TÂM	Nữ	04/02/2006	9.2	9.1	9.1	9	9.10	8.25	6.25	7.25						4.25	SI	Không có	30.25		0.50	45.85		8.25	6.25	7.25	4.25	0.00	0	0	0	0	0	0	26	X	914000000	22	
010528	TRẦN THỊ MỸ TÂM	Nữ	20/02/2006	8.7	8.8	8.6	8.4	8.63	7.50	7.75	7.50						4.25	SI	Không có	31.25		0.00	46.63		7.50	7.75	7.50	4.25	0.00	0	0	0	0	0	0	27	X	113000010	22	
010529	ĐOÀN TRẦN DUY TÂN	Nam	23/06/2006	9	8.9	8.9	8.6	8.85	8.00	6.00	6.50		1.50	1.50				AN	TO	23.5	23.5	0.00	43.35	Liệt CH	8.00	6.00	6.50	1.50	1.50	0	0	0	0	0	0	22	X	916000002	23	Liệt CH
010530	NGUYỄN MINH THÁI	Nam	06/12/2006	8.8	8.3	8.8	8.7	8.65	8.00	8.00	4.25		3.00		3.75			LI	TI	27.75	26.25	0.00	44.90		8.00	8.00	4.25	3.75	3.00	0	0	0	0	0	0	24	X	108000004	23	
010531	PHẠM KHANG THÁI	Nữ	28/02/2006	9.7	9.7	9.7	9.4	9.63	8.00	7.25	7.25	6.00						VA	Không có	34.5		0.00	47.38		8.00	7.25	7.25	6.00	0.00	0	0	0	0	0	0	28.5	X	108000291	23	
010532	TRẦN QUANG THÁI	Nam	21/07/2006	8.7	8.9	8.9	8.6	8.78	7.50	8.00	6.50					1.75		HO	Không có	25.5		0.00	46.28	Liệt CH	7.50	8.00	6.50	1.75	0.00	0	0	0	0	0	0	23.75	X	108000247	23	Liệt CH
010533	NGÔ NHẬT LAN THANH	Nữ	04/03/2006	8.8	8	8.6	8.4	8.45	7.25	6.00	2.50	4.50						VA	Không có	24.75		0.00	37.45		7.25	6.00	2.50	4.50	0.00	0	0	0	0	0	0	20.25	X	405000046	23	
010534	NGUYỄN THỊ TRÚC THANH	Nữ	29/01/2006	9.3	9.3	9.3	9.2	9.28	6.75	7.25	5.00		3.25					TO	TI	25.5	25.5	0.00	42.28		6.75	7.25	5.00	3.25	3.25	0	0	0	0	0	0	22.25	X	404000002	23	
010535	TẠ THƯỢNG THANH	Nam	15/01/2006	8.8	8.6	8.3	8.2	8.48	8.00	8.00	5.50		6.00					TO	TI	33.5	33.5	0.50	46.48		8.00	8.00	5.50	6.00	6.00	0	0	0	0	0	0	27.5	X	912000000	23	
010536	THI THÁI THANH	Nữ	03/08/2006	9.4	9.6	9.7	9.3	9.50	7.75	7.50	7.75		3.50					TO	TI	30	30	0.00	47.75		7.75	7.50	7.75	3.50	3.50	0	0	0	0	0	0	26.5		405000141	23	
010537	VÕ THỊ TRÚC THANH	Nữ	12/06/2006	9.2	9.1	8.9	8.4	8.90	7.75	7.00	6.50		2.25				6.00	SI	TO	33.25	25.75	0.00	44.90		7.75	7.00	6.50	6.00	2.25	0	0	0	0	0	0	27.25	X	404000182	23	
010538	CHÂU KIẾN THÀNH	Nam	29/03/2006	8.7	9.1	9.2	8.8	8.95	4.50	8.00	7.00					6.75		HO	Không có	33		0.00	40.95		4.50	8.00	7.00	6.75	0.00	0	0	0	0	0	0	26.25	X	108000194	23	
010539	DIỆP PHÚ THÀNH	Nam	02/04/2006	9.2	9.6	9.6	9.4	9.45	8.50	8.75	7.75		6.00			7.00		HO	TO	39	37	0.00	51.70		8.50	8.75	7.75	7.00	6.00	0	0	0	0	0	0	32	X	404000255	23	
010540	DƯƠNG NHẬT THÀNH	Nam	01/08/2006	7.5	8.1	8.4	8.2	8.05	7.25	7.00	4.75		4.00					TO	TI	27	27	0.00	41.30		7.25	7.00	4.75	4.00	4.00	0	0	0	0	0	0	23	X	204000041	23	
010541	NGUYỄN CHÍ THÀNH	Nam	15/06/2006	9	9	9.1	8.9	9.00	6.50	7.75	9.00					6.25		HO	Không có	35.75		0.00	46.50		6.50	7.75	9.00	6.25	0.00	0	0	0	0	0	0	29.5	X	404000007	23	
010542	BIỆN PHƯƠNG THẢO	Nữ	02/08/2006	9	8.8	8.3	8.1	8.55	8.25	6.00	3.25	5.00						VA	Không có	27.5		0.00	40.30		8.25	6.00	3.25	5.00	0.00	0	0	0	0	0	0	22.5	X	217000002	23	
010543	HUỲNH THỊ THU THẢO	Nữ	23/07/2006	9.1	9.4	9	8.9	9.10	7.50	5.75	9.00			3.60				AN	Không có	29.45		0.00	44.60		7.50	5.75	9.00	3.60	0.00	0	0	0	0	0	0	25.85000038	X	210000008	23	
010544	LÊ NGỌC PHƯƠNG THẢO	Nữ	10/02/2006	8.7	8.7	8.4	8.1	8.48	7.75	5.25	8.25	3.50		3.50				AN	VA	28.25	28.25	0.00	42.73		7.75	5.25	8.25	3.50	3.50	0	0	0	0	0	0	24.75		217000000	23	
010545	LÝ THU THẢO	Nữ	17/07/2006	9.3	9	9.2	8.9	9.10	7.00	7.25	6.25		6.00					TO	TI	32.5	32.5	0.00	43.85		7.00	7.25	6.25	6.00	6.00	0	0	0	0	0	0	26.5	X	906000005	23	
010546	MAI THỊ THU THẢO	Nữ	08/08/2006	8.3	8.4	8.3	8.7	8.43	6.25	6.00	5.00	4.75						VA	Không có	26.75		0.00	37.93		6.25	6.00	5.00	4.75	0.00	0	0	0	0	0	0	22	X	207000015	23	
010547	NGUYỄN LÊ THANH THẢO	Nữ	10/03/2006	9.5	9.6	9.4	9.2	9.43	8.00	9.25	7.00		6.50					TO	TI	37.25	37.25	0.00	50.93		8.00	9.25	7.00	6.50	6.50	0	0	0	0	0	0	30.75	X	108000096	23	
010548	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	22/09/2006	9.2	9.3	9.2	9.1	9.20	8.25	6.00	9.00	5.75		2.10				VA	AN	34.75	27.45	0.00	46.70		8.25	6.00	9.00	5.75	2.10	0	0	0	0	0	0	29	X	909000001	23	
010549	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	25/03/2006	8.8	8.9	9	8.8	8.88	8.25	5.25	4.50	5.50						VA	Không có	29		0.00	40.38		8.25	5.25	4.50	5.50	0.00	0	0	0	0	0	0	23.5	X	111000017	23	
010550	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	Nữ	04/09/2006	8.3	8.8	8.7	8.7	8.63	8.25	6.25	6.75					1.25		HO	Không có	23.75		0.00	44.38	Liệt CH	8.25	6.25	6.75	1.25	0.00	0	0	0	0	0	0	22.5	X	206000006	23	Liệt CH
010551	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/01/2006	9.4	9.5	9.4	9.5	9.45	8.00	8.00	10.00			6.00				AN	Không có	38		0.00	51.45		8.00	8.00	10.00	6.00	0.00	0	0	0	0	0	0	32	X	207000002	23	
010552	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	28/02/2006	8.5	9	8.6	8.9	8.75	8.25	6.00	6.50	5.75				1.25		VA	HO	32.25	23.25	0.00	43.75	Liệt CH	8.25	6.00	6.50	5.75	1.25	0	0	0	0	0	0	26.5	X	404000230	23	Liệt CH
010553	PHẠM THỊ THU THẢO	Nữ	21/07/2006	8.6	8.8	8.7	8.4	8.63	8.25	8.00	7.25	5.50						VA	Không có	34.5		0.00	48.38		8.25	8.00	7.25	5.50	0.00	0	0	0	0	0	0	29	X	107000010	24	
010554	PHAN THANH PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/12/2006	8.3	8.7	8.7	8.3	8.50	6.50	4.25	5.50	5.00						VA	Không có	26.25		0.00	35.50		6.50	4.25	5.50	5.00	0.00	0	0	0	0	0	0	21.25	X	111000020	24	
010555	TRẦN THANH THẢO	Nữ	24/05/2006	8.2	7.8	7.5	7.5	7.75	7.50	4.00	3.25						2.75	SI	Không có	20.25		0.00	34.00		7.50	4.00	3.25	2.75	0.00	0	0	0	0	0	0	17.5	X	111000022	24	
010556	NGUYỄN VIẾT THĂNG	Nam	07/04/2006	9.4	9.4	8.8	9	9.15	7.00	8.50	6.25		5.75			1.25		TO	HO	33.25	24.25	0.00	46.40	Liệt CH	7.00	8.50	6.25	5.75	1.25	0	0	0	0	0	0	27.5	X	207000027	24	Liệt CH
010557	NGUYỄN DUY THẮNG	Nam	04/05/2006	8.4	9	9.3	8.7	8.85	6.00	7.50	6.75				6.00			LI	Không có	32.25		0.00	42.60		6.00	7.50	6.75	6.00	0.00	0	0	0	0	0	0	26.25	X	405000009	24	
010558	NGUYỄN LÊ NGỌC THI	Nữ	13/05/2006	9.4	9.5	9.5	9.3	9.43	8.75	7.75	8.25	6.75						VA	Không có	38.25		0.00	50.68		8.75	7.75	8.25	6.75	0.00	0	0	0	0	0	0	31.5	X	107000187	24	
010559	NGUYỄN MAI THI	Nữ	07/01/2006	8.7	8.8	8.5	8.6	8.65	6.50	5.25	6.25	3.50						VA	Không có	25		0.00	38.40		6.50	5.25	6.25	3.50	0.00	0	0	0	0	0	0	21.5	X	107000297	24	
010560	TRƯƠNG THỊ MAI THI	Nữ	08/07/2006	9.1	9.1	9.3	9	9.13	7.25	7.25	7.50		5.25					TO	TI	32.5	32.5	0.00	45.63		7.25	7.25	7.50	5.25	5.25	0	0	0	0	0	0	27.25	X	115000023	24	
010561	NGUYỄN MỸ THIÊN	Nữ	07/08/2006	9.4	9.4	9.2	8.9	9.23	8.25	6.00	3.00	5.00						VA	Không có	27.25		0.00	40.73		8.25	6.00	3.00	5.00	0.00	0	0	0	0	0	0	22.25	X	404000199	24	
010562	CAO MINH THỊNH	Nam	20/12/2006	8	8.5	8.4	8.5	8.35	6.25	9.00	5.50		5.25					TO	Không có	31.25		0.00	44.35		6.25	9.00	5.50	5.25	0.00	0	0	0	0	0	0	26	X	404000234	24	
010563	NGUYỄN DUY PHƯỚC THỊNH	Nam	28/01/2006	8.8	9.3	9.1	8.9	9.03	7.00	7.00	5.50		Vắng				4.25	SI	TO	28		0.00	42.53	Liệt CH	7.00	7.00	5.50	4.25	0.00	0	0	0	0	0	1	23.75	X	108000036	24	
010564	NGUYỄN GIA THỊNH	Nam	20/02/2006	8.2	7.4	8	7.5	7.78	4.25	7.50	3.50					3.25		HO	Không có	21.75		0.00	34.78		4.25	7.50	3.50	3.25	0.00	0	0	0	0	0	0	18.5	X	405000159	24	
010565	NGUYỄN PHÚC THỊNH	Nam	10/09/2006	8.4	8.5	8.5	8.1	8.38	6.00	5.50	7.00	1.75						VA	Không có	22		0.00	38.38	Liệt CH	6.00	5.50	7.00	1.75	0.00	0	0	0	0	0	0	20.25	X	107000278	24	Liệt CH
010566	NGUYỄN PHƯỚC THỊNH	Nam	26/08/2006	9.2	9.5	9.5	9.1	9.33	7.50	10.00	8.75		8.25					TO	Không có	42.75		0.00	53.08		7.50	10.00	8.75	8.25	0.00	0	0	0	0	0	0	34.5	X	404000070	24	
010567	PHẠM LÊ THỊNH	Nam	25/04/2006	8.5	8.8	8.9	8.7	8.73	6.25	7.25	8.00		2.75	3.10				AN	TO	27.7	27	0.00	43.73		6.25	7.25	8.00	3.10	2.75	0	0	0	0	0	0	24.60000038	X	404000016	24	
010568	PHAN GIA THỊNH	Nam	10/10/2006	8.9	8.9	8.7	8.3	8.70	6.75	4.50	6.50			1.20				AN	Không có	20.15		0.00	37.70	Liệt CH	6.75	4.50	6.50	1.20	0.00	0	0	0	0	0	0	18.95000076	X	108000321	24	Liệt CH
010569	TRẦN PHAN PHÚC THỊNH	Nam	22/06/2006	9.3	9.1	9.4	9.2	9.25	8.00	7.25	5.75					4.50		HO	Không có	30		0.00	45.50		8.00	7.25	5.75	4.50	0.00	0	0	0	0	0	0	25.5	X	108000068	24	
010570	TRƯƠNG QUỐC THỊNH	Nam	04/09/2006	8.4	8.8	9.1	8.8	8.78	5.75	9.00	7.00		4.75					TO	TI	31.25	31.25	0.00	45.28		5.75	9.00	7.00	4.75	4.75	0	0	0	0	0	0	26.5	X	405000006	24	
010571	LÊ ANH THÔNG	Nam	14/11/2006	7.6	8	8.5	8.8	8.23	8.00	8.25	8.25					5.75		HO	Không có	36		0.00	48.98		8.00	8.25	8.25	5.75	0.00	0	0	0	0	0	0	30.25	X	108000344	24	
010572	ĐỖ MINH THUẬN	Nam	21/09/2006	8	9.2	9.1	8.8	8.78	6.50	8.00	6.50		3.25				4.00	SI	TO	29	27.5	0.00	44.28		6.50	8.00	6.50	4.00	3.25	0	0	0	0	0	0	25	X	108000108	24	
010573	NGÔ THANH THUẬN	Nam	08/10/2006	9.6	9.6	9.7	9.5	9.60	7.50	8.00	7.00		7.00					TO	Không có	36.5		0.00	47.60		7.50	8.00	7.00	7.00	0.00	0	0	0	0	0	0	29.5	X	405000042	24	
010574	BÙI NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	24/01/2006	8.1	8.2	8.6	8.6	8.38	6.00	5.00	4.25	2.50						VA	Không có	20.25		0.00	34.63		6.00	5.00	4.25	2.50	0.00	0	0	0	0	0	0	17.75	X	107000092	24	
010575	ĐẶNG ANH THƯ	Nữ	04/10/2006	8.8	8.9	9	8.5	8.80	6.50	4.25	8.25	5.00		2.40				AN	VA	23.8	29	0.00	38.55		6.50	4.25	8.25	2.40	5.00	0	0	0	0	0	0	24	X	108000182	24	
010576	HUỲNH NGỌC ANH THƯ	Nữ	12/10/2006	9.3	9.4	9.3	9.2	9.30	8.75	8.00	9.25	5.00		2.50				AN	VA	31	36	0.00	52.05		8.75	8.00	9.25	2.50	5.00	0	0	0	0	0	0	31	X	204000002	24	
010577	LÊ MINH THƯ	Nữ	09/04/2006	9.7	9.9	9.7	9.7	9.75	8.25	8.00	9.75				8.50			LI	Không có	43		0.00	52.00		8.25	8.00	9.75	8.50	0.00	0	0	0	0	0	0	34.5	X	108000163	25	
010578	LÊ MINH THƯ	Nữ	19/06/2006	9.1	9.3	9.1	9.1	9.15	7.00	4.50	4.75		4.25					TO	TI	24.75	24.75	0.00	36.90		7.00	4.50	4.75	4.25	4.25	0	0	0	0	0	0	20.5	X	108000343	25	
010579	LÊ NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	02/12/2006	8.3	8.5	8.6	8.2	8.40	6.00	4.50	3.50		2.50			1.00		HO	TI	16	19	0.00	32.90	Liệt CH	6.00	4.50	3.50	1.00	2.50	0	0	0	0	0	0	16.5	X	113000018	25	Liệt CH
010580	LÊ NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	17/04/2006	9.1	9.1	9.3	9.1	9.15	8.25	6.75	8.00	7.00					4.50	SI	VA	32	37	0.00	47.15		8.25	6.75	8.00	4.50	7.00	0	0	0	0	0	0	30		706000056	25	
010581	NGHIÊM HÀ ANH THƯ	Nữ	12/10/2006	8.7	8.5	8.5	7.8	8.38	6.25	3.75	3.50	5.25						VA	Không có	24		0.00	31.88		6.25	3.75	3.50	5.25	0.00	0	0	0	0	0	0	18.75	X	412000005	25	
010582	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	11/12/2006	9.7	9.8	9.8	9.6	9.73	8.25	8.00	9.75			6.40				AN	Không có	38.8		0.00	51.98		8.25	8.00	9.75	6.40	0.00	0	0	0	0	0	0	32.40000153	X	108000204	25	
010583	NGUYỄN HÀ ANH THƯ	Nữ	15/11/2006	9.6	9.8	9.7	9.7	9.70	8.00	9.50	9.75		8.00	3.60				TO	AN	43.25	34.45	0.00	54.45		8.00	9.50	9.75	8.00	3.60	0	0	0	0	0	0	35.25	X	108000016	25	
010584	NGUYỄN NGỌC ĐAN THƯ	Nữ	08/07/2006	8.9	9.2	8.9	8.5	8.88	4.25	5.50	9.00			3.60				AN	Không có	25.95		0.00	37.38		4.25	5.50	9.00	3.60	0.00	0	0	0	0	0	0	22.35000038		511000002	25	
010585	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	Nữ	03/09/2006	8.9	9.3	9.2	9	9.10	8.50	5.25	6.00	7.75						VA	Không có	35.25		0.00	42.60		8.50	5.25	6.00	7.75	0.00	0	0	0	0	0	0	27.5	X	107000188	25	
010586	NGUYỄN PHÚC MINH THƯ	Nữ	27/07/2006	8.3	8.3	7.9	8.1	8.15	6.25	6.50	4.00						2.00	SI	Không có	20.75		0.00	37.65	Liệt CH	6.25	6.50	4.00	2.00	0.00	0	0	0	0	0	0	18.75	X	404000196	25	Liệt CH
010587	NGUYỄN VÕ ANH THƯ	Nữ	22/07/2006	9.5	9.3	9.3	9.1	9.30	7.75	7.50	9.75	5.75		3.90				AN	VA	32.8	36.5	0.00	49.55		7.75	7.50	9.75	3.90	5.75	0	0	0	0	0	0	30.75	X	413000002	25	
010588	NGUYỄN VÕ MINH THƯ	Nữ	14/11/2006	9.2	9.3	9.4	9.3	9.30	8.25	6.75	7.00	7.25						VA	Không có	36.5		0.00	46.30		8.25	6.75	7.00	7.25	0.00	0	0	0	0	0	0	29.25	X	107000264	25	
010589	TRẦN MINH THƯ	Nữ	19/09/2006	8.8	9	8.7	8.6	8.78	7.50	5.25	9.00	3.50		4.60				AN	VA	30.95	28.75	0.00	43.28		7.50	5.25	9.00	4.60	3.50	0	0	0	0	0	0	26.35000038	X	108000371	25	
010590	TRẦN NGỌC MAI THƯ	Nữ	12/09/2006	8.4	8.9	9.1	8.6	8.75	7.50	6.50	6.75	6.00						VA	Không có	32.75		0.00	43.50		7.50	6.50	6.75	6.00	0.00	0	0	0	0	0	0	26.75	X	404000236	25	
010591	TRẦN NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	23/07/2006	8.8	8.6	9	8.5	8.73	7.00	4.50	6.75		3.25					TO	Không có	24.75		0.00	38.48		7.00	4.50	6.75	3.25	0.00	0	0	0	0	0	0	21.5	X	107000082	25	
010592	VÕ ANH THƯ	Nữ	28/04/2006	9.4	9.4	9.3	9	9.28	7.75	7.00	9.25			4.70				AN	Không có	33.4		0.00	48.03		7.75	7.00	9.25	4.70	0.00	0	0	0	0	0	0	28.70000076	X	404000006	25	
010593	VŨ HUỲNH MINH THƯ	Nam	05/02/2006	9.1	9.2	9.1	8.3	8.93	7.75	6.00	5.25		2.25					TO	Không có	23.5		0.00	41.68		7.75	6.00	5.25	2.25	0.00	0	0	0	0	0	0	21.25	X	107000068	25	
010594	LÊ NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	Nữ	05/05/2006	9.1	9.1	9	8.9	9.03	7.50	6.75	8.25	5.50		2.60				AN	VA	27.7	33.5	0.00	45.78		7.50	6.75	8.25	2.60	5.50	0	0	0	0	0	0	28	X	108000348	25	
010595	LỮ NGỌC AN THY	Nữ	23/07/2006	8.1	8.5	8.7	8.6	8.48	7.25	6.25	9.00	4.75		3.30				AN	VA	29.1	32	0.00	44.48		7.25	6.25	9.00	3.30	4.75	0	0	0	0	0	0	27.25	X	107000098	25	

010596	PHẠM TRẦN KA THY	Nữ	11/02/2006	9.1	9.4	9.3	9.1	9.23	7.25	5.00	7.50		2.75					TO	TI	25.25	25.25	0.00	41.23		7.25	5.00	7.50	2.75	2.75	0	0	0	0	0	22.5	X	107000195	25	
010597	TRẦN NGUYỄN MAI THY	Nữ	25/04/2006	9.7	9.6	9.6	9.7	9.65	8.75	8.00	9.50			5.90				AN	Không có	38.05		0.00	52.65		8.75	8.00	9.50	5.90	0.00	0	0	0	0	0	32.15000153	X	706000057	25	
010598	TRẦN THỊ ANH THY	Nữ	12/04/2006	9.3	9.5	9.5	9.3	9.40	8.00	9.00	9.75			5.00				AN	Không có	36.75		0.00	53.15		8.00	9.00	9.75	5.00	0.00	0	0	0	0	0	31.75	X	108000361	25	
010599	BÙI NGUYỄN THUỶ TIÊN	Nữ	12/02/2006	9.2	9.2	9.3	9.1	9.20	8.25	9.00	9.50			6.10				AN	Không có	38.95		0.00	53.20		8.25	9.00	9.50	6.10	0.00	0	0	0	0	0	32.84999847	X	113000124	25	
010600	HÀ KIỀU TIÊN	Nữ	07/12/2006	8.8	8.8	8.8	8.4	8.70	5.75	6.75	6.75		3.25					TI	Không có	25.75		0.00	40.45		5.75	6.75	6.75	3.25	0.00	0	0	0	0	0	22.5	X	405000007	25	
010601	HUỲNH LÊ NGỌC TIÊN	Nữ	26/07/2006	8.9	9.1	8.8	8.9	8.93	7.00	6.50	4.00	5.75					4.75	SI	VA	27	29	0.00	39.93		7.00	6.50	4.00	4.75	5.75	0	0	0	0	0	23.25	X	107000250	26	
010602	LÊ THỊ NGỌC TIÊN	Nữ	10/08/2006	8.7	9.2	9.1	8.7	8.93	4.75	7.75	6.25		3.25					TO	TI	25.25	25.25	0.00	40.18		4.75	7.75	6.25	3.25	3.25	0	0	0	0	0	22	X	107000192	26	
010603	NGUYỄN LÊ THUỶ TIÊN	Nữ	11/04/2006	9.8	9.6	9.7	9.6	9.68	8.00	8.00	9.00		5.25					TO	TI	35.5	35.5	0.00	50.68		8.00	8.00	9.00	5.25	5.25	0	0	0	0	0	30.25	X	404000083	26	
010604	ĐƯỜNG MINH TIẾN	Nam	22/08/2006	9.2	9.5	9.3	8.8	9.20	6.75	7.25	8.50		6.00			2.25		TO	HO	34.5	27	0.00	45.70		6.75	7.25	8.50	6.00	2.25	0	0	0	0	0	28.5	X	156000002	26	
010605	LÂM TIẾN	Nam	18/06/2006	9.2	9.3	9.2	9	9.18	5.50	5.25	8.25		3.00					TO	Không có	25		0.00	38.93		5.50	5.25	8.25	3.00	0.00	0	0	0	0	0	22	X	308000005	26	
010606	PHẠM MINH TIẾN	Nam	16/05/2006	9.6	9.6	9.7	9.5	9.60	7.00	8.75	9.00		5.25					TO	Không có	35.25		0.00	50.10		7.00	8.75	9.00	5.25	0.00	0	0	0	0	0	30		405000003	26	
010607	PHẠM MINH TIẾN	Nam	03/06/2006	8.1	8.7	8.1	7.6	8.13	6.00	6.75	9.00	3.75		1.20				AN	VA	24.15	29.25	0.00	42.63	Liệt CH	6.00	6.75	9.00	1.20	3.75	0	0	0	0	0	25.5	X	407000000	26	Liệt CH
010608	TRẦN MINH TIẾN	Nam	29/07/2006	8.7	9	9	8.9	8.90	7.00	8.50	8.25		5.25					TO	Không có	34.25		0.00	48.15		7.00	8.50	8.25	5.25	0.00	0	0	0	0	0	29	X	107000044	26	
010609	TRỊNH XUÂN TIẾN	Nam	16/01/2006	8.1	8.5	8.9	8.6	8.53	5.25	5.25	7.00						4.25	SI	Không có	26		0.00	36.53		5.25	5.25	7.00	4.25	0.00	0	0	0	0	0	21.75	X	108000050	26	
010610	VĂN VÕ THẾ TIẾN	Nam	16/09/2006	9.5	9.6	9.6	9.4	9.53	6.75	8.50	7.00	5.75				2.50		HO	VA	27.25	33.75	0.00	47.03		6.75	8.50	7.00	2.50	5.75	0	0	0	0	0	28	X	404000177	26	
010611	QUÁCH KIM TIỀN	Nữ	09/12/2006	9	9.1	9	9.1	9.05	8.00	4.50	6.25	7.00						VA	Không có	32.75		0.00	40.30		8.00	4.50	6.25	7.00	0.00	0	0	0	0	0	25.75	X	111000014	26	
010612	TRẦN TRUNG TÍN	Nam	03/05/2006	8.6	8.6	7.9	7.8	8.23	4.25	4.00	7.00			2.00				AN	Không có	19.25		0.00	31.73	Liệt CH	4.25	4.00	7.00	2.00	0.00	0	0	0	0	0	17.25	X	108000180	26	Liệt CH
010613	VÕ TRẦN TÍN	Nam	27/08/2006	8.6	8.8	8.4	8.3	8.53	7.25	7.75	8.75		5.25	2.20				TI	AN	34.25	28.15	0.00	47.28		7.25	7.75	8.75	5.25	2.20	0	0	0	0	0	29	X	207000005	26	
010614	NGUYỄN CHÍ TÍNH	Nam	28/10/2006	9.5	9.7	9.3	8.9	9.35	7.75	8.50	8.25		6.50		4.00			TI	LI	37.5	32.5	0.50	50.60		7.75	8.50	8.25	6.50	4.00	0	0	0	0	0	31	X	911000004	26	
010615	HUỲNH QUỐC TỚI	Nam	16/10/2006	8.9	8.6	9	9.1	8.90	8.25	8.00	8.50	5.25					4.50	SI	VA	33.75	35.25	0.00	49.90		8.25	8.00	8.50	4.50	5.25	0	0	0	0	0	30	X	115000031	26	
010616	LÂM SƠN TRÀ	Nữ	21/07/2006	9.2	9.3	9.3	9.1	9.23	6.25	5.00	5.75						3.50	SI	Không có	24		0.00	37.48		6.25	5.00	5.75	3.50	0.00	0	0	0	0	0	20.5	X	108000159	26	
010617	NGUYỄN THANH TRÀ	Nữ	07/02/2006	9.2	9	9	9.1	9.08	7.50	7.25	7.50						6.75	SI	Không có	35.75		0.00	46.08		7.50	7.25	7.50	6.75	0.00	0	0	0	0	0	29	X	107000276	26	
010618	BÙI THỊ THÙY TRANG	Nữ	06/03/2006	8.3	8.3	8.4	8.6	8.40	6.50	7.50	4.50		2.75					TO	TI	24	24	0.00	40.90		6.50	7.50	4.50	2.75	2.75	0	0	0	0	0	21.25	X	107000058	26	
010619	MAI PHƯƠNG TRANG	Nữ	12/10/2006	8.3	7.8	8.5	8	8.15	6.00	5.75	6.00						3.50	SI	Không có	24.75		0.00	37.65		6.00	5.75	6.00	3.50	0.00	0	0	0	0	0	21.25	X	107000279	26	
010620	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	26/09/2006	9	9	9	9.1	9.03	7.00	8.00	9.25	6.25		3.70				AN	VA	31.65	36.75	0.00	48.28		7.00	8.00	9.25	3.70	6.25	0	0	0	0	0	30.5	X	207000014	26	
010621	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	04/07/2006	8.5	8.4	9	8.4	8.58	5.75	6.00	5.75					4.50		HO	Không có	26.5		0.00	37.83		5.75	6.00	5.75	4.50	0.00	0	0	0	0	0	22	X	814000010	26	
010622	TRẦN MINH TRANG	Nữ	11/10/2006	9.3	9.2	9.1	8.9	9.13	7.25	6.50	6.25	3.00						VA	Không có	26		0.00	42.88		7.25	6.50	6.25	3.00	0.00	0	0	0	0	0	23	X	108000117	26	
010623	NGUYỄN HUỲNH HOA TRANH	Nữ	07/11/2006	8.3	8.7	8.9	8.7	8.65	6.75	7.25	7.25	5.75		2.60				VA	AN	32.75	26.45	0.00	43.90		6.75	7.25	7.25	5.75	2.60	0	0	0	0	0	27	X	404000043	26	
010624	HỒ NGỌC MAI TRÂM	Nữ	30/11/2006	8.9	8.9	9.1	8.8	8.93	6.50	8.00	5.50		2.75				3.75	SI	TI	27.5	25.5	0.00	43.43		6.50	8.00	5.50	3.75	2.75	0	0	0	0	0	23.75	X	107000185	26	
010625	LÂM HOÀNG BÍCH TRÂM	Nữ	16/06/2006	9.1	9.2	9	9.1	9.10	8.00	8.00	9.00	6.75		3.10				AN	VA	31.2	38.5	0.00	50.10		8.00	8.00	9.00	3.10	6.75	0	0	0	0	0	31.75	X	117000007	27	
010626	LÊ NGỌC QUỲNH TRÂM	Nữ	15/10/2006	9.4	9.6	9.4	9.5	9.48	8.25	9.00	9.75	3.75		4.30				AN	VA	35.6	34.5	0.00	53.73		8.25	9.00	9.75	4.30	3.75	0	0	0	0	0	31.29999924	X	108000032	27	
010627	LÊ NGUYỄN THÙY TRÂM	Nữ	08/03/2006	8.7	8.9	9	8.5	8.78	6.75	7.25	8.00	4.25			1.75			VA	LI	30.5	25.5	0.00	44.78	Liệt CH	6.75	7.25	8.00	4.25	1.75	0	0	0	0	0	26.25	X	107000063	27	Liệt CH
010628	NGUYỄN BẢO TRÂM	Nữ	19/07/2006	8.7	8.8	8.8	8.8	8.78	6.75	8.00	6.00		4.25					TO	Không có	29.25		0.00	44.28		6.75	8.00	6.00	4.25	0.00	0	0	0	0	0	25	X	404000035	27	
010629	NGUYỄN ĐOÀN NGỌC TRÂM	Nữ	15/06/2006	8.9	9.2	9.1	8.7	8.98	7.25	5.25	6.00					0.75		HO	Không có	20		0.00	39.98	Liệt CH	7.25	5.25	6.00	0.75	0.00	0	0	0	0	0	19.25	X	404000296	27	Liệt CH
010630	NGUYỄN HOÀNG NGỌC TRÂM	Nữ	19/08/2006	8.8	9.2	8.7	8.8	8.88	8.25	7.75	7.75	4.75			1.75			VA	LI	33.25	27.25	0.00	48.63	Liệt CH	8.25	7.75	7.75	4.75	1.75	0	0	0	0	0	28.5	X	108000162	27	Liệt CH
010631	NGUYỄN PHÚC BẢO TRÂM	Nữ	14/02/2006	9.1	9.3	9.2	9.1	9.18	8.25	5.75	7.00	6.00		1.60				VA	AN	33	24.2	0.00	44.18	Liệt CH	8.25	5.75	7.00	6.00	1.60	0	0	0	0	0	27	X	108000131	27	Liệt CH
010632	NGUYỄN QUỲNH TRÂM	Nữ	04/04/2006	9.2	9	8.9	8.7	8.95	6.50	5.50	6.50	3.25						VA	Không có	25		0.00	39.45		6.50	5.50	6.50	3.25	0.00	0	0	0	0	0	21.75	X	107000280	27	
010633	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	25/06/2006	8.6	8.6	9	9	8.80	7.75	8.00	8.00					4.50		HO	Không có	32.75		0.00	48.30		7.75	8.00	8.00	4.50	0.00	0	0	0	0	0	28.25	X	508000002	27	
010634	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRÂM	Nữ	01/01/2006	8.6	9.1	8.8	9	8.88	7.50	5.75	5.25	5.00						VA	Không có	28.5		0.00	40.63		7.50	5.75	5.25	5.00	0.00	0	0	0	0	0	23.5	X	108000205	27	
010635	NGUYỄN THỊ THẢO TRÂM	Nữ	06/03/2006	9.5	9.7	9.5	9.5	9.55	8.50	8.00	8.75		3.25					TO	Không có	31.75		0.00	51.30		8.50	8.00	8.75	3.25	0.00	0	0	0	0	0	28.5	X	108000274	27	
010636	PHẠM THỊ THUỲ TRÂM	Nữ	10/01/2006	8.6	8.6	8.6	8.4	8.55	7.00	8.00	4.00		5.25					TO	TI	29.5	29.5	0.00	42.55		7.00	8.00	4.00	5.25	5.25	0	0	0	0	0	24.25	X	908000001	27	
010637	TRẦN HUỲNH BẢO TRÂM	Nữ	15/07/2006	9.1	9.1	9.3	9.4	9.23	8.00	7.00	9.00			4.60				AN	Không có	33.2		0.00	48.23		8.00	7.00	9.00	4.60	0.00	0	0	0	0	0	28.60000038	X	108000103	27	
010638	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	13/02/2006	8.4	8.9	8.6	8.7	8.65	7.25	3.75	7.00			2.40				AN	Không có	22.8		0.00	37.65		7.25	3.75	7.00	2.40	0.00	0	0	0	0	0	20.39999962	X	108000139	27	
010639	NGUYỄN NGỌC VIỆT TRÂN	Nữ	12/02/2006	8.7	8.8	9.1	8.5	8.78	7.25	7.75	7.25	2.75		1.20				AN	VA	24.65	27.75	0.00	46.03	Liệt CH	7.25	7.75	7.25	1.20	2.75	0	0	0	0	0	25	X	107000071	27	Liệt CH
010640	NGUYỄN NGỌC TRÂN	Nữ	05/11/2006	9	8.9	9.1	8.9	8.98	8.75	7.75	5.50	5.50						VA	Không có	33		0.00	47.48		8.75	7.75	5.50	5.50	0.00	0	0	0	0	0	27.5	X	909000003	27	
010641	NGUYỄN THỊ HỒNG TRÂN	Nữ	15/01/2006	9	8.9	8.7	8.6	8.80	7.25	5.50	3.75	5.75						VA	Không có	28		0.00	38.05		7.25	5.50	3.75	5.75	0.00	0	0	0	0	0	22.25	X	111000062	27	
010642	PHẠM NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	23/01/2006	9.2	9.1	9	8.7	9.00	7.50	6.50	7.00			2.10				AN	Không có	25.2		0.50	44.50		7.50	6.50	7.00	2.10	0.00	0	0	0	0	0	23.10000038	X	208000001	27	
010643	PHẠM THỊ BẢO TRÂN	Nữ	11/07/2006	8.8	8.9	8.9	9	8.90	8.00	7.00	6.25					2.50		HO	Không có	26.25		0.00	45.15		8.00	7.00	6.25	2.50	0.00	0	0	0	0	0	23.75	X	404000233	27	
010644	TÔNG PHẠM HUYỀN TRÂN	Nữ	17/10/2006	9	8.9	9.2	8.8	8.98	7.00	7.00	6.25		4.75					TO	Không có	29.75		0.00	43.23		7.00	7.00	6.25	4.75	0.00	0	0	0	0	0	25	X	404000226	27	
010645	TRẦN BẢO TRÂN	Nữ	27/12/2006	9	9	9.3	9	9.08	7.50	8.00	6.25					4.00		HO	Không có	29.75		0.00	46.33		7.50	8.00	6.25	4.00	0.00	0	0	0	0	0	25.75	X	404000249	27	
010646	TRẦN THỊ HUYỀN TRÂN	Nữ	03/01/2006	9.1	9	9	8.2	8.83	6.00	5.75	7.75	4.25						VA	Không có	28		0.00	40.08		6.00	5.75	7.75	4.25	0.00	0	0	0	0	0	23.75	X	405000117	27	
010647	VÕ HUYỀN TRÂN	Nữ	29/08/2006	8.9	8.5	8.9	8.9	8.80	8.75	8.00	6.75	5.50						VA	Không có	34.5		0.50	49.55		8.75	8.00	6.75	5.50	0.00	0	0	0	0	0	29	X	914000013	27	
010648	ĐỖ MINH TRÍ	Nam	28/11/2006	8.7	8.9	9.1	7.6	8.58	7.00	7.25	5.00					3.25		HO	Không có	25.75		0.00	42.08		7.00	7.25	5.00	3.25	0.00	0	0	0	0	0	22.5	X	413000001	27	
010649	LÊ TRẦN ĐỨC TRÍ	Nam	20/12/2006	8	8	8	8.4	8.05	5.75	4.50	8.00	4.00		2.10				AN	VA	22.45	26.25	0.00	36.55		5.75	4.50	8.00	2.10	4.00	0	0	0	0	0	22.25	X	107000072	28	
010650	LÊ VÕ ĐỨC TRÍ	Nam	31/10/2006	8.5	8.7	8.4	8.6	8.55	6.00	7.50	8.75			2.70				AN	Không có	27.65		0.00	44.30		6.00	7.50	8.75	2.70	0.00	0	0	0	0	0	24.95000076	X	108000043	28	
010651	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	28/12/2006	8	8.4	8.8	8.7	8.48	7.75	7.50	6.50		4.75					TO	TI	31.25	31.25	0.00	45.48		7.75	7.50	6.50	4.75	4.75	0	0	0	0	0	26.5	X	113000016	28	
010652	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	23/07/2006	8.9	9.3	9.4	9.3	9.23	7.00	9.00	7.75		6.00					TO	TI	35.75	35.75	0.00	48.98		7.00	9.00	7.75	6.00	6.00	0	0	0	0	0	29.75	X	404000042	28	
010653	NGUYỄN THANH TRÍ	Nam	05/05/2006	8.5	8.3	8.3	8.6	8.43	6.25	6.00	7.00					7.00		HO	Không có	33.25		0.00	39.93		6.25	6.00	7.00	7.00	0.00	0	0	0	0	0	26.25	X	606000128	28	
010654	NGUYỄN MINH TRIẾT	Nam	30/06/2006	8.2	8.4	8.8	8.6	8.50	5.75	9.25	3.50		7.00					TO	TI	32.5	32.5	0.00	42.00		5.75	9.25	3.50	7.00	7.00	0	0	0	0	0	25.5	X	107000191	28	
010655	LÊ THANH TRIỀU	Nam	01/01/2006	8.5	7.9	7.8	8.2	8.10	7.25	6.00	8.50			2.80				AN	Không có	27.35		0.00	43.10		7.25	6.00	8.50	2.80	0.00	0	0	0	0	0	24.54999924	X	404000013	28	
010656	NGUYỄN THÁI HẢI TRIỀU	Nữ	30/04/2006	9.6	9.8	9.4	9.5	9.58	7.75	7.75	10.00		6.25	3.70				TO	AN	38	32.9	0.00	50.58		7.75	7.75	10.00	6.25	3.70	0	0	0	0	0	31.75	X	108000006	28	
010657	LỮ NGỌC PHƯƠNG TRINH	Nữ	15/07/2006	9.4	9.3	9.4	9.2	9.33	8.75	7.50	7.75	5.00						VA	Không có	34		0.00	49.58		8.75	7.50	7.75	5.00	0.00	0	0	0	0	0	29	X	113000099	28	
010658	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	Nữ	13/07/2006	9	9.2	9.3	8.6	9.03	7.00	4.25	4.00					1.25		HO	Không có	17.75		0.00	35.53	Liệt CH	7.00	4.25	4.00	1.25	0.00	0	0	0	0	0	16.5	X	309000003	28	Liệt CH
010659	NGUYỄN THỊ TÚ TRINH	Nữ	27/04/2006	8.5	8.9	9	8.8	8.80	8.00	7.00	5.75						4.50	SI	Không có	29.75		0.50	45.05		8.00	7.00	5.75	4.50	0.00	0	0	0	0	0	25.25	X	809000002	28	
010660	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG	Nam	24/02/2006	7.3	7.6	7.8	8.1	7.70	4.00	3.25	4.25						2.50	SI	Không có	16.5		0.00	26.45		4.00	3.25	4.25	2.50	0.00	0	0	0	0	0	14	X	108000124	28	
010661	HOÀNG NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	13/08/2006	8.5	8.7	8.6	8	8.45	6.50	6.25	7.75	4.25		3.20				AN	VA	26.9	29	0.00	41.70		6.50	6.25	7.75	3.20	4.25	0	0	0	0	0	24.75	X	107000175	28	
010662	LÊ NGỌC TRÚC	Nam	16/06/2006	9.1	9.1	8.9	8.6	8.93	6.00	8.00	6.00		4.50					TO	TI	29	29	0.00	42.93		6.00	8.00	6.00	4.50	4.50	0	0	0	0	0	24.5	X	107000190	28	
010663	NGÔ BÌNH PHƯƠNG TRÚC	Nữ	08/01/2006	9.3	9.3	8.6	8.2	8.85	7.25	6.25	6.50	3.75						VA	Không có	27.5		0.00	42.35		7.25	6.25	6.50	3.75	0.00	0	0	0	0	0	23.75	X	156000006	28	
010664	NGUYỄN ANH TRÚC	Nữ	23/01/2006	9.8	9.8	9.7	9.6	9.73	8.25	8.00	9.00			5.50				AN	Không có	36.25		0.00	51.23		8.25	8.00	9.00	5.50	0.00	0	0	0	0	0	30.75	X	906000002	28	
010665	NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC	Nữ	02/03/2006	9.1	9.4	9.3	9.2	9.25	6.25	9.00	6.75		4.75					TO	TI	31.5	31.5	0.00	46.50		6.25	9.00	6.75	4.75	4.75	0	0	0	0	0	26.75	X	309000000	28	
010666	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	03/02/2006	8.9	9.1	9	8.7	8.93	7.50	7.50	6.75					1.75		HO	Không có	25.25		0.00	45.68	Liệt CH	7.50	7.50	6.75	1.75	0.00	0	0	0	0	0	23.5	X	107000236	28	Liệt CH
010667	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	03/07/2006	8.4	8.3	8.1	8	8.20	7.00	6.75	6.50		2.50	1.80				AN	TO	23.85	25.25	0.00	42.20	Liệt CH	7.00	6.75	6.50	1.80	2.50	0	0	0	0	0	22.75	X	404000045	28	Liệt CH
010668	NGUYỄN THỊ NHÃ TRÚC	Nữ	04/09/2006	9.3	9.2	9.5	9.4	9.35	8.00	8.00	9.75			4.70				AN	Không có	35.15		0.00	51.10		8.00	8.00	9.75	4.70	0.00	0	0	0	0	0	30.45000076	X	113000025	28	
010669	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	04/09/2006	9	9.1	9.5	9.4	9.25	8.00	8.25	9.25			4.30				AN	Không có	34.1		0.00	51.00		8.00	8.25	9.25	4.30	0.00	0	0	0	0	0	29.79999924	X	113000024	28	
010670	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	17/01/2006	8.4	8.6	8.7	8.4	8.53	6.25	8.00	5.25		3.25					TO	Không có	26		0.00	42.28		6.25	8.00	5.25	3.25	0.00	0	0	0	0	0	22.75	X	404000183	28	
010671	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	14/11/2006	9.2	9.2	9.3	8.9	9.15	8.00	7.00	8.25	3.25					4.25	VA	SI	29.75	31.75	0.00	47.40		8.00	7.00	8.25	3.25	4.25	0	0	0	0	0	27.5	X	909000020	28	
010672	VÕ PHƯƠNG TRÚC	Nữ	06/01/2006	9.1	9.2	9.1	9.2	9.15	8.50	8.00	8.25		4.25					TO	Không có	33.25		0.00	50.40		8.50	8.00	8.25	4.25	0.00	0	0	0	0	0	29	X	108000069	28	
010673	VŨ NGỌC THANH TRÚC	Nữ	29/09/2006	8.8	8.9	8.9	8.9	8.88	7.25	5.50	6.50						4.00	SI	Không có	27.25		0.00	40.88		7.25	5.50	6.50	4.00	0.00	0	0	0	0	0	23.25	X	207000009	29	
010674	TRẦN DUY TRUNG	Nam	19/09/2006	8.9	9	8.6	8.5	8.75	7.75	5.50	5.75	2.75			4.00			LI	VA	27	24.5	0.00	41.00		7.75	5.50	5.75	4.00	2.75	0	0	0	0	0	23	X	108000123	29	
010675	NGUYỄN LÊ NGUYÊN TRỰC	Nam	12/12/2006	7.8	7.9	7.5	7.6	7.70	5.00	4.00	5.25						2.25	SI	Không có	18.75		0.00	30.95		5.00	4.00	5.25	2.25	0.00	0	0	0	0	0	16.5	X	107000290	29	
010676	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	Nam	06/11/2006	8.9	9.3	9	9.3	9.13	7.25	7.75	8.00		6.00					TO	TI	35	35	0.00	47.13		7.25	7.75	8.00	6.00	6.00	0	0	0	0	0	29	X	108000157	29	
010677	DIỆP KHẢ TÚ	Nữ	16/04/2006	8.3	8.7	8.9	8.4	8.58	5.00	5.25	5.50						3.25	SI	Không có	22.25		0.00	34.58		5.00	5.25	5.50	3.25	0.00	0	0	0	0	0	19	X	108000005	29	
010678	LẠI NGỌC MINH TÚ	Nữ	13/04/2006	8.8	8.4	9.2	8.7	8.78	6.75	7.75	5.00		5.50					TO	TI	30.5	30.5	0.00	42.78		6.75	7.75	5.00	5.50	5.50	0	0	0	0	0	25	X	113000013	29	
010679	NGUYỄN HOÀNG TÚ	Nam	19/03/2006	8.8	7.9	7.6	7.4	7.93	4.00	7.00	6.50						4.50	SI	Không có	26.5		0.00	36.43		4.00	7.00	6.50	4.50	0.00	0	0	0	0	0	22	X	506000002	29	
010680	TANH HUỆ TÚ	Nữ	26/07/2006	9.4	9.1	9.4	9	9.23	7.50	8.00	6.50		5.50					TO	TI	33	33	0.50	47.23		7.50	8.00	6.50	5.50	5.50	0	0	0	0	0	27.5	X	404000176	29	
010681	HUỲNH LÊ QUAN TUẤN	Nam	23/05/2006	8.6	8.5	8.4	8.7	8.55	7.50	7.50	5.75		3.00					TI	TO	26.75	26.75	0.00	44.30		7.50	7.50	5.75	3.00	3.00	0	0	0	0	0	23.75	X	404000041	29	
010682	PHẠM HỒ MINH TUỆ	Nữ	13/02/2006	8.2	8.5	8.6	8.7	8.50	8.00	3.25	6.25			1.30				AN	Không có	20.1		0.00	37.25	Liệt CH	8.00	3.25	6.25	1.30	0.00	0	0	0	0	0	18.79999924	X	114000000	29	Liệt CH
010683	PHẠM NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	05/12/2006	9.4	9.5	9.6	9.4	9.48	6.50	8.00	10.00			6.80				AN	Không có	38.1		0.00	48.48		6.50	8.00	10.00	6.80	0.00	0	0	0	0	0	31.29999924	X	108000165	29	
010684	TRẦN MAI XUÂN TÙNG	Nam	26/03/2006	9.1	9.1	8.9	8.7	8.95	7.50	7.00	9.25			3.30				AN	Không có	30.35		0.00	47.20		7.50	7.00	9.25	3.30	0.00	0	0	0	0	0	27.04999924	X	909000014	29	
010685	NGUYỄN THỊ KIM TUYỀN	Nữ	02/02/2006	9.7	9.7	9.6	9.5	9.63	8.25	8.00	9.50				6.25			LI	Không có	38.25		0.00	51.63		8.25	8.00	9.50	6.25	0.00	0	0	0	0	0	32	X	405000140	29	
010686	PHẠM CÔNG VĨ TUYẾN	Nữ	22/09/2006	8.8	8.5	8.1	8.3	8.43	5.25	5.50	9.00	4.75		2.20				VA	AN	29.25	24.15	1.50	40.43		5.25	5.50	9.00	4.75	2.20	0	0	0	0	0	24.5	X	107000074	29	
010687	ĐÀO NGỌC THANH TUYỀN	Nữ	30/07/2006	9	8.9	8.9	8.7	8.88	5.50	9.00	4.75		3.50					TO	TI	26.25	26.25	0.00	42.63		5.50	9.00	4.75	3.50	3.50	0	0	0	0	0	22.75	X	107000062	29	
010688	HUỲNH THỊ MỘNG TUYỀN	Nữ	08/07/2006	9.8	9.8	9.7	9.6	9.73	7.25	8.00	9.25			4.00				AN	Không có	32.5		0.00	49.48		7.25	8.00	9.25	4.00	0.00	0	0	0	0	0	28.5	X	405000146	29	
010689	LÊ MINH TUYỀN	Nữ	18/10/2006	8.8	8.9	9.1	8.9	8.93	6.50	6.75	5.50		2.00					TO	TI	22.75	22.75	0.00	40.93	Liệt CH	6.50	6.75	5.50	2.00	2.00	0	0	0	0	0	20.75	X	308000002	29	Liệt CH
010690	NGUYỄN ĐẶNG THANH TUYỀN	Nữ	17/04/2006	9.3	9.1	9	8.1	8.88	8.00	5.00	6.00	6.50					4.75	SI	VA	28.5	32	0.00	40.88		8.00	5.00	6.00	4.75	6.50	0	0	0	0	0	25.5	X	413000021	29	
010691	NGUYỄN NGỌC TUYỀN	Nữ	12/06/2006	9.6	9.7	9.6	9.4	9.58	7.75	10.00	8.25		6.75					TO	TI	39.5	39.5	0.00	53.33		7.75	10.00	8.25	6.75	6.75	0	0	0	0	0	32.75	X	107000032	29	
010692	VÕ PHẠM THANH TUYỀN	Nữ	07/03/2006	9.2	9.3	9.3	9	9.20	7.75	9.00	7.00		6.50					TO	TI	36.75	36.75	0.00	49.70		7.75	9.00	7.00	6.50	6.50	0	0	0	0	0	30.25	X	404000033	29	
010693	VÕ THỊ BÍCH TUYỀN	Nữ	18/10/2006	8.9	9	9	8.7	8.90	8.00	3.50	4.75	5.50						VA	Không có	27.25		0.00	36.65		8.00	3.50	4.75	5.50	0.00	0	0	0	0	0	21.75	X	115000026	29	
010694	MAI LÊ CÁT TƯỜNG	Nữ	07/01/2006	9.7	9.9	9.7	9.7	9.75	7.50	10.00	8.75		7.00	2.60				TO	AN	40.25	31.45	0.00	53.50		7.50	10.00	8.75	7.00	2.60	0	0	0	0	0	33.25	X	108000209	29	
010695	NGUYỄN NGỌC CÁT TƯỜNG	Nữ	13/05/2006	9.6	9.6	9.5	9	9.43	5.75	5.50	7.00	4.75		1.80				VA	AN	27.75	21.85	0.00	38.93	Liệt CH	5.75	5.50	7.00	4.75	1.80	0	0	0	0	0	23	X	408000001	29	Liệt CH
010696	VÕ NGỌC CÁT TƯỜNG	Nữ	19/03/2006	8.9	9	9	8.8	8.93	7.50	6.25	9.00			3.60				AN	Không có	29.95		0.00	45.43		7.50	6.25	9.00	3.60	0.00	0	0	0	0	0	26.35000038	X	404000063	29	
010697	HÀ PHẠM KHÁNH UYÊN	Nữ	01/10/2006	8.7	9.1	9	8.8	8.90	7.50	7.50	6.50		4.00					TO	TI	29.5	29.5	0.00	45.40		7.50	7.50	6.50	4.00	4.00	0	0	0	0	0	25.5	X	207000023	30	
010698	HUỲNH NGỌC NHÃ UYÊN	Nữ	04/02/2006	9	9.2	9.4	8.8	9.10	8.50	6.50	8.25			2.50				AN	Không có	28.25		0.00	47.35		8.50	6.50	8.25	2.50	0.00	0	0	0	0	0	25.75	X	404000075	30	
010699	LÊ BẢO UYÊN	Nữ	13/09/2006	9.1	9.2	9.1	9	9.10	7.75	7.75	6.25		5.00					TO	TI	31.75	31.75	0.00	46.35		7.75	7.75	6.25	5.00	5.00	0	0	0	0	0	26.75	X	107000035	30	
010700	LÊ NGỌC MINH UYÊN	Nữ	26/11/2006	8.3	8.5	8.4	8.1	8.33	6.25	6.00	4.75			1.70				AN	Không có	20.4		0.00	37.58	Liệt CH	6.25	6.00	4.75	1.70	0.00	0	0	0	0	0	18.70000076	X	108000141	30	Liệt CH
010701	MAI BÙI PHƯƠNG UYÊN	Nữ	31/08/2006	9.4	9.5	9.4	9.1	9.35	8.25	6.75	6.50				4.75			LI	Không có	31		0.00	45.85		8.25	6.75	6.50	4.75	0.00	0	0	0	0	0	26.25	X	108000001	30	
010702	NGUYỄN NGỌC NHẬT UYÊN	Nữ	11/01/2006	9.3	9.3	9.2	8.9	9.18	8.75	8.00	9.50			3.60				AN	Không có	33.45		0.00	52.18		8.75	8.00	9.50	3.60	0.00	0	0	0	0	0	29.85000038	X	909000006	30	
010703	NGUYỄN PHAN THẢO UYÊN	Nữ	21/02/2006	8.8	8.6	8.2	7.8	8.35	6.25	7.25	3.75	2.75					1.00	VA	SI	22.75	19.25	0.00	39.10	Liệt CH	6.25	7.25	3.75	2.75	1.00	0	0	0	0	0	20	X	404000078	30	Liệt CH
010704	PHAN THỊ THẢO UYÊN	Nữ	13/03/2006	9.6	9.5	9.7	9.5	9.58	5.25	6.50	4.25						5.50	SI	Không có	27		0.00	37.33		5.25	6.50	4.25	5.50	0.00	0	0	0	0	0	21.5	X	512000000	30	
010705	TRẦN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	Nữ	16/11/2006	8.4	9	9.3	9.1	8.95	8.50	5.75	8.75	6.75				1.50		VA	HO	36.5	26	0.00	46.20	Liệt CH	8.50	5.75	8.75	6.75	1.50	0	0	0	0	0	29.75	X	108000058	30	Liệt CH
010706	TRẦN NGUYỄN HOÀNG UYÊN	Nữ	08/09/2006	9.1	9.4	9.5	9.5	9.38	7.75	7.00	9.00	4.50		3.20				AN	VA	30.15	32.75	0.00	47.88		7.75	7.00	9.00	3.20	4.50	0	0	0	0	0	28.25	X	404000047	30	
010707	TRẦN NGUYỄN THẢO UYÊN	Nữ	07/09/2006	9.4	9.4	9.5	9.3	9.40	8.00	9.00	9.75			4.40				AN	Không có	35.55		0.00	53.15		8.00	9.00	9.75	4.40	0.00	0	0	0	0	0	31.14999962	X	113000021	30	
010708	VÕ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	16/03/2006	9.2	8.9	9	9	9.03	7.75	8.00	8.25		3.00					TO	TI	30	30	0.00	48.78		7.75	8.00	8.25	3.00	3.00	0	0	0	0	0	27	X	115000146	30	
010709	CÔ HOÀNG THẢO VÂN	Nữ	28/04/2006	8.6	8.9	9	8.8	8.83	7.00	5.25	7.50	4.25						VA	Không có	28.25		0.00	40.83		7.00	5.25	7.50	4.25	0.00	0	0	0	0	0	24	X	108000142	30	
010710	LÊ HỒNG VÂN	Nữ	10/12/2006	8.9	9	9.1	8.3	8.83	7.25	6.50	8.25		4.75					TO	TI	31.5	31.5	0.00	44.58		7.25	6.50	8.25	4.75	4.75	0	0	0	0	0	26.75	X	405000227	30	
010711	LÝ TRẦN KHÁNH VÂN	Nữ	29/05/2006	8.7	9.1	9.2	8.8	8.95	6.50	7.25	7.50	4.25		1.80				AN	VA	24.85	29.75	0.00	43.95	Liệt CH	6.50	7.25	7.50	1.80	4.25	0	0	0	0	0	25.5	X	108000149	30	Liệt CH
010712	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG VÂN	Nữ	14/10/2006	9.8	9.6	9.7	9.7	9.70	5.00	10.00	9.50		7.00					TO	TI	38.5	38.5	0.00	49.20		5.00	10.00	9.50	7.00	7.00	0	0	0	0	0	31.5	X	506000000	30	
010713	NGUYỄN HOA VÂN	Nữ	08/10/2006	9.4	9.2	9	8.9	9.13	5.00	6.75	6.25		4.25				3.75	SI	TO	25.5	26.5	0.00	38.88		5.00	6.75	6.25	3.75	4.25	0	0	0	0	0	22.25	X	404000195	30	
010714	TRƯƠNG THỊ KIỀU VÂN	Nữ	01/10/2006	9.5	9.5	9.5	9.2	9.43	8.25	7.25	8.25	7.00		2.00				VA	AN	37.75	27.75	0.00	48.68	Liệt CH	8.25	7.25	8.25	7.00	2.00	0	0	0	0	0	30.75	X	108000014	30	Liệt CH
010715	DƯƠNG MINH KHẢ VI	Nữ	20/08/2006	9.2	9.4	9.6	9.2	9.35	7.00	7.75	10.00		4.50	5.50				AN	TO	35.75	33.75	0.00	48.85		7.00	7.75	10.00	5.50	4.50	0	0	0	0	0	30.25	X	108000198	30	
010716	LÊ CÁC VI	Nữ	05/05/2006	8.6	8.9	9	8.9	8.85	7.75	7.00	6.00					0.50		HO	Không có	21.75		0.00	44.35	Liệt CH	7.75	7.00	6.00	0.50	0.00	0	0	0	0	0	21.25	X	107000198	30	Liệt CH
010717	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	Nữ	11/01/2006	9.6	9.5	9.6	9.1	9.45	8.75	6.75	9.75			3.10				AN	Không có	31.45		0.00	50.20		8.75	6.75	9.75	3.10	0.00	0	0	0	0	0	28.35000038	X	909000002	30	
010718	TRẦN CÁT TƯỜNG VI	Nữ	10/08/2006	8.9	9.1	8.9	9.1	9.00	6.50	8.00	6.75						7.25	SI	Không có	35.75		0.00	44.75		6.50	8.00	6.75	7.25	0.00	0	0	0	0	0	28.5	X	108000062	30	
010719	VŨ HÀ VI	Nữ	17/11/2006	9.2	9.3	9.4	9.4	9.33	7.50	9.00	9.00					5.25		HO	Không có	36		0.00	51.33		7.50	9.00	9.00	5.25	0.00	0	0	0	0	0	30.75	X	909000016	30	
010720	LÊ CHÍ VIỆT	Nam	20/07/2006	9	8.9	9	8.9	8.95	7.50	7.75	6.50		5.25		3.50			TO	LI	32.25	28.75	0.00	45.95		7.50	7.75	6.50	5.25	3.50	0	0	0	0	0	27	X	513000020	30	
010721	LÂM THANH VINH	Nam	14/01/2006	9.2	9.6	9.5	9.6	9.48	8.00	8.00	9.50			4.30				AN	Không có	34.1		0.00	50.98		8.00	8.00	9.50	4.30	0.00	0	0	0	0	0	29.79999924	X	404000030	31	
010722	NGUYỄN CÔNG VINH	Nam	12/09/2006	9.3	9.2	9.1	8.9	9.13	7.50	8.00	7.75					2.75		HO	Không có	28.75		0.00	47.88		7.50	8.00	7.75	2.75	0.00	0	0	0	0	0	26	X	116000001	31	
010723	NGUYỄN ĐĂNG VINH	Nam	12/09/2006	8.9	9.4	9.6	9.5	9.35	8.50	7.50	7.25	4.75						VA	Không có	32.75		0.00	48.60		8.50	7.50	7.25	4.75	0.00	0	0	0	0	0	28	X	404000181	31	
010724	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	30/04/2006	9	9.3	9	8.6	8.98	3.00	8.00	6.50				2.50			LI	Không có	22.5		0.00	37.48		3.00	8.00	6.50	2.50	0.00	0	0	0	0	0	20	X	107000094	31	
010725	TRẦN CAO VINH	Nam	18/06/2006	8	8	8.1	7.5	7.90	5.75	6.25	4.00		4.00					TO	TI	24	24	0.00	35.90		5.75	6.25	4.00	4.00	4.00	0	0	0	0	0	20	X	909000019	31	
010726	LƯU HOÀNG VŨ	Nam	18/02/2006	8.9	9.2	9.2	9	9.08	5.75	7.75	9.50			5.90				AN	Không có	34.8		0.00	45.58		5.75	7.75	9.50	5.90	0.00	0	0	0	0	0	28.89999962	X	108000235	31	
010727	NGUYỄN VƯƠNG PHI VŨ	Nam	03/06/2006	9.5	9.8	9.7	9.5	9.63	7.50	7.50	9.00				10.00			LI	Không có	44		0.00	48.63		7.50	7.50	9.00	10.00	0.00	0	0	0	0	0	34	X	108000184	31	
010728	HUỲNH QUỐC VƯƠNG	Nam	06/09/2006	7.6	7.7	8.5	8.8	8.15	7.75	5.25	8.00			3.40				AN	Không có	27.8		0.00	42.15		7.75	5.25	8.00	3.40	0.00	0	0	0	0	0	24.39999962	X	404000247	31	
010729	DƯƠNG THÚY VY	Nữ	25/01/2006	8.8	8.4	8.6	8.9	8.68	7.75	8.50	7.25						4.25	SI	Không có	32		0.00	48.43		7.75	8.50	7.25	4.25	0.00	0	0	0	0	0	27.75	X	117000011	31	
010730	LÂM NGỌC YẾN VY	Nữ	03/05/2006	9.3	9.6	9.5	9	9.35	7.75	8.00	8.00		3.50					TO	Không có	30.75		0.00	48.85		7.75	8.00	8.00	3.50	0.00	0	0	0	0	0	27.25	X	412000042	31	
010731	LÊ NGUYỄN NHẬT VY	Nữ	11/07/2006	9.3	9.3	9.4	9.3	9.33	7.75	9.00	7.25	4.75		2.20				AN	VA	28.4	33.5	0.00	50.08		7.75	9.00	7.25	2.20	4.75	0	0	0	0	0	28.75	X	404000023	31	
010732	LÊ NHẬT VY	Nữ	18/11/2006	9	9.4	9.5	9.4	9.33	7.50	8.00	9.25	5.25		3.30				AN	VA	31.35	35.25	0.00	49.58		7.50	8.00	9.25	3.30	5.25	0	0	0	0	0	30	X	404000079	31	
010733	LÊ THỊ THẢO VY	Nữ	13/10/2006	9.4	9.4	9.3	9.2	9.33	6.75	6.75	7.75					3.25		HO	Không có	27.75		0.00	44.08		6.75	6.75	7.75	3.25	0.00	0	0	0	0	0	24.5	X	506000016	31	
010734	LÊ THỊ YẾN VY	Nữ	01/06/2006	8	8.4	8.8	8.3	8.38	6.50	5.75	6.25	3.75						VA	Không có	26		0.00	39.13		6.50	5.75	6.25	3.75	0.00	0	0	0	0	0	22.25	X	113000052	31	
010735	MAI NGỌC VY	Nữ	07/07/2006	9.4	9.5	9.4	9.4	9.43	8.75	7.00	7.75			3.10				AN	Không có	29.7		0.00	48.68		8.75	7.00	7.75	3.10	0.00	0	0	0	0	0	26.60000038	X	906000001	31	
010736	NGÔ THỊ YẾN VY	Nữ	11/01/2006	9.2	8.8	8.6	8.4	8.75	6.75	7.25	2.75						4.25	SI	Không có	25.25		0.00	39.50		6.75	7.25	2.75	4.25	0.00	0	0	0	0	0	21	X	108000248	31	
010737	NGUYỄN BẢO VY	Nữ	21/01/2006	9.5	9.4	9.4	9.4	9.43	6.50	8.00	6.50		2.50					TO	Không có	26		0.00	44.93		6.50	8.00	6.50	2.50	0.00	0	0	0	0	0	23.5	X	404000254	31	
010738	NGUYỄN ĐOÀN TRÚC VY	Nữ	22/06/2006	9.2	9.5	9.3	9.2	9.30	8.00	8.00	9.00					4.75		HO	Không có	34.5		0.00	50.30		8.00	8.00	9.00	4.75	0.00	0	0	0	0	0	29.75	X	107000152	31	
010739	NGUYỄN KHÁNH VY	Nữ	29/10/2006	8.9	9.4	9.2	9	9.13	7.00	10.00	8.00		4.00					TO	TI	33	33	0.00	51.13		7.00	10.00	8.00	4.00	4.00	0	0	0	0	0	29	X	108000368	31	
010740	NGUYỄN LÊ NGỌC VY	Nữ	18/10/2006	9.5	9.2	8.9	9.1	9.18	6.50	6.75	9.25						7.00	SI	Không có	36.5		0.00	44.93		6.50	6.75	9.25	7.00	0.00	0	0	0	0	0	29.5	X	508000006	31	
010741	NGUYỄN MINH VY	Nữ	05/08/2006	8.4	8.6	7.9	7.7	8.15	7.25	6.00	7.00		2.25					TO	Không có	24.75		0.00	41.65		7.25	6.00	7.00	2.25	0.00	0	0	0	0	0	22.5	X	207000018	31	
010742	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	Nữ	01/09/2006	8.7	9.3	9.2	8.7	8.98	8.25	4.75	6.00	4.75						VA	Không có	28.5		0.00	40.98		8.25	4.75	6.00	4.75	0.00	0	0	0	0	0	23.75	X	412000024	31	
010743	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG VY	Nữ	04/08/2006	8.6	8.3	9	8.9	8.70	5.50	7.00	7.00		3.25					TO	TI	26	26	0.00	40.70		5.50	7.00	7.00	3.25	3.25	0	0	0	0	0	22.75	X	404000074	31	
010744	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	13/03/2006	8.5	8.9	8.8	8.8	8.75	7.75	7.00	7.25				2.50			LI	Không có	27		0.00	45.50		7.75	7.00	7.25	2.50	0.00	0	0	0	0	0	24.5	X	206000007	31	

010745	NGUYỄN PHẠM THÚY VY	Nữ	16/11/2006	9.3	9.2	9.5	9.5	9.38	7.25	8.00	9.75	6.00				5.50	TO	SI	37	36	0.00	49.63	7.25	8.00	9.75	6.00	5.50	0	0	0	0	0	31	X	207000001	32	
010746	NGUYỄN THẢO VY	Nữ	01/01/2006	9.6	9.7	9.6	9.4	9.58	8.75	8.25	9.50	4.00	2.90				AN	TI	32.3	34.5	0.00	53.08	8.75	8.25	9.50	2.90	4.00	0	0	0	0	0	30.5	X	107000194	32	
010747	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	30/12/2006	9.1	9.1	9.3	9.1	9.15	6.50	6.50	6.00					4.25	SI	Không có	27.5		0.00	41.15	6.50	6.50	6.00	4.25	0.00	0	0	0	0	0	23.25	X	107000134	32	
010748	NGUYỄN YẾN VY	Nữ	02/06/2006	9.5	9.5	9.4	9.2	9.40	7.75	8.25	9.00	6.50					TO	TI	38	38	0.00	50.40	7.75	8.25	9.00	6.50	6.50	0	0	0	0	0	31.5		909000011	32	
010749	PHẠM THUỲ THẢO VY	Nữ	17/03/2006	9	9.2	9.2	9.2	9.15	8.50	7.75	7.25	4.25					TO	TI	32	32	0.00	48.90	8.50	7.75	7.25	4.25	4.25	0	0	0	0	0	27.75	X	107000073	32	
010750	TÔ THANH VY	Nữ	07/11/2006	9.4	9.7	9.6	9.4	9.53	8.50	7.25	9.25	6.50		2.50			VA	AN	38	30	0.00	50.28	8.50	7.25	9.25	6.50	2.50	0	0	0	0	0	31.5	X	108000339	32	
010751	TRẦN HUỲNH KHÁNH VY	Nữ	04/04/2006	7.9	8.6	8.6	8	8.28	5.00	5.00	4.25	4.00					VA	Không có	22.25		0.00	32.53	5.00	5.00	4.25	4.00	0.00	0	0	0	0	0	18.25	X	108000113	32	
010752	TRƯƠNG ĐỖ TƯỜNG VY	Nữ	20/03/2006	8.4	8.4	8	8	8.20	6.50	3.75	5.50	4.50					VA	Không có	24.75		0.00	34.20	6.50	3.75	5.50	4.50	0.00	0	0	0	0	0	20.25	X	156000007	32	
010753	TRƯƠNG HÀ VY	Nữ	17/10/2006	8.1	8.4	7.3	8	7.95	7.75	4.75	4.25	5.75					VA	Không có	28.25		0.00	37.20	7.75	4.75	4.25	5.75	0.00	0	0	0	0	0	22.5	X	156000005	32	
010754	TRƯƠNG NGUYỄN NGỌC LAN VY	Nữ	18/09/2006	8.9	8.7	8.2	8.4	8.55	8.00	6.50	5.00	7.00					VA	Không có	33.5		0.00	42.55	8.00	6.50	5.00	7.00	0.00	0	0	0	0	0	26.5	X	506000020	32	
010755	LÊ TRẦN NHƯ XUÂN	Nữ	18/01/2006	9.1	9.3	9.2	8.9	9.13	7.75	7.75	8.50	4.25		1.50			VA	AN	32.5	27	0.00	48.63	Liệt CH	7.75	7.75	8.50	4.25	1.50	0	0	0	0	0	28.25	X	108000133	32	Liệt CH
010756	NGUYỄN ÁNH XUÂN	Nữ	10/08/2006	9.1	9.4	9.2	9.1	9.20	7.50	6.50	9.75	5.00		3.30			AN	VA	30.35	33.75	0.00	46.95	7.50	6.50	9.75	3.30	5.00	0	0	0	0	0	28.75	X	107000076	32	
010757	NGUYỄN HỒNG XUÂN	Nữ	27/01/2006	8.7	8.9	8.8	8.5	8.73	4.25	8.00	5.50		3.00				TO	Không có	23.75		0.00	38.73	4.25	8.00	5.50	3.00	0.00	0	0	0	0	0	20.75	X	404000200	32	
010758	NGUYỄN YẾN XUÂN	Nữ	10/08/2006	9.1	9.1	9	9	9.05	7.00	7.50	8.75	5.75		3.10			AN	VA	29.45	34.75	0.00	46.80	7.00	7.50	8.75	3.10	5.75	0	0	0	0	0	29	X	107000078	32	
010759	ĐÀO LƯƠNG THIÊN Ý	Nam	19/03/2006	8.7	9	9	8.7	8.85	5.50	6.50	8.25		2.75	1.60			AN	TI	23.45	25.75	0.00	41.10	Liệt CH	5.50	6.50	8.25	1.60	2.75	0	0	0	0	0	23	X	108000169	32	Liệt CH
010760	LÊ NGỌC NHƯ Ý	Nữ	03/08/2006	8.4	8.8	8.9	8.4	8.63	7.50	6.50	9.25			4.50			AN	Không có	32.25		0.00	45.88	7.50	6.50	9.25	4.50	0.00	0	0	0	0	0	27.75	X	108000352	32	
010761	NGUYỄN ĐĂNG NHƯ Ý	Nữ	17/11/2006	9.4	9.5	9.3	9.1	9.33	8.25	4.75	9.25			5.60			AN	Không có	33.45		0.00	44.58	8.25	4.75	9.25	5.60	0.00	0	0	0	0	0	27.85000038	X	405000126	32	
010762	PHAN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	06/06/2006	8.7	9	8.9	8.7	8.83	6.25	7.75	8.00	4.75					TO	Không có	31.5		0.00	44.83	6.25	7.75	8.00	4.75	0.00	0	0	0	0	0	26.75	X	814000005	32	
010763	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG YẾN	Nữ	12/11/2006	9.4	9.3	9.3	9.1	9.28	8.25	8.25	8.75					7.25	SI	Không có	39.75		0.00	51.03	8.25	8.25	8.75	7.25	0.00	0	0	0	0	0	32.5	X	113000003	32	
010764	ĐỖ HOÀNG YẾN	Nữ	12/02/2006	9.6	9.7	9.7	9.6	9.65	7.25	8.25	7.75		7.00				TO	TI	37.25	37.25	0.50	48.90	7.25	8.25	7.75	7.00	7.00	0	0	0	0	0	30.25	X	811000000	32	
010765	HOÀNG NGUYỄN KIM YẾN	Nữ	14/09/2006	9.3	9.5	9.4	9.4	9.40	6.75	8.00	7.50	5.75		2.40			AN	VA	27.05	33.75	0.00	46.40	6.75	8.00	7.50	2.40	5.75	0	0	0	0	0	28	X	108000034	32	
010766	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	Nữ	08/09/2006	8.9	8	8.4	7.8	8.28	6.25	2.25	4.25	4.00					VA	Không có	20.75		0.00	29.53	6.25	2.25	4.25	4.00	0.00	0	0	0	0	0	16.75	X	115000019	32	